

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG
NGHỆ CAO SIBA**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán bởi
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2-4
Báo cáo kiểm toán	5-6
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	7-50
<i>Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>	7-10
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2022</i>	11
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2022</i>	12-13
<i>Bàn thuyết minh báo cáo tài chính năm 2022</i>	14-50

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn cơ khí công nghệ cao Siba trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Tập đoàn cơ khí công nghệ cao Siba được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0313140100 đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 02 năm 2015. Trong quá trình hoạt động, công ty đã 10 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp về tên công ty, địa chỉ, chủ sở hữu và vốn điều lệ. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 10 số 0313140100 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03 tháng 01 năm 2023 về tăng vốn điều lệ.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 10: 250.000.000.000 VND.

Vốn điều lệ thực góp tại thời điểm 31/12/2022: 250.000.000.000 VND

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại : 028.3811.0480

Mã số thuế : 0313140100

Ngành nghề kinh doanh chính:

- Thương mại nông sản;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại./.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 50).

Sự kiện quan trọng phát sinh trong năm và sau ngày kết thúc năm tài chính

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn Cơ khí Công nghệ cao Siba số 15.04/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15 tháng 04 năm 2022 về việc thông qua Phương án chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng, tăng vốn điều lệ từ 150.000.000.000 đồng lên 250.000.000.000 đồng. Đến thời điểm 13 tháng 12 năm 2022, Công ty đã hoàn thành việc chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng. Ngày 03 tháng 01 năm 2023, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 10 về việc tăng vốn điều lệ lên 250.000.000.000 đồng.

Theo Công Văn số 8582/UBCK-GSDC ngày 27/12/2022 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Công ty Cổ phần Tập đoàn Cơ khí Công nghệ cao Siba bắt đầu thực hiện nghĩa vụ công ty đại chúng từ ngày 27/12/2022.

Ngoài các sự kiện nêu trên, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào khác xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2022 cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Nguyễn Văn Phú	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 01 năm 2022
Ông Nguyễn Văn Đức	Thành viên	
Bà Phan Hồng Vân	Thành viên	
Ông Phan Lê Hoàng Trung	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 01 năm 2022
Ông Trần Ngọc Long	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 01 năm 2022

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Nguyễn Văn Đức	Tổng Giám đốc	
Ông Phan Lê Hoàng Trung	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 01 năm 2022

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	
Bà Lê Thị Xuân Đức	Trưởng BKS	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 3 năm 2022
Ông Vũ Nam Anh	Trưởng BKS	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 01 năm 2022
		Miễn nhiệm ngày 06 tháng 3 năm 2022
Bà Nguyễn Thị Lệ Thương	Thành viên BKS	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 01 năm 2022
Ông Đào Đức Tuấn	Thành viên BKS	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 01 năm 2022

Kiểm toán Viên

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu đo gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nếu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

TP. Hồ Chí Minh, Ngày 20 tháng 03 năm 2023

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

~~Tổng Giám đốc~~



Nguyễn Văn Đức

Số : 1210.02.01/2022/BCTC - NVT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
Về Báo cáo tài chính năm 2022Kính gửi : **Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Tập đoàn Cơ khí Công nghệ cao Siba

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Cơ khí Công nghệ cao Siba, được lập ngày 20 tháng 03 năm 2023 từ trang 07 đến trang 50, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Cơ khí Công nghệ cao Siba chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, yêu cầu lập kế hoạch và thực hiện để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Cơ khí Công nghệ cao Siba tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2023

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

Phó Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên



Nguyễn Thị Hạnh

GCNĐKHNKT số: 1690-2023-124-1

Phạm Văn Tuấn

GCNĐKHNKT số: 4497-2023-124-1

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN		100		1.837.779.856.616	1.393.736.105.524
I. Tiền và các khoản tương đương tiền		110	V.1	73.776.103.746	61.853.902.172
1. Tiền		111		73.776.103.746	61.853.902.172
2. Các khoản tương đương tiền		112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh		121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn		130		1.302.982.283.182	1.125.038.890.062
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		131	V.2	1.250.932.396.037	1.093.272.133.799
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		132	V.3	27.410.238.191	4.710.189.847
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn		135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác		136	V.4a	24.639.648.954	27.056.566.416
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý		139		-	-
IV. Hàng tồn kho		140		423.894.678.442	184.587.261.474
1. Hàng tồn kho		141	V.5	423.894.678.442	184.587.261.474
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác		150		37.126.791.246	22.256.051.816
1. Chi phí trả trước ngắn hạn		151	V.6a	1.276.896.867	1.164.043.868
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		152		35.849.894.379	21.092.007.948
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác		155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		338.151.049.143	240.404.349.697
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		107.156.000	3.301.456.466
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	107.156.000	3.301.456.466
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		180.817.586.144	2.493.420.891
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	179.805.660.959	2.493.420.891
<i>Nguyên giá</i>	222		188.358.885.440	3.370.347.728
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(8.553.224.481)	(876.926.837)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.8	1.011.925.185	-
<i>Nguyên giá</i>	225		1.011.925.185	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		63.213.993.444	192.147.011.538
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9	63.213.993.444	192.147.011.538
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.10	88.000.000.000	40.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		88.000.000.000	40.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		6.012.313.555	2.462.460.802
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6b	6.012.313.555	2.462.460.802
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.175.930.905.759	1.634.140.455.221

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.787.290.227.958	1.431.733.019.735
I. Nợ ngắn hạn	310		1.650.756.138.615	1.354.020.242.339
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	1.462.900.800.130	1.252.908.093.563
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	79.083.081.318	77.971.710.385
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	1.659.444.004	5.645.172.609
4. Phải trả người lao động	314		3.916.767.927	1.587.785.782
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	9.945.792.541	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	686.863.239	-
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16a	92.563.389.456	15.907.480.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		136.534.089.343	77.712.777.396
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16b	136.534.089.343	77.712.777.396
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		388.640.677.801	202.407.435.486
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	388.640.677.801	202.407.435.486
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		250.000.000.000	150.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		250.000.000.000	150.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		79.824.500.000	30.000.000.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		58.816.177.801	22.407.435.486
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		22.407.435.486	3.862.665.867
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		36.408.742.315	18.544.769.619
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.175.930.905.759	1.634.140.455.221

Người lập biểu

Võ Thị Cẩm Tú

Kế toán trưởng

Hà Thị Ngọc Sơn

Lập, ngày 20 tháng 03 năm 2023



Nguyễn Văn Đức

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VL1	4.009.510.319.203	5.878.099.081.223
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		4.009.510.319.203	5.878.099.081.223
4. Giá vốn hàng bán	11	VL2	3.929.226.045.139	5.843.428.694.474
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		80.284.274.064	34.670.386.749
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VL3	4.429.262.449	5.007.194.514
7. Chi phí tài chính	22	VL4	16.698.610.452	1.769.339.417
Trong đó: chi phí lãi vay	23		16.257.743.854	272.675.446
8. Chi phí bán hàng	25	VL5	14.268.816.085	2.103.258.383
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VL6	15.383.905.142	13.324.814.146
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		38.362.204.834	22.480.169.317
11. Thu nhập khác	31	VL7	186.967.905	707.356.950
12. Chi phí khác	32	VL8	423.586.559	2.920.793
13. Lợi nhuận khác	40		(236.618.654)	704.436.157
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		38.125.586.180	23.184.605.474
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VL9	1.716.843.865	4.639.835.855
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>36.408.742.315</u>	<u>18.544.769.619</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VL10	-	-

Người lập biểu



Võ Thị Cẩm Tú

Kế toán trưởng



Hà Thị Ngọc Sơn

Lập, ngày 20 tháng 03 năm 2023




Nguyễn Văn Đức

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		38.125.586.180	23.184.605.474
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		7.676.297.644	428.440.548
- Các khoản dự phòng	03		-	(7.947.555)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	(2.718.251.540)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(485.565.430)	(2.234.331.126)
- Chi phí lãi vay	06		16.257.743.854	272.675.446
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		61.574.062.248	18.925.191.247
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(189.886.203.501)	852.557.822.743
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(239.307.416.968)	(11.516.455.652)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		271.636.920.596	(790.121.329.404)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(3.662.705.752)	(866.076.414)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(13.115.017.659)	(272.675.446)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(5.714.925.370)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(118.475.286.406)	68.706.477.074
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(81.384.208.562)	(143.914.823.763)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(59.296.279.483)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	33.925.624.523
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(48.000.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		864.789.846	2.064.724.929
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(128.519.418.716)	(167.220.753.794)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		149.824.500.000	90.000.000.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		152.096.199.943	72.968.404.740
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(43.003.793.247)	(6.091.971.000)
5. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		258.916.906.696	156.876.433.740
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		11.922.201.574	58.362.157.020
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	61.853.902.172	3.511.430.704
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	(19.685.552)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	73.776.103.746	61.853.902.172

Người lập biên



Võ Thị Cẩm Tú

Kế toán trưởng



Hà Thị Ngọc Sơn

Lập, ngày 28 tháng 03 năm 2023



Nguyễn Văn Đức

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Thương mại, dịch vụ, sản xuất
- Ngành nghề kinh doanh** :
Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty trong năm bao gồm:
 - Thương mại nông sản;
 - Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại./.
- Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**: Trong vòng 12 tháng
- Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên BCTC**: Số liệu BCTC năm 2022 hoàn toàn nhất quán và đảm bảo tính so sánh được với số liệu BCTC năm 2021.
- Nhân viên**:
Tại ngày kết thúc năm tài chính Doanh nghiệp có 188 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 115 nhân viên).
- Cấu trúc doanh nghiệp**:
Công ty con:

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động chính</i>	<i>Tỷ lệ vốn góp thực tế</i>	<i>Tỷ lệ theo Giấy CNĐKKD</i>
Công Ty TNHH MTV Năng Lượng Sạch VMECO Bạc Liêu	Lô E9, Khu công nghiệp Trà Kha, Phường 8, Thành phố Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu, Việt Nam	Sản xuất điện	100%	100%
Công Ty TNHH MTV Năng Lượng Sạch VMECO Đồng Tháp	Đường ven Sông Hậu, Ấp An Ninh, Xã Định An, Huyện Lấp Vó, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam	Sản xuất điện	100%	100%
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Sibacons	Số 2, đường 8A, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Xây dựng, thương mại, dịch vụ, sản xuất	80%	80%

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Tỷ giá khi góp vốn hoặc nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Doanh nghiệp. Việc kiểm soát đạt được khi Doanh nghiệp có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Các khoản đầu tư vào công ty con, được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chi được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Doanh nghiệp so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Doanh nghiệp và người mua là đơn vị độc lập với Doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính (hoặc yếu tố chi phí khác cho phù hợp).

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được Tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá Tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi Tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại Tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định hữu hình</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	08 – 35
Máy móc thiết bị	05 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 – 05

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<u>Loại tài sản cố định thuê tài chính</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc thiết bị	05
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Doanh nghiệp) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

10. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Doanh nghiệp bao gồm các chi phí sau:

Tiền thuê đất khu Công nghiệp

Tiền thuê đất khu Công nghiệp phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian 50 năm.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước khác phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ,

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

12. Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Công ty phải theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Đối với khoản nợ thuê tài chính, tổng số nợ thuê phản ánh vào bên Có của tài khoản 341 là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay, nợ bằng ngoại tệ phải quy đổi ra đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh:

- Khi trả nợ, vay bằng ngoại tệ, bên Nợ tài khoản 341 được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ kế toán thực tế đích danh cho từng đối tượng;

- Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

- Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

(*)Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn Cơ khí Công nghệ cao Siba số 15.04/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15 tháng 04 năm 2022 về việc thông qua phương án chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng, tăng vốn điều lệ từ 150.000.000.000 đồng lên 250.000.000.000 đồng. Đến thời điểm 13 tháng 12 năm 2022, Công ty đã hoàn thành việc chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng. Ngày 03 tháng 01 năm 2023, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 10 về việc tăng vốn điều lệ lên 250.000.000.000 đồng.

Lợi nhuận chưa phân phối

Ghi nhận kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

Các quỹ khác

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn hàng năm.

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

16. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

18. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

19. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Dự án đầu tư Nhà máy Cơ khí công nghệ hỗ trợ Công nghệ cao VMECO của Công ty được áp dụng thuế suất 17% trong thời hạn 10 năm (từ năm 2022 đến năm 2031), miễn thuế 02 năm (từ năm 2022 đến năm 2023) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 04 năm tiếp theo áp dụng cho Dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn theo Hướng dẫn của Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 và Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính.

20. Công cụ tài chính

i. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

ii. **Nợ phải trả tài chính**

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm; nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

iii. Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cũng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	2.021.777.433	3.703.095.935
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	71.754.326.313	58.150.806.237
Cộng	<u>73.776.103.746</u>	<u>61.853.902.172</u>

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>13.599.356.825</i>	<i>5.306.071.130</i>
Công Ty TNHH Đầu Tư Trang Trại Xanh 1	9.475.479.286	-
Công Ty TNHH MTV Năng Lượng Sạch VMECO Bạc Liêu	265.000.000	-
Công ty TNHH Đầu tư Trang trại xanh 2	3.858.877.539	-
Công Ty TNHH Anh Vũ Phú Yên	-	5.306.071.130
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>1.237.333.039.212</i>	<i>1.087.966.062.669</i>
Công ty TNHH Đầu Tư và Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Tân Thành Nam	185.972.386.450	410.059.177.950
Công ty Cổ phần Đầu Tư Sản Xuất Và Kinh Doanh Thực Phẩm Hà Nội	308.366.546.580	143.683.241.980
Công ty Cổ phần XNK Cao Thăng	162.231.116.204	-
Công ty Cổ phần Sản Xuất, Thương Mại Và Dịch Vụ Tân Mai	313.160.032.033	301.260.780.783
Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Nông Sản Thực Phẩm Thành Đô (*)	162.515.899.318	162.515.899.318
Công ty Cổ phần Thương Mại Và Phát Triển Đầu Tư Bách Thuận	6.633.207.380	33.247.139.380
Công ty TNHH XNK Nông Lâm Sản Thái Nguyên	-	26.291.057.120
Các khách hàng khác	98.453.851.247	10.908.766.138
Cộng	<u>1.250.932.396.037</u>	<u>1.093.272.133.799</u>

(*) Khoản công nợ phải thu Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Nông Sản Thực Phẩm Thành Đô đã được thu hồi tại thời điểm ngày 28/2/2023.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	<i>376.650</i>	<i>-</i>
Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Long	376.650	-
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<i>27.409.861.541</i>	<i>4.710.189.847</i>
Công ty cổ phần Sonadezi Châu Đức	-	691.000.000
Công ty Cổ Phần Công Nghiệp AMECO	-	2.444.579.112
Công ty TNHH Khai thác Nước Ngầm Tây Ninh	3.801.600.000	-
Savagnini Italia S.P.A	2.448.868.500	-
Công ty Cổ phần Kết cấu thép Đại Dũng Miền Trung	6.944.815.000	-
Công ty TNHH Tư Vấn XD TM Tín Việt	2.123.182.924	-
Công ty TNHH Antaco Bình Dương	2.441.275.200	-
Các nhà cung cấp khác	9.650.119.917	1.574.610.735
Cộng	<u>27.410.238.191</u>	<u>4.710.189.847</u>

4. Các khoản phải thu khác**a) Ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>17.407.770</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Sibacons	17.407.770	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>24.622.241.184</i>	<i>-</i>	<i>27.056.566.416</i>	<i>-</i>
Ký cược, ký quỹ (*)	24.298.658.443	-	26.413.248.150	-
Tạm ứng	233.736.403	-	206.642.966	-
Công ty Cho Thuê Tài Chính TNHH MTV Quốc Tế Chaillease	63.499.852	-	-	-
Lãi tiền gửi ký quỹ	1.410.411	-	380.634.827	-
Phải thu khác	24.936.075	-	56.040.473	-
Cộng	<u>24.639.648.954</u>	<u>-</u>	<u>27.056.566.416</u>	<u>-</u>

(*) Là khoản cầm cố, ký quỹ theo các nội dung sau:

+ Ký quỹ tài khoản tiền gửi tiết kiệm Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam theo hợp đồng cầm cố số QTN2022TSDB779146/HĐCC ngày 09 tháng 12 năm 2022 để thực hiện sản xuất kinh doanh số hợp đồng TBN2022530494/HĐCTD ngày 15 tháng 06 năm 2022, số tiền 1.848.000.000 VND.

+ Ký quỹ tài khoản tiền gửi tiết kiệm Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam theo hợp đồng cầm cố số QTN2022TSDB804959/HĐCC ngày 27 tháng 12 năm 2022 để thực hiện sản xuất kinh doanh số hợp đồng TBN2022530494/HĐCTD ngày 15 tháng 06 năm 2022, số tiền 1.796.000.000 VND.

+ Ký quỹ các tài khoản tiền gửi tiết kiệm Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Kỳ Đông theo hợp đồng cầm cố số 0065/NHNT-KD/22 ngày 14 tháng 06 năm 2022, Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 08/SĐBS – 0065/NHNT-KD/22 ngày 15 tháng 08 năm 2022 số tiền 15.025.000.000 VND để cầm cố đảm bảo thực hiện khoản vay tại ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Kỳ Đông số hợp đồng 0012/KHDN/22 ngày 13 tháng 06 năm 2022.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**b) Dài hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>107.156.000</i>	-	<i>3.301.456.466</i>	-
Cầm cổ, kỳ quỹ	107.156.000	-	3.301.456.466	-
Cộng	107.156.000	-	3.301.456.466	-

5. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	81.688.449.408	-	31.028.690.319	-
Công cụ, dụng cụ	5.522.693.214	-	1.300.654.724	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	98.861.132.602	-	26.117.958.988	-
Thành phẩm	121.368.796	-	292.902.664	-
Hàng hóa	237.701.034.422	-	125.847.054.779	-
Cộng	423.894.678.442	-	184.587.261.474	-

6. Chi phí trả trước**a) Ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	838.126.683	469.018.930
Chi phí bảo hiểm	123.817.247	308.075.624
Chi phí thuê cơ sở hạ tầng	242.933.258	137.460.014
Chi phí phần mềm, thuê máy chủ	36.473.331	100.262.087
Chi phí khác	35.546.348	149.227.213
Cộng	1.276.896.867	1.164.043.868

b) Dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền thuê đất	2.220.196.163	2.268.902.482
Công cụ dụng cụ	293.671.863	61.846.468
Chi phí thi công văn phòng	36.678.425	70.535.413
Chi phí trả trước dài hạn Nhà máy Bạc Liêu	3.412.196.100	-
Các chi phí trả trước dài hạn khác	49.571.004	61.176.439
Cộng	6.012.313.555	2.462.460.802

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
BẢO CAO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
Báo thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	-	807.635.000	2.434.346.364	128.366.364	3.370.347.728
Mua sắm mới	-	94.270.000	-	-	94.270.000
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	55.716.664.542	126.085.472.443	3.092.130.727	-	184.894.267.712
Số cuối năm	55.716.664.542	126.987.377.443	5.526.477.091	128.366.364	188.358.885.440
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng					
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	-	294.249.328	512.611.262	70.066.247	876.926.837
Khấu hao trong năm	1.471.100.239	5.665.906.968	510.435.347	28.855.090	7.676.297.644
Số cuối năm	1.471.100.239	5.960.156.296	1.023.046.609	98.921.337	8.553.224.481
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	-	513.385.672	1.921.735.102	58.300.117	2.493.420.891
Số cuối năm	54.245.564.303	121.027.221.147	4.503.430.482	29.445.027	179.805.660.959

Tài sản cố định hữu hình có nguyên giá 184.833.728.912 VND và giá trị còn lại 177.610.696.073 VND được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hà Nội.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	-	-	-
Thuê tài chính trong năm	432.000.000	579.925.185	1.011.925.185
Số cuối năm	432.000.000	579.925.185	1.011.925.185
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	-	-
Khấu hao trong năm	-	-	-
Số cuối năm	-	-	-
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	-	-	-
Số cuối năm	432.000.000	579.925.185	1.011.925.185

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển vào Chi phí trả trước	Phản loại lại	Số cuối năm
Xây dựng cơ bản dở dang	192.147.011.538	60.440.629.790	(184.894.267.712)	(4.479.380.172)	-	63.213.993.444
Công trình "Nhà máy Cơ khí công nghiệp hỗ trợ công nghệ cao" (1)	192.147.011.538	1.181.889.026	(184.894.267.712)	(4.479.380.172)	(1.449.652.680)	2.505.600.000
Hệ thống phần mềm quản lý SAP	-	6.842.566.400	-	-	1.449.652.680	8.292.219.080
Công trình: "Nhà máy Cơ khí Công nghệ cao SIBA Bà Rịa Vũng Tàu" (2)	-	38.527.285.476	-	-	-	38.527.285.476
Công trình: "Nhà máy Cơ khí Công nghệ cao SIBA Nghệ An" (3)	-	13.888.888.888	-	-	-	13.888.888.888
Cộng	192.147.011.538	60.440.629.790	(184.894.267.712)	(4.479.380.172)	-	63.213.993.444

(1) Là chi phí xây dựng cơ bản dở dang của dự án: "Nhà máy cơ khí công nghiệp hỗ trợ công nghệ cao" đang được thể chấp cho các khoản vay tại Ngân Hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hàn Thuyên, Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2022, công trình hiện đã đi vào hoạt động. Giá trị còn lại 2.505.600.000 VND là giá trị của 02 Máy móc, thiết bị đang lắp đặt tại nhà máy chuẩn bị bàn giao đưa vào sử dụng.

(2) Là chi phí xây dựng dự án " Nhà máy Cơ khí Công nghệ cao SIBA Bà Rịa Vũng Tàu" theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 8353128311 ngày 01/03/2022 của Ban quản lý các khu công nghệ Bà Rịa-Vũng Tàu. Hiện dự án đang trong giai đoạn xây dựng.

(3) Là chi phí xây dựng dự án "Nhà máy Cơ khí Công nghệ cao SIBA Nghệ An" theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 3808008450 ngày 04/01/2023 của Ban quản lý Khu kinh tế Đông Nam tỉnh Nghệ An. Dự án hiện đang ở bước thực hiện các thủ tục đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
BẢO CAO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
 Báo thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc
Đầu tư vào công ty con	88.000.000.000	-	88.000.000.000	40.000.000.000
Công ty TNHH MTV Năng Lượng Sạch VMECO Bạc Liêu (1)	20.000.000.000	-	20.000.000.000	20.000.000.000
Công ty TNHH MTV Năng Lượng Sạch VMECO Đồng Tháp (2)	20.000.000.000	-	20.000.000.000	20.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Sibacons (3)	48.000.000.000	-	48.000.000.000	-
Cộng	88.000.000.000	-	88.000.000.000	40.000.000.000

(1) Khoản góp vốn vào Công ty TNHH MTV Năng Lượng Sạch VMECO Bạc Liêu theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 1900665908 ngày 24 tháng 08 năm 2020, theo đó Công ty Cổ phần Tập đoàn cơ khí công nghệ cao Siba là chủ sở hữu 100% vốn điều lệ, đang đương số tiền 20.000.000.000 VND. Công ty hiện hoạt động bình thường trong lĩnh vực năng lượng mặt trời.

(2) Khoản góp vốn vào Công ty TNHH MTV Năng Lượng Sạch VMECO Đồng Tháp theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 1402149837 ngày 22 tháng 09 năm 2020, theo đó Công ty Cổ phần Tập đoàn cơ khí công nghệ cao Siba là chủ sở hữu 100% vốn điều lệ, đương đương số tiền 20.000.000.000 VND. Công ty hiện hoạt động trong lĩnh vực năng lượng mặt trời, đang trong giai đoạn đầu tư nên chưa có doanh thu.

(3) Khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Sibacons theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0317186593 đăng ký lần đầu ngày 07 tháng 3 năm 2022, theo đó Công ty Cổ phần Tập đoàn cơ khí công nghệ cao Siba góp 80% vốn điều lệ tương đương số tiền 48.000.000.000. Công ty hoạt động trong lĩnh vực xây dựng (tư vấn giám sát), thương mại, sản xuất, dịch vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**11. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>105.389.102</i>	<i>60.585.017.800</i>
Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Tân Long	-	60.585.017.800
Công ty TNHH MTV Năng Lượng Sạch VMECO Bạc Liêu	105.389.102	-
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>1.462.795.411.028</i>	<i>1.192.323.075.763</i>
Công ty Cổ phần Đầu Tư Xây Dựng và Thương Mại Tín Phát	-	62.327.303.184
Công ty Cổ Phần Nông Sản MOGB Quốc Tế	-	-
Công ty Cổ Phần Nông Sản Sông Lam	222.798.634.020	438.527.098.020
Công ty TNHH Phát Triển Dịch Vụ Thương Mại Bình Tân	-	225.013.701.960
Công ty Cổ Phần Nông Nghiệp Kiến Nông	683.537.011.450	200.887.784.700
Công ty Cổ Phần Nông Sản BIVC Quốc Tế	154.563.784.100	161.331.939.200
Công ty Cổ phần Nông Sản MOGB Quốc Tế	279.336.773.000	-
Công ty Lam Kính	34.901.889.925	-
Savagnini Italia S.P.A	-	24.316.763.759
Các nhà cung cấp khác	87.657.318.533	79.918.484.940
Cộng	<u>1.462.900.800.130</u>	<u>1.252.908.093.563</u>

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	<i>72.684.502.270</i>	<i>52.966.420.154</i>
Công ty TNHH MTV Năng Lượng Sạch VMECO Đồng Tháp	-	15.977.002.800
Công ty TNHH MTV Năng Lượng Sạch VMECO Bạc Liêu	-	10.651.335.200
Công ty TNHH Anh Vũ Phú Yên	654.500.000	-
Công ty TNHH Đầu tư Trang trại Xanh 1	-	7.345.459.974
Công ty TNHH Sản xuất thương mại dịch vụ Bắc An Khánh	18.500.000.000	18.500.000.000
Công ty TNHH Chân Nuôi Bảo Ngọc	204.270.000	204.270.000
Công ty Cổ phần Chân nuôi Công nghệ cao Hải Đăng Tây Ninh	28.918.163.469	-
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Đồng An Khánh	9.794.076.975	-
Công ty TNHH Chân nuôi Nam An Khánh	14.204.951.826	-
Công ty Cổ phần Nông Nghiệp BAF Việt Nam	408.540.000	19.089.880
Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Tân Long	-	269.262.300
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	<i>6.398.579.048</i>	<i>25.005.290.231</i>
Công ty Cổ phần CBOT Việt Nam	5.500.000.000	-
Công ty Cổ phần XNK Cao Thăng	-	18.533.376.871
Công ty Cổ Phần Nông Sản Vinacam	-	6.386.616.280
Các khách hàng khác	898.579.048	85.297.080
Cộng	<u>79.083.081.318</u>	<u>77.971.710.385</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 AI Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	2.876.361.861	(2.876.361.861)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu			46.190.926	(46.190.926)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.632.878.863	-	1.716.843.865	(5.714.925.370)	1.634.797.358	-
Thuế thu nhập cá nhân	12.293.746	-	279.096.234	(266.743.334)	24.646.646	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	95.468.625	(95.468.625)	-	-
Các loại thuế khác	-	-	4.008.390	(4.008.390)	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	238.229.387	(238.229.387)	-	-
Cộng	5.645.172.609	-	5.256.199.288	(9.241.927.893)	1.659.444.004	-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất theo từng loại hình như sau:

Nông sản, khung chuồng heo	Không chịu thuế
Các dịch vụ, hàng hóa khác	8%; 10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng là 20%.

Dự án đầu tư Nhà máy Cơ khí công nghiệp hỗ trợ Công nghệ cao VMECO của Công ty được áp dụng thuế suất 17% trong thời hạn 10 năm (từ năm 2022 đến năm 2031), miễn thuế 02 năm (từ năm 2022 đến năm 2023) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 04 năm tiếp theo áp dụng cho Dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn theo Hướng dẫn của Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 và Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**14. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>1.611.166.667</i>	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây Dựng SIBACONS – tiền lãi vay phải trả	1.611.166.667	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>8.334.625.874</i>	-
Phải trả lãi vay	1.531.559.528	-
Chi phí phải trả các công trình	6.803.066.346	-
Công ty SX TM XD Phúc Huệ	5.896.264.230	-
CNVT-Công ty Thép Nhân Luật MN	591.274.792	-
Công ty Minh Hòa Thành	148.726.760	-
Các đối tượng khác	166.800.564	-
Cộng	<u>9.945.792.541</u>	<u>-</u>

15. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>686.863.239</i>	-
Bảo hiểm xã hội	562.061.514	-
Bảo hiểm y tế	82.027.890	-
Bảo hiểm thất nghiệp	42.773.835	-
Cộng	<u>686.863.239</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Vay và nợ thuê tài chính**a) Ngân hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	26.628.338.000	26.628.338.000	-	-
Công ty TNHH MTV Năng lượng sạch Vmecco Đồng Tháp (1)	15.977.002.800	15.977.002.800	-	-
Công ty TNHH MTV Năng lượng sạch Vmecco Bạc Liêu (2)	10.651.335.200	10.651.335.200	-	-
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	65.935.051.456	65.935.051.456	15.907.480.000	15.907.480.000
Vay ngắn hạn ngân hàng	45.679.747.456	45.679.747.456	-	-
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (3)	45.679.747.456	45.679.747.456	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	20.255.304.000	20.255.304.000	15.907.480.000	15.907.480.000
Ngân Hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hân Thuận	20.255.304.000	20.255.304.000	15.907.480.000	15.907.480.000
Cộng	92.563.389.456	92.563.389.456	15.907.480.000	15.907.480.000

(1) Khoản vay Công ty TNHH MTV Năng lượng sạch Vmecco Đồng Tháp theo Hợp đồng 31.12.2022/HĐV-VMCDT-SB ngày 31/12/2022. Số tiền vay 15.977.002.800 VND, lãi suất vay 6%/năm tính từ ngày hợp đồng vay có hiệu lực. Thời hạn vay 12 tháng, tiền lãi được trả vào ngày kết thúc thời hạn vay. Số tiền nợ gốc sau khi kết thúc thời hạn vay sẽ được căn trừ với công nợ phát sinh của Hợp đồng 2712/2021/HĐ-SIBA-NLSVDT ngày 27/12/2021.

(2) Khoản vay Công ty TNHH MTV Năng lượng sạch Vmecco Bạc Liêu theo Hợp đồng 31.12.2022/HĐV-VMCBL-SB ngày 31/12/2022. Số tiền vay 10.651.335.200 VND, lãi suất vay 6%/năm tính từ ngày hợp đồng vay có hiệu lực. Thời hạn vay 12 tháng, tiền lãi được trả vào ngày kết thúc thời hạn vay. Số tiền nợ gốc sau khi kết thúc thời hạn vay sẽ được căn trừ với công nợ phát sinh của Hợp đồng 2612/2021/HĐ-SIBA-NLSVDT ngày 26/12/2021.

(3) Khoản vay ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo Hợp đồng cấp tín dụng số 0012/KHDN/22 ngày 13 tháng 6 năm 2022. Mục đích sử dụng vốn để tài trợ các nhu cầu tín dụng ngân hàng hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng không bao gồm nhu cầu ngân hạn phục vụ cho hoạt động đầu tư tài sản cố định. Hạn mức cho vay 50.000.000.000 VND, khoản vay được đảm bảo bằng Số tiết kiệm/Hợp đồng tiền gửi với tỷ lệ (Giá trị tài sản đảm bảo sau quy đổi/Dư nợ cấp tín dụng) đạt tối thiểu 30% tại mọi thời điểm. Thời hạn cho vay của mỗi khoản nợ tối đa 06 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn và được ghi trên từng Giấy nhận nợ. Lãi suất cho vay được ghi trên từng Giấy nhận nợ

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Chuyển từ công nợ phải trả về ứng trước sang vay	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan	-	110.000.000	-	26.628.338.000	(110.000.000)	26.628.338.000
Công ty TNHH MTV Năng lượng sạch Ymeco Đông Tháp	-	-	-	15.977.002.800	-	15.977.002.800
Công ty TNHH MTV Năng lượng sạch Ymeco Bạc Liêu	-	-	-	10.651.335.200	-	10.651.335.200
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây Dựng SIBACONS	-	110.000.000	-	-	(110.000.000)	-
Vay ngắn hạn ngân hàng	-	69.638.522.703	-	-	(23.958.775.247)	45.679.747.456
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	-	69.638.522.703	-	-	(23.958.775.247)	45.679.747.456
Vay dài hạn đến hạn trả	15.907.480.000	-	20.255.304.000	-	(15.907.480.000)	20.255.304.000
Ngân Hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hà Thủy	15.907.480.000	-	20.255.304.000	-	(15.907.480.000)	20.255.304.000
Cộng	15.907.480.000	69.748.522.703	20.255.304.000	26.628.338.000	(39.976.255.247)	92.563.389.456

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

b) Dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay và nợ thuế tài chính dài hạn phải trả các bên liên quan</i>	<i>59.546.476.707</i>	<i>59.546.476.707</i>	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây Dựng SIBACONS (*)	59.546.476.707	59.546.476.707	-	-
<i>Vay và nợ thuế tài chính dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>76.987.612.636</i>	<i>76.987.612.636</i>	<i>77.712.777.396</i>	<i>77.712.777.396</i>
Vay dài hạn ngân hàng	76.130.364.636	76.130.364.636	77.712.777.396	77.712.777.396
Ngân Hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hàn Thuyên (**)	76.130.364.636	76.130.364.636	77.712.777.396	77.712.777.396
Nợ thuế tài chính	857.248.000	857.248.000	-	-
Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chaillease	857.248.000	857.248.000	-	-
Cộng	136.534.089.343	136.534.089.343	77.712.777.396	77.712.777.396

(*) Là khoản vay Công ty Cổ phần Đầu tư Xây Dựng SIBACONS theo các Hợp đồng sau:

+ Hợp đồng cho vay số 090622/HĐV-SB-SBC ngày 09/6/2022. Số tiền vay 43.000.000.000 VND, lãi suất vay 6%/năm tính từ ngày hợp đồng vay có hiệu lực. Thời hạn vay 24 tháng, tiền lãi được trả vào ngày kết thúc thời hạn vay.

+ Hợp đồng cho vay số 270622/HĐV-SB-SBC ngày 27/6/2022. Số tiền vay 4.900.000.000 VND, lãi suất vay 6%/năm tính từ ngày hợp đồng vay có hiệu lực. Thời hạn vay 24 tháng, tiền lãi được trả vào ngày kết thúc thời hạn vay.

+ Hợp đồng cho vay số 291222/HĐV-SB-SBC ngày 29/12/2022. Số tiền vay 12.000.000.000 VND, lãi suất vay 6%/năm tính từ ngày hợp đồng vay có hiệu lực. Thời hạn vay 24 tháng, tiền lãi được trả vào ngày kết thúc thời hạn vay.

(**) Là khoản vay theo hợp đồng số 0006/2020/HĐTĐTDH-PN/SHB.111500 ngày 12 tháng 02 năm 2020 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hàn Thuyên. Số tiền cho vay: 147.000.000.000 VND (Bằng chữ: Một trăm bốn mươi bảy tỷ đồng). Mục đích sử dụng vốn vay: Cho vay, mở L/C nhập khẩu Máy móc thiết bị (MMTB), bảo lãnh phục vụ đầu tư dự án: "Nhà máy cơ khí công nghiệp hỗ trợ công nghệ cao" tại Khu công nghiệp Trà Kha, phường 8, Thành phố Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu. Thời hạn vay 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất được quy định cụ thể trong từng khế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo gồm:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

+ Tài sản bảo đảm 1: Bên thế chấp tự nguyện thế chấp tài sản thuộc sở hữu của mình là: Toàn bộ các công trình xây dựng là tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai thuộc dự án nhà máy cơ khí công nghiệp hỗ trợ công nghệ cao VMECO được xây dựng tại thửa đất số 177; tờ bản đồ số 23 tại Khu Công nghiệp Trà Kha, phường 8, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu. Diện tích lô đất sử dụng: 14.100,91 m² (Bằng chữ: Mười bốn nghìn một trăm phẩy chín mốt mét vuông) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CS 002425; do UBND tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 26/06/2019. Giá trị định giá: 60.893.000.000 đồng theo biên bản xác định giá trị bất động sản ngày 12/02/2020.

+ Tài sản bảo đảm 2: Bên thế chấp tự nguyện thế chấp tài sản thuộc sở hữu của mình là toàn bộ hệ thống MMTB dây chuyền sản xuất hình thành trong tương lai thuộc dự án nhà máy cơ khí công nghiệp hỗ trợ công nghệ cao theo hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 0006/2020/HĐTCTL-PPN/SHB.111500 ngày 14/02/2020. Giá trị tài sản thế chấp là 161.285.484.582 đồng.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	Bù trừ công nợ	Số cuối năm
Vay và nợ thuế tài chính dài hạn phải trả các bên liên quan Công ty Cổ phần Đầu tư Xây Dựng SIBACONS	-	59.790.000.000	-	-	(243.523.293)	59.546.476.707
Vay dài hạn ngân hàng Ngân Hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hàn Thuận	77.712.777.396	21.700.429.240	(3.027.538.000)	(20.255.304.000)	-	76.130.364.636
Nợ thuế tài chính Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chatlease	-	857.248.000	-	-	-	857.248.000
Cộng	77.712.777.396	82.347.677.240	(3.027.538.000)	(20.255.304.000)	(243.523.293)	136.534.089.343
		857.248.000				857.248.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**17. Vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	90.000.000.000	-	3.862.665.867	93.862.665.867
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền	60.000.000.000	30.000.000.000	-	90.000.000.000
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	18.544.769.619	18.544.769.619
Số dư cuối năm trước	150.000.000.000	30.000.000.000	22.407.435.486	202.407.435.486
Số dư đầu năm nay	150.000.000.000	30.000.000.000	22.407.435.486	202.407.435.486
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền (*)	100.000.000.000	49.824.500.000	-	149.824.500.000
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	36.408.742.315	36.408.742.315
Số dư cuối năm nay	250.000.000.000	79.824.500.000	58.816.177.801	388.640.677.801

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn Cơ khí Công nghệ cao Siba số 15.04/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15 tháng 04 năm 2022 về việc thông qua Phương án chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng, tăng vốn điều lệ từ 150.000.000.000 đồng lên 250.000.000.000 đồng. Đến thời điểm 13 tháng 12 năm 2022, Công ty đã hoàn thành việc chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng. Ngày 03 tháng 01 năm 2023, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 10 về việc tăng vốn điều lệ lên 250.000.000.000 đồng.

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu tại ngày 31/12/2022

	Số cuối năm	Tỷ lệ	Số đầu năm	Tỷ lệ
Ông Nguyễn Văn Đức	44.250.000.000	17,70%	44.100.000.000	29,40%
Bà Phan Hồng Vân	22.600.000.000	9,04%	22.500.000.000	15,00%
Công ty Cổ phần Siba Holdings	139.000.000.000	55,60%	60.000.000.000	40,00%
Bà Dương Thị Mỹ Quý	-	0,00%	23.400.000.000	15,60%
Các đối tượng khác	44.150.000.000	17,66%	-	-
Cộng	250.000.000.000	100%	150.000.000.000	100%

Tại thời điểm phát hành Báo cáo này. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu như sau:

	20/3/2023	Tỷ lệ
Công ty Cổ phần Siba Holdings	139.000.000.000	55,60%
Ông Nguyễn Văn Đức	15.150.000.000	6,06%
Bà Phan Hồng Vân	7.600.000.000	3,04%
Các đối tượng khác	88.250.000.000	35,30%
Cộng	250.000.000.000	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 Ai Cập Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Cổ phiếu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	25.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	25.000.000	15.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	25.000.000	15.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	25.000.000	15.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	25.000.000	15.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.		

**18. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán
a, Ngoại tệ các loại**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	-	145.819

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	3.607.760.790.610	5.750.060.144.142
Doanh thu cung cấp dịch vụ	401.749.528.593	128.038.937.081
Cộng	4.009.510.319.203	5.878.099.081.223

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công Ty TNHH MTV Năng Lượng Sạch VMECO Bạc Liêu	500.000.000	13.823.799.959
Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Long	611.959.773	-
Công ty Cổ phần Nông Nghiệp BAF Việt Nam	724.553.020	-
Công Ty TNHH Đầu Tư Trang Trại Xanh 1	42.382.028.501	-
Công ty TNHH Đầu tư Trang trại xanh 2	30.555.483.387	-
Công Ty TNHH Anh Vũ Phú Yên	1.952.792.400	-
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Đông An Khánh	78.219.924.536	-
Công ty TNHH Chăn nuôi Nam An Khánh	30.137.148.561	-
Công Ty Cổ Phần Thức Ăn Chăn Nuôi BAF Tây Ninh	1.542.426.320	-
Công ty TNHH SX TM DV Chăn Nuôi Minh Thành	27.495.000	-
Cộng	186.653.811.498	13.823.799.959

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**2. Giá vốn hàng bán**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	3.603.453.590.571	5.742.713.525.715
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	325.772.454.568	100.715.168.759
Cộng	<u>3.929.226.045.139</u>	<u>5.843.428.694.474</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi, ký quỹ	485.565.430	2.234.331.126
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	3.943.697.019	54.611.848
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	2.718.251.540
Cộng	<u>4.429.262.449</u>	<u>5.007.194.514</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	16.257.743.854	272.675.446
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	440.866.598	1.504.611.526
Dự phòng/Hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư	-	(7.947.555)
Cộng	<u>16.698.610.452</u>	<u>1.769.339.417</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	9.931.953.758	1.220.406.788
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	38.869.864	19.317.750
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.046.329.793	84.155.369
Các chi phí khác	1.251.662.670	779.378.476
Cộng	<u>14.268.816.085</u>	<u>2.103.258.383</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	8.733.016.462	9.088.992.225
Chi phí đồ dùng văn phòng	876.523.931	1.113.787.286
Chi phí khấu hao tài sản cố định	358.018.032	392.835.528
Thuế, phí và lệ phí	831.539.440	494.474.297
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.242.498.257	1.964.312.030
Các chi phí khác	1.342.309.020	270.412.780
Cộng	<u>15.383.905.142</u>	<u>13.324.814.146</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Hàng tồn kho thừa sau kiểm kê	125.245.343	-
Chiết khấu	-	611.867.683
Xử lý công nợ	40.619.150	262
Thu nhập khác	21.103.412	95.489.005
Cộng	<u>186.967.905</u>	<u>707.356.950</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**8. Chi phí khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thuế bị phạt, bị truy thu	167.729.387	1.477.530
Hàng tồn kho thiếu sau kiểm kê	253.774.849	-
Xử lý công nợ	2.075.621	1.372.313
Chi phí khác	6.702	70.950
Cộng	<u>423.586.559</u>	<u>2.920.793</u>

9. Chi phí thuế TNDN hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	38.125.586.180	23.184.605.474
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	852.337.086	14.573.803
- Các khoản điều chỉnh tăng		
<i>Thuế bị phạt, bị truy thu</i>	<i>167.729.387</i>	<i>1.477.530</i>
<i>Chi phí không hợp lệ khác</i>	<i>684.607.699</i>	<i>13.096.273</i>
- Các khoản điều chỉnh giảm		
Thu nhập chịu thuế	38.977.923.266	23.199.179.277
<i>Thu nhập chịu thuế của hoạt động chịu thuế suất 17%</i>	<i>30.803.936.476</i>	<i>-</i>
<i>Thu nhập chịu thuế của hoạt động chịu thuế suất 20%</i>	<i>8.173.986.790</i>	<i>23.199.179.277</i>
Thu nhập tính thuế	38.977.923.266	23.199.179.277
Thu nhập tính thuế của hoạt động chịu thuế suất 17%	30.803.936.476	-
Thu nhập tính thuế của hoạt động chịu thuế suất 20%	8.173.986.790	23.199.179.277
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	6.871.466.559	4.639.835.855
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	<u>(5.236.669.201)</u>	<u>-</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	<u>1.634.797.358</u>	<u>4.639.835.855</u>
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	82.046.507	
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>1.716.843.865</u>	<u>4.639.835.855</u>

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 30 về "Lãi trên cổ phiếu" yêu cầu trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

11. Chi phí theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	197.776.949.180	43.896.978.542
Chi phí nhân công	43.267.964.375	13.127.083.636
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.676.297.644	428.440.548
Chi phí dịch vụ mua ngoài	109.042.040.189	2.881.710.725
Chi phí khác	70.233.564.153	76.704.225.177
Cộng	<u>427.996.815.541</u>	<u>137.038.438.628</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ****1. Các giao dịch không bằng tiền**

Trong năm Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi kỳ quỹ nhập gốc	-	167.670.000

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Doanh nghiệp bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:

	<u>Chức danh</u>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Ông Nguyễn Văn Đức	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	476.966.404	347.936.753
	Miễn nhiệm ngày 26 tháng 05 năm 2021	-	96.971.125
Ông Phan Lê Hoàng Trung	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	307.021.860	263.573.294
Bà Lê Thị Xuân Đức	Trưởng Ban Kiểm soát	241.097.363	-
Cộng		<u>1.025.085.627</u>	<u>708.481.172</u>

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

Góp vốn vào Công ty Cổ phần Tập đoàn Cơ khí Công nghệ cao Siba

<u>Đối tượng</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Số tiền góp</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Ông Nguyễn Văn Phú	150.000	2.250.000.000	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Văn Đức	15.000	225.000.000	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Bà Phan Hồng Vân	10.000	150.000.000	Thành viên HĐQT
Ông Phan Lê Hoàng Trung	30.000	450.000.000	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Ngọc Long	45.000	675.000.000	Thành viên HĐQT
Bà Lê Thị Xuân Đức	10.000	150.000.000	Trưởng BKS từ 06/3/2022
Ông Đào Đức Tuấn	7.500	112.500.000	Thành viên BKS
Ông Nguyễn Tấn Hưng	20.000	300.000.000	Người có liên quan của Ông Nguyễn Văn Đức

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**b. Giao dịch với bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Doanh nghiệp gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần SIBA HOLDINGS	Công ty mẹ
Công Ty TNHH MTV Năng Lượng Sạch VMECO Bạc Liêu	Công ty con
Công Ty TNHH MTV Năng Lượng Sạch VMECO Đồng Tháp	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Sibacons	Công ty con
	Ông Trương Sỹ Bá là Chủ tịch HĐQT của Công ty Cổ phần Siba Holdings đồng thời là Chủ tịch HĐQT của Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Long
Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Long	
Công ty Cổ phần Nông Nghiệp BAF Việt Nam	Công ty cùng Tập đoàn
Công Ty TNHH Đầu Tư Trang Trại Xanh 1	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Đầu tư Trang trại xanh 2	Công ty cùng Tập đoàn
Công Ty TNHH Anh Vũ Phú Yên	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Sản xuất thương mại dịch vụ Bắc An Khánh	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Chăn Nuôi Bảo Ngọc	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Công nghệ cao Hải Đăng Tây Ninh	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Đông An Khánh	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Chăn nuôi Nam An Khánh	Công ty cùng Tập đoàn
Công Ty Cổ Phần Thức Ăn Chăn Nuôi BAF Tây Ninh	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH SX TM DV Chăn Nuôi Minh Thành	Công ty cùng Tập đoàn

Các giao dịch phát sinh giữa Doanh nghiệp với các bên liên quan khác trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần SIBA HOLDINGS		
Góp vốn	83.400.000.000	90.000.000.000
Công Ty TNHH MTV Năng Lượng Sạch VMECO Bạc Liêu		
Phải thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	540.000.000	15.206.179.955
Khách hàng trả trước tiền thi công hệ thống điện	-	10.651.335.200
Chuyển từ công nợ phải trả về ứng trước sang công nợ vay	10.651.335.200	-
Thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	275.000.000	15.206.179.955
Phải trả tiền điện năng lượng mặt trời	643.454.840	257.690.941
Trả tiền	538.065.738	257.690.941
Công ty TNHH MTV Năng Lượng Sạch VMECO Đồng Tháp		
Chuyển từ công nợ phải trả về ứng trước sang công nợ vay	15.977.002.800	-
Thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ		15.977.002.800

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Sibacons		
Góp vốn	48.000.000.000	
Phải thu tiền chi hộ	260.931.063	-
Bù trừ công nợ với phải trả tiền vay	243.523.293	-
Phải trả tiền vay ngắn hạn	110.000.000	
Trả tiền vay ngắn hạn	110.000.000	
Phải trả tiền vay dài hạn	59.790.000.000	
Phải trả tiền lãi vay	1.611.166.667	
Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Long		
Phải thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	673.155.750	
Thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	403.893.450	
Phải trả tiền mua hàng và dịch vụ	535.666.788.750	
Trả tiền mua hàng và dịch vụ	596.252.183.200	
Công ty Cổ phần Nông Nghiệp BAF Việt Nam		
Phải thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	797.008.322	-
Thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.186.458.442	-
Công Ty TNHH Đầu Tư Trung Trại Xanh 1		
Phải thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	44.999.134.093	-
Thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	28.178.194.833	-
Công ty TNHH Đầu tư Trung trại xanh 2		
Phải thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	33.174.672.439	-
Thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	29.315.794.900	-
Công Ty TNHH Anh Vũ Phú Yên		
Phải thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.117.636.596	-
Thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	8.078.207.726	-
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Công nghệ cao Hải Đăng Tây Ninh		
Thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	28.918.163.469	-
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Đồng An Khánh		
Phải thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	82.426.994.553	-
Thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	92.221.071.528	-
Công ty TNHH Chăn nuôi Nam An Khánh		
Phải thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	31.288.022.802	-
Thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	45.492.974.628	-
Công Ty Cổ Phần Thức Ăn Chăn Nuôi BAF Tây Ninh		
Phải thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.696.668.952	
Thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.696.668.952	

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty TNHH SX TM DV Chăn Nuôi Minh Thành		
Phải thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	30.244.500	
Thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	30.244.500	

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại thuyết minh V.2; V.3; V.4; V.10; V.11; V.12; V.14; V.16.

2. Chi phí lãi vay vốn hóa

Trong năm công ty phát sinh các chi phí lãi vay đã vốn hóa như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Vốn hóa chi phí lãi vay cho các khoản vay riêng biệt	-	6.346.892.803
Cộng	-	6.346.892.803

3. Thông tin bộ phận**A. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh****Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:**

+ Lĩnh vực thương mại;

+ Lĩnh vực cơ khí;

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực thương mại	Lĩnh vực cơ khí	Cộng
Năm nay			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	3.607.760.790.610	401.749.528.593	4.009.510.319.203
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.607.760.790.610	401.749.528.593	4.009.510.319.203
Chi phí bộ phận	3.603.453.590.571	325.772.454.568	3.929.226.045.139
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	4.307.200.039	75.977.074.025	80.284.274.064
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			29.652.721.227
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			50.631.552.837
Doanh thu hoạt động tài chính			4.429.262.449
Chi phí tài chính			16.698.610.452
Thu nhập khác			186.967.905
Chi phí khác			423.586.559
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			1.716.843.865
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			36.408.742.315
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác phân bổ cho hoạt động	-	55.961.249.618	55.961.249.618
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác không phân bổ			669.371.192
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	928.028.657	8.160.626.689	9.088.655.346

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Số cuối năm	Lĩnh vực thương mại	Lĩnh vực cơ khí	Cộng
Tài sản trực tiếp của bộ phận	1.469.120.899.521	501.680.387.583	1.970.801.287.104
Tài sản phân bổ cho bộ phận			205.129.618.655
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			2.175.930.905.759
Tổng tài sản	1.346.236.202.570	202.550.745.224	1.548.786.947.794
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận			
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận			238.503.280.164
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			1.787.290.227.958
Số đầu năm	1.209.812.416.094	297.112.306.071	1.506.924.722.165
Tài sản trực tiếp của bộ phận			
Tài sản phân bổ cho bộ phận			127.215.733.056
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			1.634.140.455.221
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	1.186.908.983.095	237.591.078.249	1.424.500.061.344
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận			7.232.958.391
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			1.431.733.019.735

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

B. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

4. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

5. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Vay và nợ	92.563.389.456	136.534.089.343	-	229.097.478.799
Phải trả người bán	1.462.900.800.130	-	-	1.462.900.800.130
Các khoản phải trả khác	14.549.423.707	-	-	14.549.423.707
Cộng	1.570.013.613.293	136.534.089.343	-	1.706.547.702.636
Số đầu năm				
Vay và nợ	15.907.480.000	63.629.920.000	14.082.857.396	93.620.257.396
Phải trả người bán	1.252.908.093.563	-	-	1.252.908.093.563
Các khoản phải trả khác	1.587.785.782	-	-	1.587.785.782
Cộng	1.270.403.359.345	63.629.920.000	14.082.857.396	1.348.116.136.741

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

6. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	73.776.103.746	61.853.902.172	73.776.103.746	61.853.902.172
Phải thu khách hàng	1.250.932.396.037	1.093.272.133.799	1.250.932.396.037	1.093.272.133.799
Các khoản phải thu khác	24.746.804.954	30.358.022.882	24.746.804.954	30.358.022.882
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	88.000.000.000	40.000.000.000	88.000.000.000	40.000.000.000
Cộng	1.437.455.304.737	1.225.484.058.853	1.437.455.304.737	1.225.484.058.853
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	229.097.478.799	93.620.257.396	229.097.478.799	93.620.257.396
Phải trả người bán	1.462.900.800.130	1.252.908.093.563	1.462.900.800.130	1.252.908.093.563
Các khoản phải trả khác	14.549.423.707	1.587.785.782	14.549.423.707	1.587.785.782
Cộng	1.706.547.702.636	1.348.116.136.741	1.706.547.702.636	1.348.116.136.741

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu và cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

7. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

8. Sự kiện phát sinh trong năm và sau ngày kết thúc năm tài chính

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn Cơ khí Công nghệ cao Siba số 15.04/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15 tháng 04 năm 2022 về việc thông qua Phương án chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng, tăng vốn điều lệ từ 150.000.000.000 đồng lên 250.000.000.000 đồng. Đến thời điểm 13 tháng 12 năm 2022, Công ty đã hoàn thành việc chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng. Ngày 03 tháng 01 năm 2023, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 10 về việc tăng vốn điều lệ lên 250.000.000.000 đồng.

Theo Công Văn số 8582/UBCK-GSDC ngày 27/12/2022 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Công ty Cổ phần Tập đoàn Cơ khí Công nghệ cao Siba bắt đầu thực hiện nghĩa vụ công ty đại chúng từ ngày 27/12/2022.

9. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh đầu năm được lấy theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt.

Lập ngày 20 tháng 3 năm 2023

Người lập biểu

Võ Thị Cẩm Tú

Kế toán trưởng

Hà Thị Ngọc Sơn

Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn Đức

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG
NGHỆ CAO SIBA**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán bởi

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2-4
Báo cáo kiểm toán	5-6
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	7-50
<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>	7-10
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2022</i>	11
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất năm 2022</i>	12-13
<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022</i>	14-50

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn cơ khí công nghệ cao Siba trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Tập đoàn cơ khí công nghệ cao Siba được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0313140100 đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 02 năm 2015. Trong quá trình hoạt động, công ty đã 10 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp về tên công ty, địa chỉ, chủ sở hữu và vốn điều lệ. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 10 số 0313140100 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03 tháng 01 năm 2023 về tăng vốn điều lệ.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 10: 250.000.000.000 VND.

Vốn điều lệ thực góp tại thời điểm 31/12/2022: 250.000.000.000 VND

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại : 028.3811.0480
Mã số thuế : 0 3 1 3 1 4 0 1 0 0

Ngành nghề kinh doanh chính:

- Thương mại nông sản;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại./.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 50).

Sự kiện quan trọng phát sinh trong năm và sau ngày kết thúc năm tài chính

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn Cơ khí Công nghệ cao Siba số 15.04/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15 tháng 04 năm 2022 về việc thông qua Phương án chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng, tăng vốn điều lệ từ 150.000.000.000 đồng lên 250.000.000.000 đồng. Đến thời điểm 13 tháng 12 năm 2022, Công ty đã hoàn thành việc chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng. Ngày 03 tháng 01 năm 2023, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 10 về việc tăng vốn điều lệ lên 250.000.000.000 đồng.

Theo Công Văn số 8582/UBCK-GSDC ngày 27/12/2022 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Công ty Cổ phần Tập đoàn Cơ khí Công nghệ cao Siba bắt đầu thực hiện nghĩa vụ công ty đại chúng từ ngày 27/12/2022.

Ngoài các sự kiện nêu trên, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào khác xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2022 cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Nguyễn Văn Phú	Chủ tịch	Bỏ nhiệm ngày 17 tháng 01 năm 2022
Ông Nguyễn Văn Đức	Thành viên	
Bà Phan Hồng Vân	Thành viên	
Ông Phan Lê Hoàng Trung	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 17 tháng 01 năm 2022
Ông Trần Ngọc Long	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 17 tháng 01 năm 2022

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Nguyễn Văn Đức	Tổng Giám đốc	
Ông Phan Lê Hoàng Trung	Phó Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 17 tháng 01 năm 2022

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	
Bà Lê Thị Xuân Đức	Trưởng BKS	Bỏ nhiệm ngày 06 tháng 3 năm 2022
Ông Vũ Nam Anh	Trưởng BKS	Bỏ nhiệm ngày 17 tháng 01 năm 2022 Miễn nhiệm ngày 06 tháng 3 năm 2022
Bà Nguyễn Thị Lệ Thương	Thành viên BKS	Bỏ nhiệm ngày 17 tháng 01 năm 2022
Ông Đào Đức Tuấn	Thành viên BKS	Bỏ nhiệm ngày 17 tháng 01 năm 2022

Kiểm toán Viên

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Số : 1210.02.02/2022/BCTC - NVT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022

Kính gửi : **Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Tập đoàn Cơ khí Công nghệ cao Siba

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Cơ khí công nghệ cao Siba, được lập ngày 20 tháng 3 năm 2023 từ trang 07 đến trang 50, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Cơ khí công nghệ cao Siba chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, yêu cầu lập kế hoạch và thực hiện để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Cơ khí công nghệ cao Siba tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2023

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Hạnh

GCNĐKHNKT số: 1690-2023-124-1

Kiểm toán viên

Phạm Văn Tuấn

GCNĐKHNKT số: 4497-2023-124-1

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.846.378.834.159	1.402.771.112.161
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	81.438.432.307	69.701.385.560
1. Tiền	111		81.438.432.307	69.701.385.560
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.302.840.004.692	1.125.038.890.062
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	1.250.667.396.037	1.093.272.133.799
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	27.460.367.471	4.710.189.847
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	24.712.241.184	27.056.566.416
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		423.906.946.519	184.587.261.474
1. Hàng tồn kho	141	V.5	423.906.946.519	184.587.261.474
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		38.193.450.641	23.443.575.065
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6a	1.278.659.897	1.166.021.854
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		36.907.827.547	22.277.553.211
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12	6.963.197	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		258.947.681.853	209.688.810.247
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		107.156.000	3.301.456.466
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	107.156.000	3.301.456.466
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		188.730.798.939	10.845.495.988
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	187.718.873.754	10.845.495.988
<i>Nguyên giá</i>	222		197.136.131.601	12.147.593.889
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(9.417.257.847)	(1.302.097.901)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.8	1.011.925.185	-
<i>Nguyên giá</i>	225		1.011.925.185	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		63.213.993.444	192.147.011.538
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9	63.213.993.444	192.147.011.538
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		6.895.733.470	3.394.846.255
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6b	6.012.313.555	2.462.460.802
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		883.419.915	932.385.453
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.105.326.516.012	1.612.459.922.408

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.707.010.843.252	1.413.583.139.215
I. Nợ ngắn hạn	310		1.623.579.503.116	1.328.537.844.319
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	1.462.805.131.028	1.252.908.093.563
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	79.083.081.318	51.343.372.385
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	1.916.924.197	5.683.672.609
4. Phải trả người lao động	314		3.929.036.004	1.587.785.782
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	8.334.625.874	218.649.980
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	686.863.239	-
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15a	66.823.841.456	16.796.270.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		83.431.340.136	85.045.294.896
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15b	83.431.340.136	85.045.294.896
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		398.315.672.760	198.876.783.193
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	398.315.672.760	198.876.783.193
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		250.000.000.000	150.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		250.000.000.000	150.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		79.824.500.000	30.000.000.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		56.287.460.606	18.876.783.193
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		18.876.783.193	3.861.076.356
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		37.410.677.413	15.015.706.837
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		12.203.712.154	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.105.326.516.012	1.612.459.922.408

Lập ngày 20 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu

Võ Thị Cẩm Tú

Kế toán trưởng

Hà Thị Ngọc Sơn



Nguyễn Văn Đức

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VL1	4.010.758.117.319	5.866.053.396.264
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		4.010.758.117.319	5.866.053.396.264
4. Giá vốn hàng bán	11	VL2	3.929.160.951.166	5.834.879.813.771
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		81.597.166.153	31.173.582.493
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VL3	4.430.736.673	5.282.706.986
7. Chi phí tài chính	22	VL4	16.117.907.568	2.761.005.644
Trong đó: chi phí lãi vay	23		15.677.018.970	1.256.394.118
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VL5	14.268.816.085	2.303.258.383
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VL6	15.769.671.724	13.336.393.881
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		39.871.507.449	18.055.631.571
12. Thu nhập khác	31	VL7	186.967.905	707.356.950
13. Chi phí khác	32	VL8	423.636.191	2.920.793
14. Lợi nhuận khác	40		(236.668.286)	704.436.157
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		39.634.839.163	18.760.067.728
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VL9	1.971.484.058	4.678.335.855
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		48.965.538	(933.974.964)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		37.614.389.567	15.015.706.837
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		37.410.677.413	15.015.706.837
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		203.712.154	-
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VL10	2.455	1.642
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VL10	2.455	1.642

Người lập biểu

Võ Thị Cẩm Tú

Kế toán trưởng

Hà Thị Ngọc Sơn

Lập, ngày 20 tháng 03 năm 2023



Nguyễn Văn Đức

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		39.634.839.163	18.760.067.728
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		8.115.159.946	853.611.612
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	(2.718.251.540)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(487.039.654)	(2.509.843.598)
- Chi phí lãi vay	06		15.677.018.970	1.256.394.118
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		62.939.978.425	15.641.978.320
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(189.623.276.113)	842.323.572.648
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(239.319.685.045)	(11.516.455.652)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		283.606.846.061	(816.551.256.915)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(3.662.490.796)	(868.054.400)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(14.164.109.422)	(1.237.744.138)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(5.760.388.567)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(105.983.125.457)	27.792.039.863
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(81.384.208.562)	(143.914.823.763)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(81.296.279.483)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	55.925.624.523
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		866.264.070	2.615.237.401
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(80.517.944.492)	(166.670.241.322)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

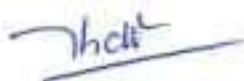
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		149.824.500.000	90.000.000.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		92.196.199.943	81.856.304.740
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(43.782.583.247)	(6.758.563.500)
5. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		198.238.116.696	165.097.741.240
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		11.737.046.747	26.219.539.781
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	69.701.385.560	43.501.531.331
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	(19.685.552)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	81.438.432.307	69.701.385.560

Người lập biểu



Võ Thị Cẩm Tú

Kế toán trưởng



Hà Thị Ngọc Sơn

Lập, ngày 30 tháng 03 năm 2023



Nguyễn Văn Đức

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Thương mại, dịch vụ, sản xuất
- Ngành nghề kinh doanh** :
Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty trong năm bao gồm:
 - Thương mại nông sản;
 - Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại./.
- Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**: Trong vòng 12 tháng
- Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên BCTC**: Số liệu BCTC năm 2022 hoàn toàn nhất quán và đảm bảo tính so sánh được với số liệu BCTC năm 2021.
- Nhân viên**:
Tại ngày kết thúc năm tài chính Doanh nghiệp có 190 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 115 nhân viên).
- Cấu trúc doanh nghiệp**:
Các Công ty con được hợp nhất:

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động chính</i>	<i>Tỷ lệ vốn góp thực tế</i>	<i>Tỷ lệ theo Giấy CNĐKKD</i>
Công Ty TNHH MTV Năng Lượng Sạch VMECO Bạc Liêu (*)	Lô E9, Khu công nghiệp Trà Kha, Phường 8, Thành phố Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu, Việt Nam	Sản xuất điện	100%	100%
Công Ty TNHH MTV Năng Lượng Sạch VMECO Đồng Tháp (**)	Đường ven Sông Hậu, Ấp An Ninh, Xã Định An, Huyện Lấp Vò, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam	Sản xuất điện	100%	100%
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Sibacons (***)	Số 2, đường 8A, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Xây dựng, thương mại, dịch vụ, sản xuất	80%	80%

(*) Công ty hiện hoạt động bình thường trong lĩnh vực năng lượng mặt trời.

(**) Công ty hiện hoạt động trong lĩnh vực năng lượng mặt trời, đang trong giai đoạn đầu tư nên chưa có doanh thu.

(***) Công ty hiện hoạt động bình thường, đang trong giai đoạn đầu tư và đã phát sinh doanh thu cho thuê.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn cơ khí công nghệ cao Siba (công ty mẹ) và công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

2. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Công ty mẹ phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Công ty trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm phát sinh nghiệp vụ mua.

3. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Tỷ giá khi góp vốn hoặc nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Doanh nghiệp và người mua là đơn vị độc lập với Doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính (hoặc yếu tố chi phí khác cho phù hợp).

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được Tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá Tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi Tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại Tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	08 – 35
Máy móc thiết bị	05 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 – 05

8. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<u>Loại tài sản cố định thuê tài chính</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc thiết bị	05
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Doanh nghiệp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

10. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Doanh nghiệp bao gồm các chi phí sau:

Tiền thuê đất khu Công nghiệp

Tiền thuê đất khu Công nghiệp phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian 50 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước khác phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

12. Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Công ty phải theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Đối với khoản nợ thuê tài chính, tổng số nợ thuê phản ánh vào bên Có của tài khoản 341 là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay, nợ bằng ngoại tệ phải quy đổi ra đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh;

- Khi trả nợ, vay bằng ngoại tệ, bên Nợ tài khoản 341 được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ kế toán thực tế đích danh cho từng đối tượng;

- Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

- Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn Cơ khí Công nghệ cao Siba số 15.04/2022/NQ-DHĐCĐ ngày 15 tháng 04 năm 2022 về việc thông qua phương án chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng, tăng vốn điều lệ từ 150.000.000.000 đồng lên 250.000.000.000 đồng. Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2022, Công ty đã hoàn thành việc chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng. Ngày 03 tháng 01 năm 2023, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 10 về việc tăng vốn điều lệ lên 250.000.000.000 đồng.

Lợi nhuận chưa phân phối

Ghi nhận kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

Các quỹ khác

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn hàng năm.

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

16. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

18. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

19. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Công ty Cổ phần Tập đoàn cơ khí công nghệ cao Syba (công ty mẹ) có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Dự án đầu tư Nhà máy Cơ khí công nghiệp hỗ trợ Công nghệ cao VMECO của Công ty được áp dụng thuế suất 17% trong thời hạn 10 năm (từ năm 2022 đến năm 2031), miễn thuế 02 năm (từ năm 2022 đến năm 2023) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 04 năm tiếp theo áp dụng cho Dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn theo Hướng dẫn của Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 và Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính.

Công Ty TNHH MTV Năng Lượng Sạch VMECO Bạc Liêu và Công Ty TNHH MTV Năng Lượng Sạch VMECO Đồng Tháp (công ty con) được Miễn thuế bốn năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong chín năm tiếp và Thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn mười lăm năm (15 năm) kể từ năm 2020 đối với thu nhập từ đầu tư dự án điện mặt trời. Các hoạt động khác Công ty nộp thuế TNDN với thuế suất 20%. Theo Nghị định số 92/2021/NĐ-CP, Công Ty TNHH MTV Năng Lượng Sạch VMECO Bạc Liêu và Công Ty TNHH MTV Năng Lượng Sạch VMECO Đồng Tháp (công ty con) được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2021 đối với trường hợp doanh nghiệp có doanh thu trong kỳ tính thuế năm 2021 không quá 200 tỷ đồng đối với doanh nghiệp mới thành lập trong kỳ tính thuế năm 2020 và 2021.

20. Công cụ tài chính

i. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phải sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phải sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phải sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phải sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phải sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dùng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

ii. **Nợ phải trả tài chính**

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phân ảnh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phải sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phải sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

iii. Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng từ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	9.588.639.080	8.100.809.765
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	71.849.793.227	61.600.575.795
Cộng	<u>81.438.432.307</u>	<u>69.701.385.560</u>

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>13.334.356.825</i>	<i>5.306.071.130</i>
Công Ty TNHH Đầu Tư Trang Trại Xanh 1	9.475.479.286	-
Công ty TNHH Đầu tư Trang trại xanh 2	3.858.877.539	-
Công Ty TNHH Anh Vũ Phú Yên	-	5.306.071.130
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>1.237.333.039.212</i>	<i>1.087.966.062.669</i>
Công ty TNHH Đầu Tư và Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Tân Thành Nam	185.972.386.450	410.059.177.950
Công ty Cổ phần Đầu Tư Sản Xuất Và Kinh Doanh Thực Phẩm Hà Nội	308.366.546.580	143.683.241.980
Công ty Cổ phần XNK Cao Thắng	162.231.116.204	-
Công ty Cổ phần Sản Xuất, Thương Mại Và Dịch Vụ Tân Mai	313.160.032.033	301.260.780.783
Công Ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Nông Sản Thực Phẩm Thành Đô (*)	162.515.899.318	162.515.899.318
Công ty Cổ phần Thương Mại Và Phát Triển Đầu Tư Bạch Thuận	6.633.207.380	33.247.139.380
Công ty TNHH XNK Nông Lâm Sản Thái Nguyên	-	26.291.057.120
Các khách hàng khác	98.453.851.247	10.908.766.138
Cộng	<u>1.250.667.396.037</u>	<u>1.093.272.133.799</u>

(*) Khoản công nợ phải thu Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Nông Sản Thực Phẩm Thành Đô đã được thu hồi tại thời điểm ngày 28/2/2023.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	<i>376.650</i>	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Long	376.650	-
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<i>27.459.990.821</i>	<i>4.710.189.847</i>
Công ty cổ phần Sonadezi Châu Đức	-	691.000.000
Công ty Cổ Phần Công Nghiệp AMECO	-	2.444.579.112
Công ty TNHH Khai thác Nước Ngầm Tây Ninh	3.801.600.000	-
Savagnini Italia S.P.A	2.448.868.500	-
Công ty Cổ phần Kết cấu thép Đại Dĩnh Miền Trung	6.944.815.000	-
Công ty TNHH Tư Vấn XD TM Tin Việt	2.123.182.924	-
Công ty TNHH Antaco Bình Dương	2.441.275.200	-
Các đối tượng khác	9.700.249.197	1.574.610.735
Cộng	<u>27.460.367.471</u>	<u>4.710.189.847</u>

4. Các khoản phải thu khác**a) Ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>24.712.241.184</i>	-	<i>27.056.566.416</i>	-
Cầm cố, ký quỹ (*)	24.388.658.443	-	26.413.248.150	-
Tạm ứng	233.736.403	-	206.642.966	-
Phí thu hộ lưu bãi	63.499.852	-	-	-
Lãi tiền gửi ký quỹ	1.410.411	-	380.634.827	-
Phải thu khác	24.936.075	-	56.040.473	-
Cộng	<u>24.712.241.184</u>	-	<u>27.056.566.416</u>	-

(*) Là khoản cầm cố, ký quỹ theo các nội dung sau:

+ Ký quỹ tài khoản tiền gửi tiết kiệm Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam theo hợp đồng cầm cố số QTN2022TSDB779146/HĐCC ngày 09 tháng 12 năm 2022 để thực hiện sản xuất kinh doanh số hợp đồng TBN2022530494/HĐCTD ngày 15 tháng 06 năm 2022, số tiền 1.848.000.000 VND.

+ Ký quỹ tài khoản tiền gửi tiết kiệm Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam theo hợp đồng cầm cố số QTN2022TSDB804959/HĐCC ngày 27 tháng 12 năm 2022 để thực hiện sản xuất kinh doanh số hợp đồng TBN2022530494/HĐCTD ngày 15 tháng 06 năm 2022, số tiền 1.796.000.000 VND.

+ Ký quỹ các tài khoản tiền gửi tiết kiệm Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Kỳ Đồng theo hợp đồng cầm cố số 0065/NHNT-KD/22 ngày 14 tháng 06 năm 2022, Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 08/SĐBS – 0065/NHNT-KD/22 ngày 15 tháng 08 năm 2022 số tiền 15.025.000.000 VND để cầm cố đảm bảo thực hiện khoản vay tại ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Kỳ Đồng số hợp đồng 0012/KHDN/22 ngày 13 tháng 06 năm 2022.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**b) Dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>107.156.000</i>	-	<i>3.301.456.466</i>	-
Cầm cổ, ký quỹ	107.156.000	-	3.301.456.466	-
Cộng	107.156.000	-	3.301.456.466	-

5. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Nguyên liệu, vật liệu	81.688.449.408	-	31.028.690.319	-
Công cụ, dụng cụ	5.522.693.214	-	1.300.654.724	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	98.873.400.679	-	26.117.958.988	-
Thành phẩm	121.368.796	-	292.902.664	-
Hàng hóa	237.701.034.422	-	125.847.054.779	-
Cộng	423.906.946.519	-	184.587.261.474	-

6. Chi phí trả trước**a) Ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ dụng cụ	839.889.713	469.018.930
Chi phí bảo hiểm	123.817.247	310.053.610
Chi phí thuê cơ sở hạ tầng	242.933.258	137.460.014
Chi phí phần mềm, thuê máy chủ	36.473.331	100.262.087
Chi phí khác	35.546.348	149.227.213
Cộng	1.278.659.897	1.166.021.854

b) Dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền thuê đất	2.220.196.163	2.268.902.482
Công cụ dụng cụ	293.671.863	61.846.468
Chi phí thi công vận phòng	36.678.425	70.535.413
Chi phí trả trước dài hạn Nhà máy Bạc Liêu	3.412.196.100	-
Các chi phí trả trước dài hạn khác	49.571.004	61.176.439
Cộng	6.012.313.555	2.462.460.802

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	-	9.584.881.161	2.434.346.364	128.366.364	12.147.593.889
Mua sắm mới	-	94.270.000	-	-	94.270.000
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	55.716.664.542	126.085.472.443	3.092.130.727	-	184.894.267.712
Số cuối năm	55.716.664.542	135.764.623.604	5.526.477.091	128.366.364	197.136.131.601
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng					
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	-	719.420.392	512.611.262	70.066.247	1.302.097.901
Khấu hao trong năm	1.471.100.239	6.104.769.270	510.435.347	28.855.090	8.115.159.946
Số cuối năm	1.471.100.239	6.824.189.662	1.023.046.609	98.921.337	9.417.257.847
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	-	8.865.460.769	1.921.735.102	58.300.117	10.845.495.988
Số cuối năm	54.245.564.303	128.940.433.942	4.503.430.482	29.445.027	187.718.873.754

Tài sản cố định hữu hình có nguyên giá 193.610.975.073 VND và giá trị còn lại 185.523.908.868 VND được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hàn Thuyên.

8. Tài sản cố định thuế tài chính

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
Nguyên giá	-	-	-
Số đầu năm	432.000.000	579.925.185	1.011.925.185
Thuế tài chính trong năm	-	-	-
Số cuối năm	432.000.000	579.925.185	1.011.925.185
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-
Giá trị hao mòn	-	-	-
Số đầu năm	-	-	-
Khấu hao trong năm	-	-	-
Số cuối năm	-	-	-
Giá trị còn lại	-	-	-
Số đầu năm	-	-	-
Số cuối năm	432.000.000	579.925.185	1.011.925.185

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển vào Chi phí trả trước	Phân loại lại	Số cuối năm
Xây dựng cơ bản dở dang	192.147.011.538	60.440.629.790	(184.894.267.712)	(4.479.380.172)	-	63.213.993.444
<i>Công trình "Nhà máy cơ khí công nghiệp hỗ trợ công nghệ cao" (1)</i>	192.147.011.538	1.181.889.026	(184.894.267.712)	(4.479.380.172)	(1.449.652.680)	2.505.600.000
<i>Hệ thống phần mềm quản lý SAP</i>	-	6.842.566.400	-	-	1.449.652.680	8.292.219.080
<i>Công trình "Nhà máy Cơ khí Công nghệ cao SIBA Bà Rịa Vũng Tàu" (2)</i>	-	38.527.285.476	-	-	-	38.527.285.476
<i>Công trình "Nhà máy Cơ khí Công nghệ cao SIBA Nghệ An" (3)</i>	-	13.888.888.888	-	-	-	13.888.888.888
Cộng	192.147.011.538	60.440.629.790	(184.894.267.712)	(4.479.380.172)	-	63.213.993.444

(1) Là chi phí xây dựng cơ bản dở dang của dự án: "Nhà máy cơ khí công nghiệp hỗ trợ công nghệ cao" đang được thể chấp cho các khoản vay tại Ngân Hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hàn Thủy. Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2022, công trình hiện đã đi vào hoạt động. Giá trị còn lại 2.505.600.000 VND là giá trị của 02. Máy móc, thiết bị đang lắp đặt tại nhà máy chuẩn bị bàn giao đưa vào sử dụng.

(2) Là chi phí xây dựng dự án " Nhà máy Cơ khí Công nghệ cao SIBA Bà Rịa Vũng Tàu" theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 8353128311 ngày 01/03/2022 của Ban quản lý các khu công nghệ Bà Rịa-Vũng Tàu. Hiện dự án đang trong giai đoạn xây dựng.

(3) Là chi phí xây dựng dự án "Nhà máy Cơ khí Công nghệ cao SIBA Nghệ An" theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 3808008450 ngày 04/01/2023 của Ban quản lý Khu kinh tế Đông Nam tỉnh Nghệ An. Dự án hiện đang ở bước thực hiện các thủ tục đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**10. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	60.585.017.800
Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Tân Long	-	60.585.017.800
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	1.462.805.131.028	1.192.323.075.763
Công ty Cổ phần Đầu Tư Xây Dựng và Thương Mại Tín Phát	-	62.327.303.184
Công ty Cổ Phần Nông Sản Sông Lam	222.798.634.020	438.527.098.020
Công ty TNHH Phát Triển Dịch Vụ Thương Mại Bình Tân	-	225.013.701.960
Công ty Cổ Phần Nông Nghiệp Kiến Nông	683.537.011.450	200.887.784.700
Công ty Cổ Phần Nông Sản BIVC Quốc Tế	154.563.784.100	161.331.939.200
Công ty Cổ phần Nông Sản MOGB Quốc Tế	279.336.773.000	-
Công ty Lam Kính	34.901.889.925	-
Savagnini Italia S.P.A	-	24.316.763.759
Các nhà cung cấp khác	87.667.038.533	79.918.484.940
Cộng	1.462.805.131.028	1.252.908.093.563

11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	72.684.502.270	26.338.082.154
Công ty TNHH Anh Vũ Phú Yên	654.500.000	-
Công ty TNHH Đầu tư Trang trại Xanh 1	-	7.345.459.974
Công ty TNHH Sản xuất thương mại dịch vụ Bắc An Khánh	18.500.000.000	18.500.000.000
Công ty TNHH Chăn Nuôi Bảo Ngọc	204.270.000	204.270.000
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Công nghệ cao Hải Đăng Tây Ninh	28.918.163.469	-
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Đông An Khánh	9.794.076.975	-
Công ty TNHH Chăn nuôi Nam An Khánh	14.204.951.826	-
Công ty Cổ phần Nông Nghiệp BAF Việt Nam	408.540.000	19.089.880
Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Tân Long	-	269.262.300
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	6.398.579.048	25.005.290.231
Công ty Cổ phần CBOT Việt Nam	5.500.000.000	-
Công ty Cổ phần XNK Cao Thăng	-	18.533.376.871
Công ty Cổ Phần Nông Sản Vinacam	-	6.386.616.280
Các đối tượng khác	898.579.048	85.297.080
Cộng	79.083.081.318	51.343.372.385

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	5.016.780	(2.176.780)	2.840.000	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	2.876.361.861	(2.876.361.861)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	46.190.926	(46.190.926)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.671.378.863	-	1.971.484.058	(5.760.388.567)	1.889.437.551	6.963.197
Thuế thu nhập cá nhân	12.293.746	-	279.096.234	(266.743.334)	24.646.646	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	95.468.625	(95.468.625)	-	-
Các loại thuế khác	-	-	10.008.390	(10.008.390)	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	238.229.387	(238.229.387)	-	-
Cộng	5.683.672.609	-	5.521.856.261	(9.295.567.870)	1.916.924.197	6.963.197

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất theo từng loại hình như sau:

Nông sản, khung chuồng heo	Không chịu thuế
Các dịch vụ, hàng hóa khác	8%; 10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty Cổ phần Tập đoàn cơ khí công nghệ cao Syba (công ty mẹ) có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Dự án đầu tư Nhà máy Cơ khí công nghiệp hỗ trợ Công nghệ cao VMECO của Công ty được áp dụng thuế suất 17% trong thời hạn 10 năm (từ năm 2022 đến năm 2031), miễn thuế 02 năm (từ năm 2022 đến năm 2023) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 04 năm tiếp theo áp dụng cho Dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn theo Hướng dẫn của Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 và Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính.

Công Ty TNHH MTV Năng Lượng Sạch VMECO Bạc Liêu và Công Ty TNHH MTV Năng Lượng Sạch VMECO Đồng Tháp (công ty con) được Miễn thuế bốn năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong chín năm tiếp và Thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn mười lăm năm (15 năm) kể từ năm 2020 đối với thu nhập từ đầu tư dự án điện mặt trời. Các hoạt động khác Công ty nộp thuế TNDN với thuế suất 20%. Theo Nghị định số 92/2021/NĐ-CP, Công Ty TNHH MTV Năng Lượng Sạch VMECO Bạc Liêu và Công Ty TNHH MTV Năng Lượng Sạch VMECO Đồng Tháp (công ty con) được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2021 đối với trường hợp doanh nghiệp có doanh thu trong kỳ tính thuế năm 2021 không quá 200 tỷ đồng đối với doanh nghiệp mới thành lập trong kỳ tính thuế năm 2020 và 2021.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**13. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>8.334.625.874</i>	<i>218.649.980</i>
Phải trả lãi vay	1.531.559.528	18.649.980
Chi phí phải trả các công trình	6.803.066.346	-
<i>Công ty SX TM XD Phúc Huệ</i>	<i>5.896.264.230</i>	-
<i>CNVT-CT Thép Nhân Luât MN</i>	<i>591.274.792</i>	-
<i>CT Minh Hòa Thành</i>	<i>148.726.760</i>	-
<i>Các đối tượng khác</i>	<i>166.800.564</i>	-
Phải trả tiền thuế má	-	200.000.000
Cộng	<u>8.334.625.874</u>	<u>218.649.980</u>

14. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>686.863.239</i>	-
Bảo hiểm xã hội	562.061.514	-
Bảo hiểm y tế	82.027.890	-
Bảo hiểm thất nghiệp	42.773.835	-
Cộng	<u>686.863.239</u>	<u>-</u>

15. Vay và nợ thuế tài chính**a) Ngân hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay và nợ thuế tài chính ngân hàng phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>				
Vay ngân hạn ngân hàng	66.823.841.456	66.823.841.456	16.796.270.000	16.796.270.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Khoản vay của Công ty Cổ phần Tập đoàn Cơ khí Công nghệ cao Siba (*)	45.679.747.456	45.679.747.456	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	21.144.094.000	21.144.094.000	16.796.270.000	16.796.270.000
Ngân Hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hàm Thuận - Khoản vay của Công ty Cổ phần Tập đoàn Cơ khí Công nghệ cao Siba	20.255.304.000	20.255.304.000	15.907.480.000	15.907.480.000
Ngân Hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hàm Thuận - Khoản vay của Công ty TNHH MTV Nông lượng sạch Vmecco Bạc Liêu	888.790.000	888.790.000	888.790.000	888.790.000
Cộng	66.823.841.456	66.823.841.456	16.796.270.000	16.796.270.000

(*) Khoản vay ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo Hợp đồng cấp tín dụng số 0012/KHĐN/22 ngày 13 tháng 6 năm 2022. Mục đích sử dụng vốn để tài trợ các nhu cầu tín dụng ngân hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng không bao gồm nhu cầu ngân hạn phục vụ cho hoạt động đầu tư tài sản cố định. Hạn mức cho vay 50.000.000.000 VND, khoản vay được đảm bảo bằng Sổ tiết kiệm/Hợp đồng tiền gửi với tỷ lệ (Giá trị tài sản đảm bảo sau quy đổi/Dư nợ cấp tín dụng) đạt tối thiểu 30% tại mọi thời điểm. Thời hạn cho vay của mỗi khoản nợ tối đa 06 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn và được ghi trên từng Giấy nhận nợ. Lãi suất cho vay được ghi trên từng Giấy nhận nợ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Công Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	-	69.638.522.703	-	(23.958.775.247)	45.679.747.456
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Khoản vay của Công ty Cổ phần Tập đoàn Cơ khí Công nghệ cao Siba	-	69.638.522.703	-	(23.958.775.247)	45.679.747.456
Vay dài hạn đến hạn trả	16.796.270.000	-	21.144.094.000	(16.796.270.000)	21.144.094.000
Ngân Hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hà Thủyên - Khoản vay của Công ty Cổ phần Tập đoàn Cơ khí Công nghệ cao Siba	15.907.480.000	-	20.255.304.000	(15.907.480.000)	20.255.304.000
Ngân Hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hà Thủyên - Khoản vay của Công ty TNHH MTV Năng lượng sạch Vmecco Bạc Liêu	888.790.000	-	888.790.000	(888.790.000)	888.790.000
Cộng	16.796.270.000	69.638.522.703	21.144.094.000	(40.755.045.247)	66.823.841.456

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

b) Dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay và nợ thuế tài chính dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	83.431.340.136	83.431.340.136	85.045.294.896	85.045.294.896
Vay dài hạn ngân hàng	82.574.092.136	82.574.092.136	85.045.294.896	85.045.294.896
Ngân Hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hàn Thuyên - Khosin vay của Công ty Cổ phần Tập đoàn Cơ Khí Công nghệ cao Siba (**)	76.130.364.636	76.130.364.636	77.712.777.396	77.712.777.396
Ngân Hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hàn Thuyên - Khosin vay của Công ty TNHH MTV Năng lượng sạch Vmecco Bạc Liêu (***)	6.443.727.500	6.443.727.500	7.332.517.500	7.332.517.500
Nợ thuế tài chính	857.248.000	857.248.000	-	-
Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Challease	857.248.000	857.248.000	-	-
Cộng	83.431.340.136	83.431.340.136	85.045.294.896	85.045.294.896

(**) Là khoản vay của Công ty Cổ phần Tập đoàn Cơ Khí Công nghệ cao Siba theo hợp đồng số 0006/2020/HĐTĐTDH-PN/SHB.111500 ngày 12 tháng 02 năm 2020 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hàn Thuyên. Số tiền cho vay: 147.000.000.000 VND (Bằng chữ: Một trăm bốn mươi bảy tỷ đồng). Mục đích sử dụng vốn vay: Cho vay, mở L/C nhập khẩu Máy móc thiết bị (MMTB), bảo lãnh phục vụ đầu tư dự án: ""Nhà máy cơ khí công nghiệp hỗ trợ công nghệ cao"" tại Khu công nghiệp Trà Kha, phường 8, Thành phố Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu. Thời hạn vay 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất được quy định cụ thể trong từng kế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo gồm:

+ Tài sản bảo đảm 1: Bên thế chấp tự nguyện thế chấp tài sản thuộc sở hữu của mình là: Toàn bộ các công trình xây dựng là tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai thuộc dự án nhà máy cơ khí công nghiệp hỗ trợ công nghệ cao VMECO được xây dựng tại thửa đất số 177; tờ bản đồ số 23 tại Khu Công nghiệp Trà Kha, phường 8, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu. Diện tích lô đất sử dụng: 14.100,91 m² (Bằng chữ: Mười bốn nghìn một trăm phẩy chín mốt mét vuông) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CS 002425; do UBND tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 26/06/2019. Giá trị định giá: 60.893.000.000 đồng theo biên bản xác định giá trị bất động sản ngày 12/02/2020.

+ Tài sản bảo đảm 2: Bên thế chấp tự nguyện thế chấp tài sản thuộc sở hữu của mình là toàn bộ hệ thống MMTB dây chuyền sản xuất hình thành trong tương lai thuộc dự án nhà máy cơ khí công nghiệp hỗ trợ công nghệ cao theo hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 0006/2020/HĐTCTL-PN/SHB.111500 ngày 14/02/2020. Giá trị tài sản thế chấp là 161.285.484.582 đồng



Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(***) Là khoản vay của Công ty TNHH MTV Năng lượng sạch Vmecco Bạc Liêu theo Hợp đồng tín dụng trung và dài hạn số 0028/2021/HĐTĐTDH-PN/SHB.111500 ngày 05 tháng 02 năm 2021 tại Ngân Hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hàn Thuyên, số tiền vay là 9.950.000.000 VND, mục đích vay thực hiện dự án "Đầu tư khai thác điện mặt trời mái nhà VMECO Bạc Liêu 1" tại khu công nghiệp Trà Kha, phường 8, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu, thời hạn vay 120 tháng kể từ ngày giải ngân vốn lãi đầu tiên, lãi suất quy định cụ thể trong từng kế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo bao gồm:

+ Tài sản đảm bảo 1: Toàn bộ hệ thống máy móc thiết bị thuộc dự án "Đầu tư khai thác điện mặt trời mái nhà VMECO Bạc Liêu 1" tại khu công nghiệp Trà Kha, phường 8, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu theo hợp đồng kinh tế số 0709/2020/HĐ-VMECO-NSL-VBL ký ngày 07 tháng 09 năm 2020, phụ lục hợp đồng số 03 ký ngày 17 tháng 12 năm 2020 giữa Công ty TNHH năng lượng sạch VMECO Bạc Liêu và Công ty Cổ phần cơ khí môi trường Việt Nam (nay đổi tên thành Công ty Cổ phần tập đoàn cơ khí công nghệ cao Siba), hóa đơn giá trị gia tăng ký hiệu VN/19P, số 0000174 ngày 14 tháng 01 năm 2021. Giá trị tài sản đảm bảo là 13.919.000.000 VND.

+ Tài sản đảm bảo 2: Quyền đòi nợ phát sinh từ Hợp đồng mua bán điện cho hệ thống điện mặt trời trên mái nhà số 20000855/HĐMTAM-2020 ký ngày 29 tháng 12 năm 2020 giữa Công ty TNHH Năng lượng sạch VMECO Bạc Liêu và Tổng công ty điện lực Miền Nam TNHH.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	Số cuối năm
Vay dài hạn ngân hàng	85.045.294.896	21.700.429.240	(3.027.538.000)	(21.144.094.000)	82.574.092.136
<i>Ngân Hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hàn Thuyên -Khoản vay của Công ty Cổ phần Tập đoàn Cơ khí Công nghệ cao Siba</i>	77.712.777.396	21.700.429.240	(3.027.538.000)	(20.255.304.000)	76.130.364.636
<i>Ngân Hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hàn Thuyên -Khoản vay của Công ty TNHH MTV Năng lượng sạch Vmecco Bạc Liêu</i>	7.332.517.500	-	-	(888.790.000)	6.443.727.500
Nợ thuê tài chính	-	857.248.000	-	-	857.248.000
<i>Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease</i>	-	857.248.000	-	-	857.248.000
Cộng	85.045.294.896	22.557.677.240	(3.027.538.000)	(21.144.094.000)	83.431.340.136

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**16. Vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích Cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số đầu năm trước	90.000.000.000	-	3.861.076.356	-	93.861.076.356
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền	60.000.000.000	30.000.000.000	-	-	90.000.000.000
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	15.015.706.837	-	15.015.706.837
Số dư cuối năm trước	150.000.000.000	30.000.000.000	18.876.783.193	-	198.876.783.193
Số dư đầu năm nay	150.000.000.000	30.000.000.000	18.876.783.193	-	198.876.783.193
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền (*)	100.000.000.000	49.824.500.000	-	-	149.824.500.000
Tăng trong năm do Hợp nhất	-	-	-	12.000.000.000	12.000.000.000
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	37.410.677.413	203.712.154	37.614.389.567
Số dư cuối năm nay	250.000.000.000	79.824.500.000	56.287.460.606	12.203.712.154	398.315.672.760

(*)Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn Cơ khí Công nghệ cao Siba số 15.04/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15 tháng 04 năm 2022 về việc thông qua Phương án chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng, tăng vốn điều lệ từ 150.000.000.000 đồng lên 250.000.000.000 đồng. Đến thời điểm 13 tháng 12 năm 2022, Công ty đã hoàn thành việc chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng. Ngày 03 tháng 01 năm 2023, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 10 về việc tăng vốn điều lệ lên 250.000.000.000 đồng.

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu tại ngày 31/12/2022

	Số cuối năm	Tỷ lệ	Số đầu năm	Tỷ lệ
Ông Nguyễn Văn Đức	44.250.000.000	17,70%	44.100.000.000	29,40%
Bà Phan Hồng Văn	22.600.000.000	9,04%	22.500.000.000	15,00%
Công ty Cổ phần Siba Holdings	139.000.000.000	55,60%	60.000.000.000	40,00%
Bà Dương Thị Mỹ Quý	-	0,00%	23.400.000.000	15,60%
Các đối tượng khác	44.150.000.000	17,66%	-	-
Cộng	250.000.000.000	100%	150.000.000.000	100%

Tại thời điểm phát hành Báo cáo này, Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu như sau:

	20/3/2023	Tỷ lệ
Công ty Cổ phần Siba Holdings	139.000.000.000	55,60%
Ông Nguyễn Văn Đức	15.150.000.000	6,06%
Bà Phan Hồng Văn	7.600.000.000	3,04%
Các đối tượng khác	88.250.000.000	35,30%
Cộng	250.000.000.000	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**Cổ phiếu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	25.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	25.000.000	15.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	25.000.000	15.000.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>		
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	25.000.000	15.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	25.000.000	15.000.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.		

**17. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán
a, Ngoại tệ các loại**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	-	145.819

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	3.607.760.790.610	5.750.075.710.142
Doanh thu cung cấp dịch vụ	401.547.593.109	114.199.571.122
Doanh thu bán điện	1.449.733.600	1.778.115.000
Cộng	4.010.758.117.319	5.866.053.396.264

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Long	611.959.773	-
Công ty Cổ phần Nông Nghiệp BAF Việt Nam	724.553.020	-
Công Ty TNHH Đầu Tư Trang Trại Xanh 1	42.382.028.501	-
Công ty TNHH Đầu tư Trang trại xanh 2	30.555.483.387	-
Công Ty TNHH Anh Vũ Phú Yên	1.952.792.400	-
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Đông An Khánh	78.219.924.536	-
Công ty TNHH Chăn nuôi Nam An Khánh	30.137.148.561	-
Công Ty Cổ Phần Thức Ăn Chăn Nuôi BAF Tây Ninh	1.542.426.320	-
Công ty TNHH SX TM DV Chăn Nuôi Minh Thành	27.495.000	-
Cộng	186.153.811.498	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**2. Giá vốn hàng bán**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	3.603.453.590.571	5.742.713.525.715
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	325.268.498.293	91.741.116.992
Giá vốn bán điện	438.862.302	425.171.064
Cộng	<u>3.929.160.951.166</u>	<u>5.834.879.813.771</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi, ký quỹ	487.039.654	2.234.843.598
Lãi tiền cho vay	-	275.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	3.943.697.019	54.611.848
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	2.718.251.540
Cộng	<u>4.430.736.673</u>	<u>5.282.706.986</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	15.677.018.970	1.256.394.118
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	440.866.598	1.504.611.526
Chi phí tài chính khác	22.000	-
Cộng	<u>16.117.907.568</u>	<u>2.761.005.644</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	9.931.953.758	1.220.406.788
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	38.869.864	19.317.750
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.046.329.793	84.155.369
Các chi phí khác	1.251.662.670	979.378.476
Cộng	<u>14.268.816.085</u>	<u>2.303.258.383</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	8.733.016.462	9.088.992.225
Chi phí đồ dùng văn phòng	876.523.931	1.113.787.286
Chi phí khấu hao tài sản cố định	358.018.032	392.835.528
Thuế, phí và lệ phí	840.705.937	505.976.911
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.579.787.822	1.964.389.151
Các chi phí khác	1.381.619.540	270.412.780
Cộng	<u>15.769.671.724</u>	<u>13.336.393.881</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Hàng tồn kho thừa sau kiểm kê	125.245.343	-
Chiết khấu	-	611.867.683
Xử lý công nợ	40.619.150	262
Thu nhập khác	21.103.412	95.489.005
Cộng	<u>186.967.905</u>	<u>707.356.950</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**8. Chi phí khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thuế bị phạt, bị truy thu	167.729.387	1.477.530
Hàng tồn kho thiếu sau kiểm kê	253.774.849	-
Xử lý công nợ	2.075.621	1.372.313
Chi phí khác	56.334	70.950
Cộng	<u>423.636.191</u>	<u>2.920.793</u>

9. Chi phí thuế TNDN hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	39.634.839.163	18.760.067.728
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	616.285.068	4.714.111.549
- Các khoản điều chỉnh tăng		
<i>Thuế bị phạt, bị truy thu</i>	<i>167.729.387</i>	<i>1.477.530</i>
<i>Chi phí không hợp lệ khác</i>	<i>684.607.699</i>	<i>13.096.273</i>
<i>Điều chỉnh hợp nhất</i>	<i>-</i>	<i>4.669.874.817</i>
<i>Lỗ của hoạt động được miễn thuế</i>	<i>8.775.672</i>	<i>29.662.929</i>
- Các khoản điều chỉnh giảm	(244.827.690)	-
<i>Điều chỉnh hợp nhất</i>	<i>(244.827.690)</i>	<i>-</i>
Thu nhập chịu thuế	<u>40.251.124.231</u>	<u>23.474.179.277</u>
<i>Thu nhập chịu thuế của hoạt động chịu thuế suất 17%</i>	<i>30.803.936.476</i>	<i>-</i>
<i>Thu nhập chịu thuế của hoạt động chịu thuế suất 20%</i>	<i>9.447.187.755</i>	<i>-</i>
Thu nhập tính thuế của hoạt động chịu thuế suất 17%	30.803.936.476	-
Thu nhập tính thuế của hoạt động chịu thuế suất 20%	9.447.187.755	23.474.179.277
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</i>	<i>7.126.106.752</i>	<i>4.694.835.855</i>
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm</i>	<i>(5.236.669.201)</i>	<i>(16.500.000)</i>
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</i>	<i><u>1.889.437.551</u></i>	<i><u>4.678.335.855</u></i>
<i>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</i>	<i>82.046.507</i>	<i>-</i>
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>1.971.484.058</u>	<u>4.678.335.855</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**10. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	37.614.389.567	15.015.706.837
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	37.614.389.567	15.015.706.837
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	15.322.581	9.145.161
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	2.455	1.642

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	15.000.000	9.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm	322.581	145.161
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	15.322.581	9.145.161

11. Chi phí theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	197.776.949.180	43.896.978.542
Chi phí nhân công	43.267.964.375	13.127.083.636
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.115.159.946	853.611.612
Chi phí dịch vụ mua ngoài	109.430.600.468	2.881.787.846
Chi phí khác	69.739.082.258	67.941.676.024
Cộng	428.329.756.227	128.701.137.660

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**1. Các giao dịch không bằng tiền**

Trong năm Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi ký quỹ nhập gốc	-	167.670.000



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Doanh nghiệp bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:

	<u>Chức danh</u>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Ông Nguyễn Văn Đức	Thành viên HĐQT kiêm		
	Tổng Giám đốc	476.966.404	347.936.753
Ông Bùi Quang Huy	Miễn nhiệm ngày 26		
	tháng 05 năm 2021	-	96.971.125
Ông Phan Lê Hoàng Trung	Thành viên HĐQT kiêm		
	Phó Tổng Giám đốc	307.021.860	263.573.294
Bà Lê Thị Xuân Đức	Trưởng Ban Kiểm soát	241.097.363	-
Cộng		1.025.085.627	708.481.172

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

Góp vốn vào Công ty Cổ phần Tập đoàn Cơ khí Công nghệ cao Siba

<u>Đối tượng</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Số tiền góp</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Ông Nguyễn Văn Phú	150.000	2.250.000.000	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Văn Đức	15.000	225.000.000	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Bà Phan Hồng Vân	10.000	150.000.000	Thành viên HĐQT
Ông Phan Lê Hoàng Trung	30.000	450.000.000	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Ngọc Long	45.000	675.000.000	Thành viên HĐQT
Bà Lê Thị Xuân Đức	10.000	150.000.000	Trưởng BKS từ 06/3/2022
Ông Đào Đức Tuấn	7.500	112.500.000	Thành viên BKS
Ông Nguyễn Tấn Hưng	20.000	300.000.000	Người có liên quan của Ông Nguyễn Văn Đức

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**b. Giao dịch với bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Doanh nghiệp gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần SIBA HOLDINGS	Công ty mẹ Ông Trương Sỹ Bá là Chủ tịch HĐQT của Công ty Cổ phần Siba Holdings đồng thời là Chủ tịch HĐQT của Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Long
Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Long	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Nông Nghiệp BAF Việt Nam	Công ty cùng Tập đoàn
Công Ty TNHH Đầu Tư Trang Trại Xanh 1	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Đầu tư Trang trại xanh 2	Công ty cùng Tập đoàn
Công Ty TNHH Anh Vũ Phú Yên	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Sản xuất thương mại dịch vụ Bắc An Khánh	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Chăn Nuôi Bảo Ngọc	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Công nghệ cao Hải Đăng Tây Ninh	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Đông An Khánh	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Chăn nuôi Nam An Khánh	Công ty cùng Tập đoàn
Công Ty Cổ Phần Thức Ăn Chăn Nuôi BAF Tây Ninh	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH SX TM DV Chăn Nuôi Minh Thành	Công ty cùng Tập đoàn

Các giao dịch phát sinh giữa Doanh nghiệp với các bên liên quan khác trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần SIBA HOLDINGS		
Góp vốn	83.400.000.000	90.000.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Long		
Phải thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	673.155.750	-
Thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	403.893.450	-
Phải trả tiền mua hàng và dịch vụ	535.666.788.750	-
Trả tiền mua hàng và dịch vụ	596.252.183.200	-
Công ty Cổ phần Nông Nghiệp BAF Việt Nam		
Phải thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	797.008.322	-
Thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.186.458.442	-
Công Ty TNHH Đầu Tư Trang Trại Xanh 1		
Phải thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	44.999.134.093	-
Thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	28.178.194.833	-
Công ty TNHH Đầu tư Trang trại xanh 2		
Phải thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	33.174.672.439	-
Thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	29.315.794.900	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công Ty TNHH Anh Vũ Phú Yên		
Phải thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.117.636.596	-
Thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	8.078.207.726	-
Công ty Cổ phần Chân nuôi Công nghệ cao Hải Đăng Tây Ninh		
Thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	28.918.163.469	-
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Đông An Khánh		
Phải thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	82.426.994.553	-
Thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	92.221.071.528	-
Công ty TNHH Chân nuôi Nam An Khánh		
Phải thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	31.288.022.802	-
Thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	45.492.974.628	-
Công Ty Cổ Phần Thức Ăn Chân Nuôi BAF Tây Ninh		
Phải thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.696.668.952	-
Thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.696.668.952	-
Công ty TNHH SX TM DV Chân Nuôi Minh Thành		
Phải thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	30.244.500	-
Thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	30.244.500	-
Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại thuyết minh V.2; V.3; V.10; V.11.		

2. Chi phí lãi vay vốn hóa

Trong năm công ty phát sinh các chi phí lãi vay đã vốn hóa như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Vốn hóa chi phí lãi vay cho các khoản vay riêng biệt	-	6.346.892.803
Cộng	-	6.346.892.803

3. Thông tin bộ phận**A. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh**

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- + Lĩnh vực thương mại;
- + Lĩnh vực cơ khí;
- + Lĩnh vực kinh doanh điện.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP DOANH CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A) Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực thương mại	Lĩnh vực cơ khí	Lĩnh vực kinh doanh điện	Các khoản loại trừ	Cộng
Năm nay					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	3.607.760.790.610	401.547.593.109	1.449.733.600	-	4.010.758.117.319
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	300.000.000	594.256.275	(894.256.275)	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.607.760.790.610	401.847.593.109	2.043.989.875	(894.256.275)	4.010.758.117.319
Chi phí bộ phận	3.603.453.590.571	325.862.754.568	683.689.992	(839.083.965)	3.929.160.951.166
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	4.307.200.039	75.984.838.541	1.360.299.883	(55.172.310)	81.597.166.153
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					30.038.487.809
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					51.558.678.344
Doanh thu hoạt động tài chính					4.430.736.673
Chi phí tài chính					16.117.907.568
Thu nhập khác					186.967.905
Chi phí khác					423.636.191
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					1.971.484.058
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					48.965.538
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					37.614.389.567
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác phân bổ cho hoạt động	-	55.961.249.618	-	-	55.961.249.618
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác không phân bổ					669.371.192
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	928.028.657	8.160.626.689	438.862.302	-	9.527.517.648

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
BẢO CẢO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Số cuối năm	Lĩnh vực thương mại	Lĩnh vực cơ khí	Lĩnh vực kinh doanh điện	Cộng
Tài sản trực tiếp của bộ phận	1.469.120.899.521	501.567.784.940	7.913.212.795	1.978.601.897.256
Tài sản phân bổ cho bộ phận				126.724.618.756
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				<u>2.105.326.516.012</u>
Tổng tài sản	1.346.236.202.570	203.986.635.650		1.550.222.838.220
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận				
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				156.788.005.032
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				<u>1.707.010.843.252</u>
Số đầu năm	1.209.812.416.094	297.112.306.071	8.352.075.097	1.515.276.797.262
Tài sản phân bổ cho bộ phận				97.183.125.146
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				<u>1.612.459.922.408</u>
Tổng tài sản	1.186.908.983.095	219.184.047.749		1.406.093.030.844
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận				
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				7.490.108.371
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				<u>1.413.583.139.215</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

B. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

4. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

5. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Vay và nợ	66.823.841.456	83.431.340.136	-	150.255.181.592
Phải trả người bán	1.462.805.131.028	-	-	1.462.805.131.028
Các khoản phải trả khác	12.950.525.117	-	-	12.950.525.117
Cộng	1.542.579.497.601	83.431.340.136	-	1.626.010.837.737
Số đầu năm				
Vay và nợ	16.796.270.000	67.185.080.000	17.860.214.896	101.841.564.896
Phải trả người bán	1.252.908.093.563	-	-	1.252.908.093.563
Các khoản phải trả khác	1.806.435.762	-	-	1.806.435.762
Cộng	1.271.510.799.325	67.185.080.000	17.860.214.896	1.356.556.094.221

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

6. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	81.438.432.307	69.701.385.560	81.438.432.307	69.701.385.560
Phải thu khách hàng	1.250.667.396.037	1.093.272.133.799	1.250.667.396.037	1.093.272.133.799
Các khoản phải thu khác	24.819.397.184	30.358.022.882	24.819.397.184	30.358.022.882
Cộng	1.356.925.225.528	1.193.331.542.241	1.356.925.225.528	1.193.331.542.241
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	150.255.181.592	101.841.564.896	150.255.181.592	101.841.564.896
Phải trả người bán	1.462.805.131.028	1.252.908.093.563	1.462.805.131.028	1.252.908.093.563
Các khoản phải trả khác	12.950.525.117	1.806.435.762	12.950.525.117	1.806.435.762
Cộng	1.626.010.837.737	1.356.556.094.221	1.626.010.837.737	1.356.556.094.221

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giá định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu và cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

7. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

8. Sự kiện phát sinh trong năm và sau ngày kết thúc năm tài chính

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn Cơ khí Công nghệ cao Siba số 15.04/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15 tháng 04 năm 2022 về việc thông qua Phương án chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng, tăng vốn điều lệ từ 150.000.000.000 đồng lên 250.000.000.000 đồng. Đến thời điểm 13 tháng 12 năm 2022, Công ty đã hoàn thành việc chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng. Ngày 03 tháng 01 năm 2023, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 10 về việc tăng vốn điều lệ lên 250.000.000.000 đồng.

Theo Công Văn số 8582/UBCK-GSDC ngày 27/12/2022 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Công ty Cổ phần Tập đoàn Cơ khí Công nghệ cao Siba bắt đầu thực hiện nghĩa vụ công ty đại chúng từ ngày 27/12/2022.

9. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh đầu năm được lấy theo Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt.

Lập ngày 20 tháng 3 năm 2022

Người lập biểu

Võ Thị Cẩm Tú

Kế toán trưởng

Hà Thị Ngọc Sơn

Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn Đức

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG
NGHỆ CAO SIBA**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2-4
Báo cáo kiểm toán	5-6
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	7-51
<i>Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>	<i>7-10</i>
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023</i>	<i>11</i>
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2023</i>	<i>12-13</i>
<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính năm 2023</i>	<i>14-51</i>

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn cơ khí công nghệ cao Siba được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0313140100 đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 02 năm 2015. Trong quá trình hoạt động, công ty đã 10 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp về tên công ty, địa chỉ, chủ sở hữu và vốn điều lệ. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 10 số 0313140100 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03 tháng 01 năm 2023 về tăng vốn điều lệ.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 10: 250.000.000.000 VND.

Vốn điều lệ thực góp tại thời điểm 31/12/2023: 250.000.000.000 VND

TRỤ SỞ HOẠT ĐỘNG:

Địa chỉ : 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại : 028.3811.0480
Mã số thuế : 0313140100

Ngành nghề kinh doanh chính:

- Thương mại nông sản;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại./.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 51).

SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KÊ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2023 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Văn Phú	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Đức	Thành viên
Bà Phan Hồng Vân	Thành viên
Ông Phan Lê Hoàng Trung	Thành viên
Ông Trần Ngọc Long	Thành viên

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Nguyễn Văn Đức	Tổng Giám đốc	
Ông Phan Lê Hoàng Trung	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Hà Thị Ngọc Sen	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 21 tháng 12 năm 2023
Bà Nguyễn Thị Thảo	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 12 năm 2023

Các thành viên của Ban kiểm soát trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Bà Lê Thị Xuân Đức	Trưởng BKS
Bà Nguyễn Thị Lệ Thương	Thành viên BKS
Ông Đào Đức Tuấn	Thành viên BKS

Kiểm toán Viên

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

TP. Hồ Chí Minh, Ngày 25 tháng 03 năm 2024

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Đức

Số : 3006.05.03/2023/BCTC - NTV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính năm 2023

Kính gửi : **Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Tập đoàn Cơ khí Công nghệ cao Siba

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Cơ khí Công nghệ cao Siba, được lập ngày 25 tháng 03 năm 2024 từ trang 07 đến trang 51, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Cơ khí Công nghệ cao Siba chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, yêu cầu lập kế hoạch và thực hiện để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Cơ khí Công nghệ cao Siba tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2024

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

Phó Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên



Nguyễn Thị Hồng Thanh
GCNDKHNKT số: 0053-2023-124-1

Nguyễn Thị Tuyết
GCNDKHNKT số: 1475-2023-124-1

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 AI Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		926.670.571.520	1.837.779.856.616
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	35.902.377.227	73.776.103.746
1. Tiền	111		35.902.377.227	73.776.103.746
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		616.838.873.678	1.302.982.283.182
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	467.842.137.267	1.250.932.396.037
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	64.564.068.428	27.410.238.191
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	84.432.667.983	24.639.648.954
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		242.908.871.370	423.894.678.442
1. Hàng tồn kho	141	V.5	242.908.871.370	423.894.678.442
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		31.020.449.245	37.126.791.246
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6a	658.016.354	1.276.896.867
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		30.362.432.891	35.849.894.379
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN		200		341.006.027.669	338.151.049.143
I. Các khoản phải thu dài hạn		210		735.494.795	107.156.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng		211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn		212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc		213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn		214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn		215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác		216	V.4b	735.494.795	107.156.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		219		-	-
II. Tài sản cố định		220		183.246.722.277	180.817.586.144
1. Tài sản cố định hữu hình		221	V.7	171.346.177.229	179.805.660.959
Nguyên giá		222		191.486.579.229	188.358.885.440
Giá trị hao mòn lũy kế		223		(20.140.402.000)	(8.553.224.481)
2. Tài sản cố định thuê tài chính		224	V.8	809.540.148	1.011.925.185
Nguyên giá		225		1.011.925.185	1.011.925.185
Giá trị hao mòn lũy kế		226		(202.385.037)	-
3. Tài sản cố định vô hình		227	V.9	11.091.004.900	-
Nguyên giá		228		11.674.742.000	-
Giá trị hao mòn lũy kế		229		(583.737.100)	-
III. Bất động sản đầu tư		230		-	-
Nguyên giá		231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế		232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn		240		62.876.763.402	63.213.993.444
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		242	V.10	62.876.763.402	63.213.993.444
V. Đầu tư tài chính dài hạn		250	V.11	88.000.000.000	88.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty con		251		88.000.000.000	88.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác		260		6.147.047.195	6.012.313.555
1. Chi phí trả trước dài hạn		261	V.6b	6.147.047.195	6.012.313.555
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác		268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270		1.267.676.599.189	2.175.930.905.759

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
			Số cuối năm	Số đầu năm
C- NỢ PHẢI TRẢ	300		849.036.150.794	1.787.290.227.958
I. Nợ ngắn hạn	310		734.443.815.055	1.650.756.138.615
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	509.553.166.380	1.462.900.800.130
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	92.141.237.483	79.883.081.318
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	1.948.593.397	1.659.444.004
4. Phải trả người lao động	314		2.540.641.587	3.916.767.927
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	33.779.566.587	9.945.792.541
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	991.689.783	686.863.239
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a	93.488.919.838	92.563.389.456
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		114.592.335.739	136.534.089.343
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b	114.592.335.739	136.534.089.343
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 AI Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		418.640.448.395	388.640.677.801
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	418.640.448.395	388.640.677.801
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		250.000.000.000	250.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		250.000.000.000	250.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		79.824.500.000	79.824.500.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		88.815.948.395	58.816.177.801
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		58.816.177.801	22.407.435.486
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		29.999.770.594	36.408.742.315
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.267.676.599.189	2.175.930.905.759

Lập, ngày 25 tháng 03 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Võ Thị Cẩm Tú

Trần Thị Thu Thảo

Nguyễn Văn Đức



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VL1	3.657.072.622.842	4.009.510.319.203
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		3.657.072.622.842	4.009.510.319.203
4. Giá vốn hàng bán	11	VL2	3.567.707.133.123	3.929.226.045.139
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		89.365.489.719	80.284.274.064
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VL3	945.006.303	4.429.262.449
7. Chi phí tài chính	22	VL4	20.824.503.527	16.698.610.452
Trong đó: chi phí lãi vay	23		20.581.578.388	16.257.743.854
8. Chi phí bán hàng	25	VL5	12.625.309.957	14.268.816.085
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VL6	19.942.212.162	15.383.905.142
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		36.918.470.376	38.362.204.834
11. Thu nhập khác	31	VL7	193.146.054	186.967.905
12. Chi phí khác	32	VL8	147.182.021	423.586.559
13. Lợi nhuận khác	40		45.964.033	(236.618.654)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		36.964.434.409	38.125.586.180
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VL9	6.964.663.815	1.716.843.865
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		29.999.770.594	36.408.742.315
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VL10	-	-

Lập, ngày 25 tháng 03 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Võ Thị Cẩm Tú

Trần Thị Thu Thảo

Nguyễn Văn Đức

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		36.964.434.409	38.125.586.180
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		12.373.299.656	7.676.297.644
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		104.224.196	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(902.834.242)	(485.565.430)
- Chi phí lãi vay	06		20.581.578.388	16.257.743.854
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		69.120.702.407	61.574.062.248
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		725.264.121.786	(189.886.203.501)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		180.985.807.072	(239.307.416.968)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(932.674.719.862)	271.636.920.596
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		484.146.873	(3.662.705.752)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(15.500.452.019)	(13.115.017.659)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(6.700.000.000)	(5.714.925.370)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		20.979.606.257	(118.475.286.406)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(38.741.354.207)	(81.384.208.562)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(48.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		904.244.653	864.789.846
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(37.837.109.554)	(128.519.418.716)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 AI Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	149.824.500,000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		98.033.429.108	152.096.199.943
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(118.878.202.726)	(43.003.793.247)
5. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	35		(171.449.604)	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(21.016.223.222)	258.916.906.696
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(37.873.726.519)	11.922.201.574
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	73.776.103.746	61.853.902.172
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	35.902.377.227	73.776.103.746

Người lập biểu

Võ Thị Cẩm Tú

Kế toán trưởng

Trần Thị Thu Thảo

Lập, ngày 25 tháng 03 năm 2024

Tổng Giám đốc


Nguyễn Văn Đức

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần Tập đoàn cơ khí công nghệ cao Siba (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh** : Thương mại, dịch vụ, sản xuất
- Ngành nghề kinh doanh** :
Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty trong năm bao gồm:
 - Thương mại nông sản;
 - Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại./.
- Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**: Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng
- Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên BCTC**: Số liệu BCTC năm 2023 hoàn toàn nhất quán và đảm bảo tính so sánh được với số liệu BCTC năm 2022.
- Đặc điểm hoạt động của Tổng Công ty/Doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**
Không.
- Nhân viên**:
Tại ngày kết thúc năm tài chính Doanh nghiệp có 201 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 188 nhân viên).
- Cấu trúc doanh nghiệp**:
Công ty con:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công Ty TNHH MTV Năng Lượng Sạch VMECO Bạc Liêu (*)	Lô E9, Khu công nghiệp Trà Kha, Phường 8, Thành phố Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu, Việt Nam	Sản xuất điện	100%	100%	100%
Công Ty TNHH MTV Năng Lượng Sạch VMECO Đồng Tháp (**)	Đường ven Sông Hậu, Ấp An Ninh, Xã Định An, Huyện Lấp Vò, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam	Sản xuất điện	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Sibacons (***)	Số 2, đường 8A, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Xây dựng, thương mại, dịch vụ, sản xuất	80%	80%	80%

(*) Công ty hiện hoạt động bình thường trong lĩnh vực năng lượng mặt trời.

(**) Công ty hiện hoạt động trong lĩnh vực năng lượng mặt trời, đang trong giai đoạn đầu tư nên chưa có doanh thu.

(***) Công ty hiện đang hoạt động bình thường trong lĩnh vực tư vấn giám sát.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC năm 2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC năm 2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Tỷ giá khi góp vốn hoặc nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ;

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Doanh nghiệp. Việc kiểm soát đạt được khi Doanh nghiệp có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Các khoản đầu tư vào công ty con, được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phi khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Doanh nghiệp so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Doanh nghiệp và người mua là đơn vị độc lập với Doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính (hoặc yếu tố chi phí khác cho phù hợp).

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được Tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá Tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

chấn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi Tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại Tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định hữu hình</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	08 – 35
Máy móc thiết bị	05 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 – 05

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

9. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<u>Loại tài sản cố định thuê tài chính</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc thiết bị	05
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Doanh nghiệp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Doanh nghiệp bao gồm các chi phí sau:

Tiền thuê đất khu Công nghiệp

Tiền thuê đất khu Công nghiệp phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian 50 năm.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước khác phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Công ty phải theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Đối với khoản nợ thuê tài chính, tổng số nợ thuê phản ánh vào bên Có của tài khoản 341 là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay, nợ bằng ngoại tệ phải quy đổi ra đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh;

- Khi trả nợ, vay bằng ngoại tệ, bên Nợ tài khoản 341 được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ kế toán thực tế đích danh cho từng đối tượng;

- Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

- Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

14. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận chưa phân phối

Ghi nhận kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

Các quỹ khác

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn hàng năm.

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức/lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

17. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

19. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

20. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Dự án đầu tư Nhà máy Cơ khí công nghiệp hỗ trợ Công nghệ cao VMECO của Công ty được áp dụng thuế suất 17% trong thời hạn 10 năm (từ năm 2022 đến năm 2031), miễn thuế 02 năm (từ năm 2022 đến năm 2023) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 04 năm tiếp theo áp dụng cho Dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn theo Hướng dẫn của Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 và Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính.

21. Công cụ tài chính

i. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

ii. Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) đo giảm giá trị hoặc đo không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

iii. Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cũng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	3.905.645.354	2.021.777.433
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	31.996.731.873	71.754.326.313
Cộng	<u>35.902.377.227</u>	<u>73.776.103.746</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>21.533.144.428</i>	<i>13.599.356.825</i>
Công Ty TNHH Đầu Tư Trang Trại Xanh 1	-	9.475.479.286
Công Ty TNHH MTV Năng Lượng Sạch VMECO Bạc Liêu	430.000.000	265.000.000
Công ty TNHH Chăn Nuôi Bào Ngọc	464.250.000	-
Công ty TNHH Đầu tư Trang trại xanh 2	4.613.533.880	3.858.877.539
Công Ty Cổ Phần Chăn Nuôi Công Nghệ Cao Hải Đăng Tây Ninh	16.025.360.548	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>446.308.992.839</i>	<i>1.237.333.039.212</i>
Công ty TNHH Đầu Tư và Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Tân Thành Nam	-	185.972.386.450
Công ty Cổ phần Đầu Tư Sản Xuất Và Kinh Doanh Thực Phẩm Hà Nội	-	308.366.546.580
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Cao Thăng	2.877.439.687	162.231.116.204
Công ty Cổ phần Sản Xuất, Thương Mại Và Dịch Vụ Tân Mai	95.336.209.800	313.160.032.033
Công Ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Nông Sản Thực Phẩm Thành Đô	-	162.515.899.318
Công ty Cổ Phần Thăng Hoa	139.260.072.000	-
Công ty CP CBOT Việt Nam	200.361.787.100	-
Các khách hàng khác	8.473.484.252	105.087.058.627
Cộng	<u>467.842.137.267</u>	<u>1.250.932.396.037</u>

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	<i>3.890.503</i>	<i>376.650</i>
Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Long	-	376.650
Công ty TNHH MTV Năng Lượng Sạch VMECO Bạc Liêu	3.890.503	-
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<i>64.560.177.925</i>	<i>27.409.861.541</i>
Công ty TNHH Nhà Thép Trí Việt	7.432.126.047	-
Công ty TNHH Khai thác Nước Ngầm Tây Ninh Savagnini Italia S.P.A	37.561.571.500	2.448.868.500
Công ty Cổ phần Kết cấu thép Đại Dững Miền Trung	-	6.944.815.000
Công ty TNHH Antaco Bình Dương	-	2.441.275.200
Các nhà cung cấp khác	19.566.480.378	11.773.302.841
Cộng	<u>64.564.068.428</u>	<u>27.410.238.191</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**4. Các khoản phải thu khác****a) Ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-	17.407.770	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Sibacons	-	-	17.407.770	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	84.432.667.983	-	24.622.241.184	-
Ký cược, ký quỹ (*)	84.097.000.000	-	24.298.658.443	-
Tạm ứng	264.689.999	-	233.736.403	-
Công ty Cho Thuê Tài Chính TNHH MTV Quốc Tế Chailease	50.799.880	-	63.499.852	-
Lãi tiền gửi ký quỹ	-	-	1.410.411	-
Phải thu khác	20.178.104	-	24.936.075	-
Cộng	84.432.667.983	-	24.639.648.954	-

(*) Là khoản cầm cố, ký quỹ bằng tiền gửi ngân hàng để đảm bảo thực hiện hợp đồng các công trình xây lắp cho các khách hàng như sau:

+ Các số tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn-Hà Nội có số dư là: 401.000.000 VND.

+ Các số tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam có số dư là: 2.000.000.000 VND.

+ Các số tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Phát triển TP.HCM có số dư là: 8.036.000.000 VND.

+ Các số tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam có số dư là: 73.585.000.000 VND.

+ Các khoản cầm cố, ký quỹ cho đối tượng khác: 75.000.000 VND.

b) Dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	735.494.795	-	107.156.000	-
Cầm cố, ký quỹ	735.494.795	-	107.156.000	-
Cộng	735.494.795	-	107.156.000	-

5. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	123.143.159.542	-	81.688.449.408	-
Công cụ, dụng cụ	10.901.573.947	-	5.522.693.214	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	102.076.363.210	-	98.861.132.602	-
Thành phẩm	604.819.432	-	121.368.796	-
Hàng hóa	6.182.955.239	-	237.701.034.422	-
Cộng	242.908.871.370	-	423.894.678.442	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**6. Chi phí trả trước****a) Ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ dụng cụ	288.500.525	838.126.683
Chi phí bảo hiểm	93.496.935	123.817.247
Chi phí thuê cơ sở hạ tầng, sửa chữa showroom	-	242.933.258
Chi phí phần mềm, thuê máy chủ	207.109.080	36.473.331
Chi phí thuê văn phòng	10.540.000	-
Chi phí khác	58.369.814	35.546.348
Cộng	<u>658.016.354</u>	<u>1.276.896.867</u>

b) Dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền thuê đất	2.171.489.846	2.220.196.163
Công cụ dụng cụ	765.022.572	293.671.863
Chi phí thi công văn phòng	1.348.488.090	36.678.425
Chi phí trả trước dài hạn Nhà máy Bạc Liêu	1.793.033.603	3.412.196.100
Các chi phí trả trước dài hạn khác	69.013.084	49.571.004
Cộng	<u>6.147.047.195</u>	<u>6.012.313.555</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	55.716.664.542	126.987.377.443	5.526.477.091	128.366.364	188.358.885.440
Mua trong năm	-	-	560.293.789	61.800.000	622.093.789
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	2.505.600.000	-	-	2.505.600.000
Số cuối năm	55.716.664.542	129.492.977.443	6.086.770.880	190.166.364	191.486.579.229
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-	63.636.364	63.636.364
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	1.471.100.239	5.960.156.296	1.023.046.609	98.921.337	8.553.224.481
Khấu hao trong năm	2.228.617.104	8.696.412.639	636.851.940	25.295.836	11.587.177.519
Số cuối năm	3.699.717.343	14.656.568.935	1.659.898.549	124.217.173	20.140.402.000
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	54.245.564.303	121.027.221.147	4.503.430.482	29.445.027	179.805.660.959
Số cuối năm	52.016.947.199	114.836.408.508	4.426.872.331	65.949.191	171.346.177.229

Tài sản cố định hữu hình có nguyên giá 184.831.244.101 VND và giá trị còn lại 166.668.884.504 VND được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hàn Thuyên.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**8. Tài sản cố định thuê tài chính**

	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	432.000.000	579.925.185	1.011.925.185
Thuê tài chính trong năm	-	-	-
Số cuối năm	432.000.000	579.925.185	1.011.925.185
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	-	-
Khấu hao trong năm	86.400.000	115.985.037	202.385.037
Số cuối năm	86.400.000	115.985.037	202.385.037
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	432.000.000	579.925.185	1.011.925.185
Số cuối năm	345.600.000	463.940.148	809.540.148

9. Tài sản cố định vô hình

Là chương trình phần mềm:

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Hao mòn lũy kế</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu năm	-	-	-
Tăng trong năm	11.674.742.000	(583.737.100)	11.091.004.900
Số cuối năm	11.674.742.000	(583.737.100)	11.091.004.900

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển vào Chi phí trả trước	Số cuối năm
Xây dựng cơ bản dở dang	63.213.993.444	15.853.502.758	(14.180.342.000)	(2.010.390.800)	62.876.763.402
Công trình "Nhà máy cơ khí công nghiệp hỗ trợ công nghệ cao"	2.505.600.000	-	(2.505.600.000)	-	-
Hệ thống phần mềm quản lý SAP	8.292.219.080	5.392.913.720	(11.674.742.000)	(2.010.390.800)	-
Công trình: "Nhà máy Cơ khí Công nghệ cao SIBA Bà Rịa Vũng Tàu" (1)	38.527.285.476	10.460.589.038	-	-	48.987.874.514
Công trình: "Nhà máy Cơ khí Công nghệ cao SIBA Nghệ An" (2)	13.888.888.888	-	-	-	13.888.888.888
Cộng	63.213.993.444	15.853.502.758	(14.180.342.000)	(2.010.390.800)	62.876.763.402

(1) Là chi phí xây dựng dự án "Nhà máy Cơ khí Công nghệ cao SIBA Bà Rịa Vũng Tàu" theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 8353128311 ngày 01/03/2022 của Ban quản lý các khu công nghệ Bà Rịa-Vũng Tàu. Hiện dự án đang trong giai đoạn xây dựng.

(2) Là chi phí xây dựng dự án "Nhà máy Cơ khí Công nghệ cao SIBA Nghệ An" theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 3808008450 ngày 04/01/2023 của Ban quản lý Khu kinh tế Đông Nam tỉnh Nghệ An. Dự án hiện đang ở bước thực hiện các thủ tục đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc
Đầu tư vào công ty con	88.000.000.000	-	88.000.000.000	88.000.000.000
Công ty TNHH MTV Năng Lượng Sạch VMECO Bạc Liêu (1)	20.000.000.000	-	20.000.000.000	20.000.000.000
Công ty TNHH MTV Năng Lượng Sạch VMECO Đồng Tháp (2)	20.000.000.000	-	20.000.000.000	20.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Sibacons (3)	48.000.000.000	-	48.000.000.000	48.000.000.000
Cộng	88.000.000.000	-	88.000.000.000	88.000.000.000

(1) Khoản góp vốn vào Công ty TNHH MTV Năng Lượng Sạch VMECO Bạc Liêu theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 1900665908 ngày 24 tháng 08 năm 2020, theo đó Công ty Cổ phần Tập đoàn cơ khí công nghệ cao Siba là chủ sở hữu 100% vốn điều lệ, đang đương số tiền 20.000.000.000 VND. Công ty hiện hoạt động bình thường trong lĩnh vực năng lượng mặt trời.

(2) Khoản góp vốn vào Công ty TNHH MTV Năng Lượng Sạch VMECO Đồng Tháp theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 1402149837 ngày 22 tháng 09 năm 2020, theo đó Công ty Cổ phần Tập đoàn cơ khí công nghệ cao Siba là chủ sở hữu 100% vốn điều lệ, đương đương số tiền 20.000.000.000 VND. Công ty hiện hoạt động trong lĩnh vực năng lượng mặt trời, đang trong giai đoạn đầu tư nên chưa có doanh thu.

(3) Khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Sibacons theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0317186593 đăng ký lần đầu ngày 07 tháng 3 năm 2022, theo đó Công ty Cổ phần Tập đoàn cơ khí công nghệ cao Siba góp 80% vốn điều lệ tương đương số tiền 48.000.000.000. Công ty hoạt động trong lĩnh vực xây dựng (tư vấn giám sát), thương mại, sản xuất, dịch vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**12. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	105.389.102
Công ty TNHH MTV Năng Lượng Sạch VMECO Bạc Liêu	-	105.389.102
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	509.553.166.380	1.462.795.411.028
Công ty Cổ Phần Nông Sản MOGB Quốc Tế	-	279.336.773.000
Công ty Cổ Phần Nông Sản Sông Lam	186.013.989.100	222.798.634.020
Công ty Cổ Phần Nông Nghiệp Kiến Nông	122.786.193.200	683.537.011.450
Công ty Cổ Phần Nông Sản BIVC Quốc Tế	48.860.663.750	154.563.784.100
Các nhà cung cấp khác	151.892.320.330	122.559.208.458
Cộng	509.553.166.380	1.462.900.800.130

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	60.893.987.483	72.684.502.270
Công ty TNHH Anh Vũ Phú Yên	6.171.408.223	654.500.000
Công ty TNHH Đầu tư Trang trại Xanh 1	1.327.916.146	-
Công ty TNHH Sản xuất thương mại dịch vụ Bắc An Khánh	11.923.454.335	18.500.000.000
Công ty TNHH Chăn Nuôi Bảo Ngọc	-	204.270.000
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Công nghệ cao Hải Đăng Tây Ninh	-	28.918.163.469
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Đồng An Khánh	485.335.818	9.794.076.975
Công ty TNHH Chăn nuôi Nam An Khánh	885.366.240	14.204.951.826
Công ty Cổ phần Nông Nghiệp BAF Việt Nam	15.328.410.573	408.540.000
Công ty TNHH SX TM DV Chăn Nuôi Minh Thành	140.878.754	-
Công ty TNHH sản xuất thương mại dịch vụ Tâm Hưng	7.592.830.440	-
Công Ty TNHH Chăn Nuôi Công Nghệ Cao Sống Hình	650.000.000	-
Công Ty TNHH Đầu Tư Nông Nghiệp Tân Châu	4.954.343.340	-
Công Ty Cổ Phần Thức Ăn Chăn Nuôi BAF Tây Ninh	11.434.043.614	-
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	31.247.250.000	6.398.579.048
Công ty Cổ phần CBOT Việt Nam	-	5.500.000.000
Công Ty Cổ Phần Chăn Nuôi Greentech	24.640.000.000	-
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Chăn Nuôi Cư Jút	6.600.000.000	-
Các khách hàng khác	7.250.000	898.579.048
Cộng	92.141.237.483	79.083.081.318

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	187.026.093	(187.026.093)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	142.585.094	(142.585.094)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.634.797.358	-	6.964.663.815	(6.700.000.000)	1.899.461.173	-
Thuế thu nhập cá nhân	24.646.646	-	429.270.973	(404.785.395)	49.132.224	-
Các loại thuế khác	-	-	9.832.191	(9.832.191)	-	-
Cộng	1.659.444.004	-	7.733.378.166	(7.444.228.773)	1.948.593.397	-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất theo từng loại hình như sau:

Nông sản, khung chuồng heo	Không chịu thuế
Các dịch vụ, hàng hóa khác	10%; 8%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng là 20%.

Dự án đầu tư Nhà máy Cơ khí công nghiệp hỗ trợ Công nghệ cao VMECO của Công ty được áp dụng thuế suất 17% trong thời hạn 10 năm (từ năm 2022 đến năm 2031), miễn thuế 02 năm (từ năm 2022 đến năm 2023) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 04 năm tiếp theo áp dụng cho Dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn theo Hướng dẫn của Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 và Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**15. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	6.259.699.037	1.611.166.667
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây Dựng SIBACONS - Lãi vay	5.137.369.307	1.611.166.667
Công ty TNHH MTV Năng Lượng Sạch VMECO Bạc Liêu - Lãi vay	639.080.111	-
Công ty TNHH MTV Năng Lượng Sạch VMECO Đồng Tháp - Lãi vay	483.249.619	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	27.519.867.550	8.334.625.874
Phải trả lãi vay	1.469.014.210	1.531.559.528
Tiền thuê đất	9.374.760.850	-
Chi phí phải trả hàng hóa công trình Công ty SX TM XD Phúc Huệ	16.676.092.490	6.803.066.346
CNVT-CT Thép Nhân Luật MN	3.075.764.134	5.896.264.230
Công ty Minh Hòa Thành	-	591.274.792
Kunlong International	8.697.864.230	148.726.760
Các đối tượng khác	4.902.464.126	166.800.564
Cộng	<u>33.779.566.587</u>	<u>9.945.792.541</u>

16. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	495.139.317	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây Dựng SIBACONS - Lãi vay	19.768.769	-
Công ty TNHH MTV Năng Lượng Sạch VMECO Đồng Tháp - Lãi vay	475.370.548	-
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	496.550.466	686.863.239
Tài sản thừa chờ giải quyết	15.056.928	-
Kinh phí công đoàn	133.135.873	-
Bảo hiểm xã hội	275.195.745	562.061.514
Bảo hiểm y tế	48.563.955	82.027.890
Bảo hiểm thất nghiệp	21.583.980	42.773.835
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	3.013.985	-
Cộng	<u>991.689.783</u>	<u>686.863.239</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17. Vay và nợ thuế tài chính**a) Ngân hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>				
Công ty TNHH MTV Năng lượng sạch Vmecco Đồng Tháp (1)	26.848.338.000	26.848.338.000	26.628.338.000	26.628.338.000
Công ty TNHH MTV Năng lượng sạch Vmecco Bạc Liêu (2)	15.977.002.800	15.977.002.800	15.977.002.800	15.977.002.800
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây Dựng SIBACONS (3)	10.651.335.200	10.651.335.200	10.651.335.200	10.651.335.200
<i>Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	220.000.000	220.000.000	-	-
Vay ngắn hạn ngân hàng	66.640.581.838	66.640.581.838	65.935.051.456	65.935.051.456
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	46.385.277.838	46.385.277.838	45.679.747.456	45.679.747.456
Ngân hàng TMCP Phát triển T.P Hồ Chí Minh (4)	5.980.191.588	5.980.191.588	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (5)	40.405.086.250	40.405.086.250	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	20.255.304.000	20.255.304.000	20.255.304.000	20.255.304.000
Ngân Hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hân Thuận	20.255.304.000	20.255.304.000	20.255.304.000	20.255.304.000
Cộng	93.488.919.838	93.488.919.838	92.563.389.456	92.563.389.456

(1) Khoản vay Công ty TNHH MTV Năng lượng sạch Vmecco Đồng Tháp theo Hợp đồng 31.12.2022/HĐV-VMCDT-SB ngày 31/12/2022. Số tiền vay 15.977.002.800 VND, lãi suất vay 6%/năm tính từ ngày hợp đồng vay có hiệu lực. Thời hạn vay là từ 31/12/2022 đến khi hợp đồng Lấp đặt hệ thống điện mặt trời mái nhà số 2712/2021/HĐ-SIBA-NLSVDT ngày 27/12/2021 được triển khai và thực hiện. Tiền lãi được trả vào ngày kết thúc thời hạn vay. Số tiền nợ gốc sau khi kết thúc thời hạn vay sẽ được cân trừ với công nợ phát sinh của Hợp đồng trên.

(2) Khoản vay Công ty TNHH MTV Năng lượng sạch Vmecco Bạc Liêu theo Hợp đồng 31.12.2022/HĐV-VMCBL-SB ngày 31/12/2022. Số tiền vay 10.651.335.200 VND, lãi suất vay 6%/năm tính từ ngày hợp đồng vay có hiệu lực. Thời hạn vay là từ 31/12/2022 đến khi hợp đồng lắp đặt hệ thống điện mặt trời mái nhà số 2612/2021/HĐ-SIBA-NLSVDT ngày 26/12/2021 được triển khai và thực hiện, tiền lãi được trả vào ngày kết thúc thời hạn vay. Số tiền nợ gốc sau khi kết thúc thời hạn vay sẽ được cân trừ với công nợ phát sinh của Hợp đồng trên.

(3) Là khoản vay Công ty Cổ phần Đầu tư Xây Dựng SIBACONS theo Hợp đồng cho vay tiền số 2512.2023/HĐV-SB-SBC ngày 25 tháng 12 năm 2023. Số tiền cho vay là 275.000.000 VND, thời hạn 12 tháng, lãi suất 6%/năm. Mục đích của khoản vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(4) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Phát Triển Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng hạn mức số 24894/23MN/HĐTD ngày 27/09/2023. Hạn mức cho vay là 100.000.000.000 VND với mục đích bổ sung vốn lưu động. Thời hạn của các khế ước nhận nợ trong năm là 3 tháng với lãi suất 9%/năm. Tài sản đảm bảo của các khoản vay là Quyền đòi nợ phát sinh từ các Hợp đồng cung cấp lắp đặt máy tách phân số giữa SIBA và các khách hàng.

(5) Khoản vay ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 2271/6965706/HĐTD ngày 03 tháng 11 năm 2023. Hạn mức cho vay là 100.000.000.000 VND, thời hạn 12 tháng. Mục đích sử dụng vốn lưu động. Tài sản thế chấp là Hàng tồn kho, hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh theo Hợp đồng thế chấp ngày 03/11/2023. Giá trị của tài sản thế chấp được ngân hàng định giá là 100.000.000.000 VND.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngân hàng như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức khác					
Công ty TNHH MTV Năng lượng sạch Imeco Đông Tháp	15.977.002.800	-	-	-	15.977.002.800
Công ty TNHH MTV Năng lượng sạch Imeco Bạc Liêu	10.651.335.200	-	-	(4.183.000.000)	10.651.335.200
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây Dựng SIBACONS	-	4.405.000.000	-	-	220.000.000
Vay ngắn hạn ngân hàng					
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	45.679.747.456	27.123.746.042	-	(72.803.493.498)	-
Ngân hàng TMCP Phát triển T.P Hồ Chí Minh	-	5.980.191.588	-	-	5.980.191.588
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	-	60.324.491.478	-	(20.119.405.228)	40.405.086.250
Vay dài hạn đến hạn trả					
Ngân Hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hòa Thuận	20.255.304.000	-	20.255.304.000	(20.255.304.000)	20.255.304.000
Cộng	92.563.389.456	98.033.429.108	20.255.304.000	(117.363.202.726)	93.488.919.838

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

b) Dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay và nợ thuế tài chính dài hạn phải trả các bên liên quan</i>				
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây Dựng SIBACONS (1)	58.031.476.707	58.031.476.707	59.546.476.707	59.546.476.707
<i>Vay và nợ thuế tài chính dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>				
Vay dài hạn ngân hàng	56.560.859.032	56.560.859.032	76.987.612.636	76.987.612.636
Ngân Hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hà Nội Thuận (2)	55.875.060.636	55.875.060.636	76.130.364.636	76.130.364.636
Nợ thuế tài chính	685.798.396	685.798.396	857.248.000	857.248.000
<i>Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chaitlease</i>				
Cộng	114.592.335.739	114.592.335.739	136.534.089.343	136.534.089.343

(1) Là khoản vay Công ty Cổ phần Đầu tư Xây Dựng SIBACONS theo các Hợp đồng sau:

- + Hợp đồng cho vay số 090622/HĐV-SB-SBC ngày 09/6/2022. Số tiền vay 43.000.000.000 VND, lãi suất vay 6%/năm tính từ ngày hợp đồng vay có hiệu lực. Thời hạn vay 24 tháng, tiền lãi được trả vào ngày kết thúc thời hạn vay.
- + Hợp đồng cho vay số 270622/HĐV-SB-SBC ngày 27/6/2022. Số tiền vay 4.900.000.000 VND, lãi suất vay 6%/năm tính từ ngày hợp đồng vay có hiệu lực. Thời hạn vay 24 tháng, tiền lãi được trả vào ngày kết thúc thời hạn vay.
- + Hợp đồng cho vay số 291222/HĐV-SB-SBC ngày 29/12/2022. Số tiền vay 12.000.000.000 VND, lãi suất vay 6%/năm tính từ ngày hợp đồng vay có hiệu lực. Thời hạn vay 24 tháng, tiền lãi được trả vào ngày kết thúc thời hạn vay.

(2) Là khoản vay theo hợp đồng số 0006/2020/HĐTĐH-PN/SHB.111500 ngày 12 tháng 02 năm 2020 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hà Nội. Số tiền cho vay: 147.000.000.000 VND (Bảng chữ: Một trăm bốn mươi bảy tỷ đồng). Mục đích sử dụng vốn vay: Cho vay, mở L/C nhập khẩu Máy móc thiết bị (MMTB), bảo lãnh phục vụ đầu tư dự án: ""Nhà máy cơ khí công nghiệp hỗ trợ công nghệ cao" tại Khu công nghiệp Trà Kha, phường 8, Thành phố Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu. Thời hạn vay 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất được quy định cụ thể trong từng khế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo gồm :

+ Tài sản bảo đảm 1: Bền thế chấp tự nguyện thế chấp tài sản thuộc sở hữu của mình là: Toàn bộ các công trình xây dựng là tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai thuộc dự án nhà máy cơ khí công nghiệp hỗ trợ công nghệ cao VMECO được xây dựng tại thửa đất số 177; tờ bản đồ số

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

23 tại Khu Công nghiệp Trà Kha, phường 8, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu. Diện tích lô đất sử dụng: 14.100,91 m² (Bằng chữ: Mười bốn nghìn một trăm phẩy chín mốt mét vuông) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CS 002425; do UBND tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 26/06/2019. Giá trị định giá: 60.893.000.000 đồng theo biên bản xác định giá trị bất động sản ngày 12/02/2020.

+ Tài sản bảo đảm 2: Bên thế chấp tự nguyện thế chấp tài sản thuộc sở hữu của mình là toàn bộ hệ thống MMTB dây chuyền sản xuất hình thành trong tương lai thuộc dự án nhà máy cơ khí công nghiệp hỗ trợ công nghệ cao theo hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 0006/2020/HDTCTL.-PN/SHB.111500 ngày 14/02/2020. Giá trị tài sản thế chấp là 161.285.484.582 đồng.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	Số cuối năm
Vay và nợ thuế tài chính dài hạn phải trả các bên liên quan					
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây Dựng SIBACONS	59.546.476.707	-	(1.515.000.000)	-	58.031.476.707
Vay dài hạn ngân hàng					
Ngân Hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hà Thuận	76.130.364.636	-	-	(20.255.304.000)	55.875.060.636
Nợ thuế tài chính					
Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Challenge	857.248.000	-	(171.449.604)	-	685.798.396
Cộng	136.534.089.343	-	(1.686.449.604)	(20.255.304.000)	114.592.335.739

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**18. Vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	150.000.000.000	30.000.000.000	22.407.435.486	202.407.435.486
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền	100.000.000.000	49.824.500.000	-	149.824.500.000
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	36.408.742.315	36.408.742.315
Số dư cuối năm trước	250.000.000.000	79.824.500.000	58.816.177.801	388.640.677.801
Số dư đầu năm nay	250.000.000.000	79.824.500.000	58.816.177.801	388.640.677.801
Lợi nhuận trong năm	-	-	29.999.770.594	29.999.770.594
Số dư cuối năm này	250.000.000.000	79.824.500.000	88.815.948.395	418.640.448.395

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu tại ngày 31/12/2023

	Số cuối năm	Tỷ lệ	Số đầu năm	Tỷ lệ
Công ty Cổ phần Siba Holdings	139.000.000.000	55,60%	139.000.000.000	55,60%
Ông Nguyễn Văn Đức	15.150.000.000	6,06%	44.250.000.000	17,70%
Bà Phan Hồng Văn	7.600.000.000	3,04%	22.600.000.000	9,04%
Các đối tượng khác	88.250.000.000	35,30%	44.150.000.000	17,66%
Cộng	250.000.000.000	100%	250.000.000.000	100%

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	25.000.000	25.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	25.000.000	25.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	25.000.000	25.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	25.000.000	25.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	25.000.000	25.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	3.078.950.220.300	3.607.760.790.610
Doanh thu cung cấp dịch vụ, thành phẩm	578.122.402.542	401.749.528.593
Cộng	3.657.072.622.842	4.009.510.319.203

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty TNHH MTV Năng Lượng Sạch VMECO Bạc Liêu	300.000.000	500.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Long	-	611.959.773
Công ty Cổ phần Nông Nghiệp BAF Việt Nam	1.906.188.500	724.553.020
Chi Nhánh Công ty CP Nông Nghiệp BAF Việt Nam Tại Nghệ An	1.025.901.000	-
Công Ty TNHH Đầu Tư Trang Trại Xanh 1	1.348.013.103	42.382.028.501
Công ty TNHH Đầu tư Trang trại xanh 2	120.569.018.088	30.555.483.387
Công Ty TNHH Anh Vũ Phú Yên	2.472.840.000	1.952.792.400
Công ty TNHH Sản xuất thương mại dịch vụ Bắc An Khánh	94.057.913.738	-
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Công nghệ cao Hải Đăng Tây Ninh	136.979.028.395	-
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Đông An Khánh	107.765.496.456	78.219.924.536
Công ty TNHH Chăn nuôi Nam An Khánh	38.395.739.277	30.137.148.561
Công Ty Cổ Phần Thức Ăn Chăn Nuôi BAF Tây Ninh	2.042.974.664	1.542.426.320
Công ty TNHH Chăn Nuôi Bảo Ngọc	619.000.000	-
Công ty TNHH SX TM DV Chăn Nuôi Minh Thành	37.400.000	27.495.000
Cộng	507.519.513.221	186.653.811.498

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	3.069.119.647.266	3.603.453.590.571
Giá vốn của dịch vụ, thành phẩm đã cung cấp	498.587.485.857	325.772.454.568
Cộng	3.567.707.133.123	3.929.226.045.139

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi, kỳ quỹ	902.834.242	485.565.430
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	41.824.311	3.943.697.019
Doanh thu tài chính khác	347.750	-
Cộng	945.006.303	4.429.262.449

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	20.581.578.388	16.257.743.854
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	138.700.943	440.866.598
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	104.224.196	-
Cộng	20.824.503.527	16.698.610.452

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. Chi phí bán hàng**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	10.923.206.104	9.931.953.758
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	113.931.677	38.869.864
Chi phí dịch vụ mua ngoài	932.857.269	3.046.329.793
Các chi phí khác	655.314.907	1.251.662.670
Cộng	<u>12.625.309.957</u>	<u>14.268.816.085</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	8.264.505.123	8.733.016.462
Chi phí đồ dùng văn phòng	420.223.787	876.523.931
Chi phí khấu hao tài sản cố định	936.671.805	358.018.032
Thuế, phí và lệ phí	1.337.418.903	831.539.440
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.116.338.679	3.242.498.257
Các chi phí khác	1.867.053.865	1.342.309.020
Cộng	<u>19.942.212.162</u>	<u>15.383.905.142</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Hàng tồn kho thiếu sau kiểm kê	-	125.245.343
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	121.257.877	-
Xử lý công nợ	14.767.731	40.619.150
Thu nhập khác	57.120.446	21.103.412
Cộng	<u>193.146.054</u>	<u>186.967.905</u>

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thuế bị phạt, bị truy thu, chậm nộp	20.783.939	167.729.387
Hàng tồn kho thiếu sau kiểm kê	2.820.959	253.774.849
Xử lý công nợ	120.021.535	2.075.621
Chi phí khác	3.555.588	6.702
Cộng	<u>147.182.021</u>	<u>423.586.559</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**9. Chi phí thuế TNDN hiện hành**

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	36.964.434.409	38.125.586.180
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	1.210.661.488	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.210.661.488	-
<i>Chi phí phạt vi phạm hành chính, thuế, chậm nộp</i>	<i>20.783.939</i>	-
<i>Xử lý công nợ</i>	<i>120.021.535</i>	-
<i>Các chi phí không hợp lệ khác</i>	<i>1.069.856.014</i>	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	38.175.095.897	38.125.586.180
<i>Thu nhập chịu thuế của hoạt động chịu thuế suất 17%</i>	<i>3.421.916.005</i>	<i>30.803.936.476</i>
<i>Thu nhập chịu thuế của hoạt động chịu thuế suất 20%</i>	<i>34.753.179.892</i>	<i>8.173.986.790</i>
Thu nhập tính thuế	38.175.095.897	38.977.923.266
Thu nhập tính thuế của hoạt động chịu thuế suất 17%	3.421.916.005	30.803.936.476
Thu nhập tính thuế của hoạt động chịu thuế suất 20%	34.753.179.892	8.173.986.790
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</i>	<i>7.532.361.699</i>	<i>6.871.466.559</i>
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm</i>	<i>(581.725.721)</i>	<i>(5.236.669.201)</i>
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</i>	<i>6.950.635.978</i>	<i>1.634.797.358</i>
<i>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</i>	<i>14.027.837</i>	<i>82.046.507</i>
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>6.964.663.815</u>	<u>1.716.843.865</u>

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 30 về "Lãi trên cổ phiếu" yêu cầu trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

11. Chi phí theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	241.544.457.787	197.776.949.180
Chi phí nhân công	36.642.641.386	43.267.964.375
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.373.299.656	7.676.297.644
Chi phí dịch vụ mua ngoài	241.506.071.071	109.042.040.189
Chi phí khác	2.787.219.320	70.233.564.153
Cộng	<u>534.853.689.220</u>	<u>427.996.815.541</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Doanh nghiệp bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Trong kỳ đơn vị không phát sinh giao dịch với bên liên quan là các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan không còn số dư.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:

	Chức danh	Năm nay	Năm trước
Ông Nguyễn Văn Phú	Chủ tịch HĐQT	60.000.000	-
Ông Trần Ngọc Long	Thành viên HĐQT	60.000.000	-
Ông Phan Hồng Vân	Thành viên HĐQT	60.000.000	-
Ông Nguyễn Văn Đức	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	611.796.001	276.231.539
Ông Phan Lê Hoàng Trung	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	349.628.043	146.242.840
Bà Hà Thị Ngọc Sơn	Kế toán trưởng (Đã miễn nhiệm)	-	149.193.733
Bà Nguyễn Thị Thảo	Kế toán trưởng	206.252.882	-
Bà Lê Thị Xuân Đức	Trưởng ban kiểm soát	328.487.076	149.410.733
Ông Đào Đức Tuấn	Thành viên BKS	30.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Lệ Thương	Thành viên BKS	30.000.000	-
Cộng		1.736.164.002	721.078.845

b. Giao dịch với bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Doanh nghiệp gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần SIBA HOLDINGS	Công ty mẹ
Công Ty TNHH MTV Năng Lượng Sạch VMECO Bạc Liêu	Công ty con
Công Ty TNHH MTV Năng Lượng Sạch VMECO Đồng Tháp	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Sibacons	Công ty con
Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Long	Ông Trương Sỹ Bá là Chủ tịch HĐQT của Công ty Cổ phần Siba Holdings đồng thời là Chủ tịch HĐQT của Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Long
Công ty Cổ phần Nông Nghiệp BAF Việt Nam	Công ty cùng Tập đoàn
Công Ty TNHH Đầu Tư Trang Trại Xanh 1	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Đầu tư Trang trại xanh 2	Công ty cùng Tập đoàn

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công Ty TNHH Anh Vũ Phú Yên	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Sản xuất thương mại dịch vụ Bắc An Khánh	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Chăn Nuôi Bảo Ngọc	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Công nghệ cao Hải Đăng Tây Ninh	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Đông An Khánh	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Chăn nuôi Nam An Khánh	Công ty cùng Tập đoàn
Công Ty Cổ Phần Thức Ăn Chăn Nuôi BAF Tây Ninh	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH SX TM DV Chăn Nuôi Minh Thành	Công ty cùng Tập đoàn
Chi nhánh Công ty CP Nông Nghiệp BAF Việt Nam Tại Nghệ An	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH sản xuất thương mại dịch vụ Tâm Hưng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Đầu tư nông nghiệp Tân Châu	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH chăn nuôi công nghệ cao Sông Hình	Công ty cùng Tập đoàn

Các giao dịch phát sinh giữa công ty với các bên liên quan khác trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công Ty TNHH Đầu Tư Trang Trại Xanh 1		
Thu tiền bán hàng hóa, dịch vụ	12.259.249.584	44.999.134.093
Phải thu tiền bán hàng hóa, dịch vụ	1.455.854.152	28.178.194.833
Công Ty TNHH MTV Năng Lượng Sạch VMECO Bạc Liêu		
Phải thu về bán hàng hóa, dịch vụ	330.000.000	-
Thu tiền bán hàng hóa, dịch vụ	165.000.000	-
Phải thu về tiền lãi cho vay	639.080.111	-
Phải trả về mua hàng hóa	585.771.060	-
Trả tiền mua hàng hóa	695.050.665	-
Công ty Cổ phần Nông Nghiệp BAF Việt Nam		
Phải thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.055.191.700	797.008.322
Thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	16.975.062.273	1.186.458.442
Công ty TNHH Anh Vũ Phú Yên		
Phải thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.698.896.100	2.117.636.596
Thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	8.215.804.323	8.078.207.726
Công ty TNHH Đầu tư Trang trại xanh 2		
Phải thu về bán hàng hóa, dịch vụ	130.933.066.384	33.174.672.439
Thu tiền bán hàng hóa, dịch vụ	130.178.410.043	29.315.794.900
Công Ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Dịch Vụ Bắc An Khánh		
Phải thu về bán hàng hóa, dịch vụ	103.141.162.730	-
Thu tiền bán hàng hóa, dịch vụ	96.564.617.065	-
Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Dịch		

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Vụ Đông An Khánh		
Phải thu về bán hàng hóa, dịch vụ	117.341.322.865	82.426.994.553
Thu tiền bán hàng hóa, dịch vụ	108.032.581.708	92.221.071.528
Chi Nhánh Công ty CP Nông Nghiệp BAF Việt Nam Tại Nghệ An		
Phải thu về bán hàng hóa, dịch vụ	1.128.491.100	-
Thu tiền bán hàng hóa, dịch vụ	1.128.491.100	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Long		
Phải trả về mua hàng hóa	1.146.627.760.650	535.666.788.750
Trả tiền mua hàng hóa	1.146.627.384.000	596.252.183.200
Phải thu về bán hàng hóa, dịch vụ	-	673.155.750
Thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	403.893.450
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Công nghệ cao Hải Đăng Tây Ninh		
Phải thu về bán hàng hóa, dịch vụ	149.051.139.932	28.918.163.469
Thu tiền bán hàng hóa, dịch vụ	104.107.615.915	-
Công ty TNHH Chăn nuôi Nam An Khánh		
Phải thu về bán hàng hóa, dịch vụ	40.591.394.539	31.288.022.802
Thu tiền bán hàng hóa, dịch vụ	27.271.808.953	45.492.974.628
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Sibacons		
Góp vốn	-	48.000.000.000
Phải thu tiền chi hộ	47.405.500	260.931.063
Thu tiền chi hộ	64.813.270	-
Bù trừ công nợ với phải trả tiền vay	-	243.523.293
Trả tiền vay	5.700.000.000	110.000.000
Phải trả tiền vay	4.405.000.000	59.900.000.000
Phải trả tiền lãi vay	3.545.971.409	1.611.166.667
Công ty TNHH MTV Năng Lượng Sạch VMECO Đồng Tháp		
Phải trả về tiền lãi vay	958.620.167	-
Công Ty Cổ Phần Thức Ăn Chăn Nuôi BAF Tây Ninh		
Phải thu về bán hàng hóa, dịch vụ	2.206.412.637	1.696.668.952
Thu tiền bán hàng hóa, dịch vụ	13.640.456.251	1.696.668.952
Công ty TNHH SX TM DV Chăn Nuôi Minh Thành		
Phải thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	41.140.000	30.244.500
Thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	182.018.754	30.244.500
Công ty TNHH Đầu tư nông nghiệp Tân Châu		



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Phải thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	-
Thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.954.343.340	-

Công ty TNHH sản xuất thương mại dịch vụ Tâm Hưng

Phải thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	-
Thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	7.592.830.440

Công ty TNHH Chăn Nuôi Bảo Ngọc

Phải thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	668.520.000
--	-------------

Công ty TNHH chăn nuôi công nghệ cao Sông Hình

Phải thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	-
Thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	650.000.000

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thị trường. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thị trường.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại thuyết minh V.2; V.3; V.4; V.12; V.13; V.15; V.16; V.17.

2. Thông tin bộ phận**A, Thông tin về lĩnh vực kinh doanh**

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

+ Lĩnh vực thương mại;

+ Lĩnh vực cơ khí;

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực thương mại	Lĩnh vực cơ khí	Cộng
Năm nay			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	3.078.950.220.300	578.122.402.542	3.657.072.622.842
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.078.950.220.300	578.122.402.542	3.657.072.622.842
Chi phí bộ phận	3.069.119.647.266	498.587.485.857	3.567.707.133.123
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	9.830.573.034	79.534.916.685	89.365.489.719
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			32.567.522.119
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			56.797.967.600
Doanh thu hoạt động tài chính			945.006.303
Chi phí tài chính			20.824.503.527
Thu nhập khác			193.146.054
Chi phí khác			147.182.021
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			6.964.663.815
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			29.999.770.594
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác phân bổ cho hoạt động	-	16.614.852.729	16.614.852.729
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	-	14.125.724.794	14.125.724.794

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực thương mại	Lĩnh vực cơ khí	Cộng
Số cuối năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	441.141.024.139	653.619.023.584	1.094.760.047.723
Tài sản phân bổ cho bộ phận			-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			172.916.551.466
Tổng tài sản			1.267.676.599.189
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	357.660.846.050	260.709.650.303	618.370.496.353
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận			-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			230.665.654.441
Tổng nợ phải trả			849.036.150.794
Số đầu năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	1.469.120.899.521	501.680.387.583	1.970.801.287.104
Tài sản phân bổ cho bộ phận			-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			205.129.618.655
Tổng tài sản			2.175.930.905.759
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	1.346.236.202.570	202.550.745.224	1.548.786.947.794
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận			-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			238.503.280.164
Tổng nợ phải trả			1.787.290.227.958

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**B. Thông tin về khu vực địa lý**

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

4. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Vay và nợ	93.488.919.838	114.592.335.739	-	208.081.255.577
Phải trả người bán	509.553.166.380	-	-	509.553.166.380
Các khoản phải trả khác	37.311.897.957	-	-	37.311.897.957
Cộng	640.353.984.175	114.592.335.739	-	754.946.319.914
Số đầu năm				
Vay và nợ	92.563.389.456	136.534.089.343	-	229.097.478.799
Phải trả người bán	1.462.900.800.130	-	-	1.462.900.800.130
Các khoản phải trả khác	14.549.423.707	-	-	14.549.423.707
Cộng	1.570.013.613.293	136.534.089.343	-	1.706.547.702.636

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	35.902.377.227	73.776.103.746	35.902.377.227	73.776.103.746
Phải thu khách hàng	467.842.137.267	1.250.932.396.037	467.842.137.267	1.250.932.396.037
Các khoản phải thu khác	85.168.162.778	24.746.804.954	85.168.162.778	24.746.804.954
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	88.000.000.000	88.000.000.000	88.000.000.000	88.000.000.000
Cộng	676.912.677.272	1.437.455.304.737	676.912.677.272	1.437.455.304.737
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	208.081.255.577	229.097.478.799	208.081.255.577	229.097.478.799
Phải trả người bán	509.553.166.380	1.462.900.800.130	509.553.166.380	1.462.900.800.130
Các khoản phải trả khác	37.311.897.957	14.549.423.707	37.311.897.957	14.549.423.707
Cộng	754.946.319.914	1.706.547.702.636	754.946.319.914	1.706.547.702.636

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu và cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

6. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

7. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh đầu năm được lấy theo Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt.

Lập ngày 25 tháng 03 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Võ Thị Cẩm Tú

Trần Thị Thu Thảo

Nguyễn Văn Đức

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG
NGHỆ CAO SIBA**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán bởi

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2-4
Báo cáo kiểm toán	5-6
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	7-50
<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>	<i>7-10</i>
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2023</i>	<i>11</i>
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất năm 2023</i>	<i>12-13</i>
<i>Bàn thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023</i>	<i>14-50</i>

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn cơ khí công nghệ cao Siba được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0313140100 đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 02 năm 2015. Trong quá trình hoạt động, công ty đã 10 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp về tên công ty, địa chỉ, chủ sở hữu và vốn điều lệ. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 10 số 0313140100 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03 tháng 01 năm 2023 về tăng vốn điều lệ.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 10: 250.000.000.000 VND.

Vốn điều lệ thực góp tại thời điểm 31/12/2023: 250.000.000.000 VND

TRỤ SỞ HOẠT ĐỘNG:

Địa chỉ : 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại : 028.3811.0480
Mã số thuế : 0313140100

Ngành nghề kinh doanh chính:

- Thương mại nông sản;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại./.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này (từ trang 7 đến trang 50).

SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2023 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Văn Phú	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Đức	Thành viên
Bà Phan Hồng Vân	Thành viên
Ông Phan Lê Hoàng Trung	Thành viên
Ông Trần Ngọc Long	Thành viên

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Nguyễn Văn Đức	Tổng Giám đốc	
Ông Phan Lê Hoàng Trung	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Hà Thị Ngọc Sơn	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 21 tháng 12 năm 2023
Bà Nguyễn Thị Thảo	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 12 năm 2023

Các thành viên của Ban kiểm soát trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Bà Lê Thị Xuân Đức	Trưởng BKS
Bà Nguyễn Thị Lệ Thương	Thành viên BKS
Ông Đào Đức Tuấn	Thành viên BKS

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

TP. Hồ Chí Minh, Ngày 25 tháng 03 năm 2024.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc;

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Đức

Số : 3006.05.04/2023/BCTC - NTV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP **Về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023**

Kính gửi : **Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Tập đoàn Cơ khí Công nghệ cao Siba

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Cơ khí công nghệ cao Siba, được lập ngày 25 tháng 3 năm 2024 từ trang 07 đến trang 50, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Cơ khí công nghệ cao Siba chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, yêu cầu lập kế hoạch và thực hiện để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Cơ khí công nghệ cao Siba tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2024

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

Phó Tổng Giám đốc



Kiểm toán viên

Nguyễn Thị Hồng Thanh
GCNDKHNKT số: 0053-2023-124-1

Nguyễn Thị Tuyết
GCNDKHNKT số: 1475-2023-124-1

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 AI Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN		100		935.976.077.339	1.846.378.834.159
I. Tiền và các khoản tương đương tiền		110	V.1	43.537.689.496	81.438.432.307
1. Tiền		111		43.537.689.496	81.438.432.307
2. Các khoản tương đương tiền		112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh		121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn		130		616.563.294.273	1.302.840.004.692
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		131	V.2	467.510.319.085	1.250.667.396.037
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		132	V.3	64.610.307.205	27.460.367.471
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn		135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác		136	V.4a	84.442.667.983	24.712.241.184
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý		139		-	-
IV. Hàng tồn kho		140		243.919.465.390	423.906.946.519
1. Hàng tồn kho		141	V.5	243.919.465.390	423.906.946.519
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác		150		31.955.628.180	38.193.450.641
1. Chi phí trả trước ngắn hạn		151	V.6a	665.796.756	1.278.659.897
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		152		31.289.831.424	36.907.827.547
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		153	V.13	-	6.963.197
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác		155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		261.314.832.539	258.947.681.853
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		735.494.795	107.156.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	735.494.795	107.156.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		190.721.072.770	188.730.798.939
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	178.820.527.722	187.718.873.754
<i>Nguyên giá</i>	222		200.263.825.390	197.136.131.601
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(21.443.297.668)	(9.417.257.847)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.8	809.540.148	1.011.925.185
<i>Nguyên giá</i>	225		1.011.925.185	1.011.925.185
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(202.385.037)	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	11.091.004.900	-
<i>Nguyên giá</i>	228		11.674.742.000	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(583.737.100)	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		62.876.763.402	63.213.993.444
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	62.876.763.402	63.213.993.444
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		6.981.501.572	6.895.733.470
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6b	6.147.047.195	6.012.313.555
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		834.454.377	883.419.915
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.197.290.909.878	2.105.326.516.012

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		766.431.312.828	1.707.010.843.252
I. Nợ ngắn hạn	310		704.315.516.296	1.623.579.503.116
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	509.651.966.380	1.462.805.131.028
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	93.101.237.483	79.083.081.318
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	2.705.094.792	1.916.924.197
4. Phải trả người lao động	314		3.265.002.662	3.929.036.004
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	27.519.867.550	8.334.625.874
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	542.975.591	686.863.239
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16a	67.529.371.838	66.823.841.456
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		62.115.796.532	83.431.340.136
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16b	62.115.796.532	83.431.340.136
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		430.859.597.050	398.315.672.760
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	430.859.597.050	398.315.672.760
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		250.000.000.000	250.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		250.000.000.000	250.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		79.824.500.000	79.824.500.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		88.563.374.880	56.287.460.606
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		56.287.460.606	18.876.783.193
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		32.275.914.274	37.410.677.413
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		12.471.722.170	12.203.712.154
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.197.290.909.878	2.105.326.516.012

Lập, ngày 25 tháng 03 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Võ Thị Cẩm Tú

Trần Thị Thu Thảo

Nguyễn Văn Đức

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VL.1	3.662.170.559.727	4.010.758.117.319
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		3.662.170.559.727	4.010.758.117.319
4. Giá vốn hàng bán	11	VL.2	3.569.371.143.095	3.929.160.951.166
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		92.799.416.632	81.597.166.153
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VL.3	945.670.242	4.430.736.673
7. Chi phí tài chính	22	VL.4	16.731.487.245	16.117.907.568
Trong đó: chi phí lãi vay	23		16.488.562.106	15.677.018.970
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VL.5	12.641.648.725	14.268.816.085
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VL.6	24.203.230.803	15.769.671.724
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		40.168.720.101	39.871.507.449
12. Thu nhập khác	31	VL.7	193.146.054	186.967.905
13. Chi phí khác	32	VL.8	148.112.436	423.636.191
14. Lợi nhuận khác	40		45.033.618	(236.668.286)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		40.213.753.719	39.634.839.163
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VL.9	7.620.863.891	1.971.484.058
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		48.965.538	48.965.538
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		32.543.924.290	37.614.389.567
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		32.275.914.274	37.410.677.413
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		268.010.016	203.712.154
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VL.10	1.291	2.442
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VL.10	1.291	2.442

Lập, ngày 25 tháng 03 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Võ Thị Cẩm Tú

Trần Thị Thu Tháo

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		40.213.753.719	39.634.839.163
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		12.812.161.958	8.115.159.946
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		104.224.196	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(903.498.181)	(487.039.654)
- Chi phí lãi vay	06		16.488.562.106	15.677.018.970
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		68.715.203.798	62.939.978.425
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		691.271.920.533	(189.623.276.113)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		179.987.481.129	(239.319.685.045)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(896.401.271.318)	283.606.846.061
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		478.129.501	(3.662.490.796)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(16.551.107.424)	(14.164.109.422)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(6.954.640.193)	(5.760.388.567)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		20.545.716.026	(105.983.125.457)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(38.741.354.207)	(81.384.208.562)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		904.908.592	866.264.070
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(37.836.445.615)	(80.517.944.492)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	149.824.500.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		93.628.429.108	92.196.199.943
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(114.066.992.726)	(43.782.583.247)
5. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	35		(171.449.604)	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(20.610.013.222)	198.238.116.696
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(37.900.742.811)	11.737.046.747
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	81.438.432.307	69.701.385.560
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	43.537.689.496	81.438.432.307

Người lập biểu



Võ Thị Cẩm Tú

Kế toán trưởng



Trần Thị Thu Thảo

Lập, ngày 25 tháng 03 năm 2024

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Đức

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần Tập đoàn cơ khí công nghệ cao Siba (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Thương mại, dịch vụ, sản xuất
3. **Ngành nghề kinh doanh** :
Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty trong năm bao gồm:
 - Thương mại nông sản;
 - Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại./.
4. **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**: Trong vòng 12 tháng
5. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên BCTC**: Số liệu BCTC năm 2023 hoàn toàn nhất quán và đảm bảo tính so sánh được với số liệu BCTC năm 2022.
6. **Nhân viên**:
Tại ngày kết thúc năm tài chính công ty có 251 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 190 nhân viên).
7. **Cấu trúc doanh nghiệp**:
Các Công ty con được hợp nhất:

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động chính</i>	<i>Tỷ lệ vốn góp</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>
Công Ty TNHH MTV Năng Lượng Sạch VMECO Bạc Liêu (*)	Lô E9, Khu công nghiệp Trà Kha, Phường 8, Thành phố Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu, Việt Nam	Sản xuất điện	100%	100%	100%
Công Ty TNHH MTV Năng Lượng Sạch VMECO Đồng Tháp (**)	Đường ven Sông Hậu, Ấp An Ninh, Xã Định An, Huyện Lấp Vò, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam	Sản xuất điện	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Sibacons (***)	Số 2, đường 8A, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Xây dựng, thương mại, dịch vụ, sản xuất	80%	80%	80%

(*) Công ty hiện hoạt động bình thường trong lĩnh vực năng lượng mặt trời.

(**) Công ty hiện hoạt động trong lĩnh vực năng lượng mặt trời, đang trong giai đoạn đầu tư nên chưa có doanh thu.

(***) Công ty hiện đang hoạt động bình thường trong lĩnh vực tư vấn giám sát.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC năm 2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC năm 2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn cơ khí công nghệ cao Siba (công ty mẹ) và công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nằm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

2. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Công ty mẹ phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Công ty trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm phát sinh nghiệp vụ mua.

3. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Tỷ giá khi góp vốn hoặc nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Doanh nghiệp và người mua là đơn vị độc lập với Doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chi bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính (hoặc yếu tố chi phí khác cho phù hợp).

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được Tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá Tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi Tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại Tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	08 – 35
Máy móc thiết bị	05 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 – 05

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

9. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<u>Loại tài sản cố định thuê tài chính</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc thiết bị	05
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Doanh nghiệp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Doanh nghiệp bao gồm các chi phí sau:

Tiền thuê đất khu Công nghiệp

Tiền thuê đất khu Công nghiệp phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian 50 năm.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước khác phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

13. Vay và nợ phải trả thuế tài chính

Công ty phải theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuế tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuế tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Đối với khoản nợ thuế tài chính, tổng số nợ thuế phản ánh vào bên Có của tài khoản 341 là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuế tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuế.

Các khoản vay, nợ bằng ngoại tệ phải quy đổi ra đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh;

- Khi trả nợ, vay bằng ngoại tệ, bên Nợ tài khoản 341 được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ kế toán thực tế đích danh cho từng đối tượng;

- Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay, nợ thuế tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

- Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay, nợ thuế tài chính bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

14. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận chưa phân phối

Ghi nhận kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

Các quỹ khác

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn hàng năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

17. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

19. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

20. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Công ty Cổ phần Tập đoàn cơ khí công nghệ cao Siba (công ty mẹ) có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Dự án đầu tư Nhà máy Cơ khí công nghiệp hỗ trợ Công nghệ cao VMECO của Công ty được áp dụng thuế suất 17% trong thời hạn 10 năm (từ năm 2022 đến năm 2031), miễn thuế 02 năm (từ năm 2022 đến năm 2023) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 04 năm tiếp theo áp dụng cho Dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn theo Hướng dẫn của Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 và Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính.

Công Ty TNHH MTV Năng Lượng Sạch VMECO Bạc Liêu và Công Ty TNHH MTV Năng Lượng Sạch VMECO Đồng Tháp (công ty con) được Miễn thuế bốn năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong chín năm tiếp và Thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn mười lăm năm (15 năm) kể từ năm 2020 đối với thu nhập từ đầu tư dự án điện mặt trời. Các hoạt động khác Công ty nộp thuế TNDN với thuế suất 20%.

21. Công cụ tài chính

I. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phải sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phải sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phải sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phải sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phải sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dùng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

ii. Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phải sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phải sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

iii. Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng từ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	11.475.433.435	9.588.639.080
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	32.062.256.061	71.849.793.227
Cộng	<u>43.537.689.496</u>	<u>81.438.432.307</u>

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>21.201.326.246</i>	<i>13.334.356.825</i>
Công Ty TNHH Đầu Tư Trang Trại Xanh 1	-	9.475.479.286
Công ty TNHH Chăn Nuôi Bảo Ngọc	464.250.000	
Công ty TNHH Đầu tư Trang trại xanh 2	4.940.806.607	3.858.877.539
Công Ty Cổ Phần Chăn Nuôi Công Nghệ Cao Hải Đăng Tây Ninh	15.796.269.639	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>446.308.992.839</i>	<i>1.237.333.039.212</i>
Công ty TNHH Đầu Tư và Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Tân Thành Nam	-	185.972.386.450
Công ty Cổ phần Đầu Tư Sản Xuất Và Kinh Doanh Thực Phẩm Hà Nội	-	308.366.546.580
Công ty Cổ phần XNK Cao Thăng	2.877.439.687	162.231.116.204
Công ty Cổ phần Sản Xuất, Thương Mại Và Dịch Vụ Tân Mai	95.336.209.800	313.160.032.033
Công Ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Nông Sản Thực Phẩm Thành Đô	-	162.515.899.318
Công ty Cổ Phần Thăng Hoa	139.260.072.000	-
Công ty CP CBOT Việt Nam	200.361.787.100	-
Các khách hàng khác	8.473.484.252	105.087.058.627
Cộng	<u>467.510.319.085</u>	<u>1.250.667.396.037</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-		376.650	
Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Long	-		376.650	
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	64.610.307.205		27.459.990.821	
Công ty TNHH Nhà Thép Trí Việt	7.432.126.047		-	
Công ty TNHH Khai thác Nước Ngầm Tây Ninh	-		3.801.600.000	
Savagnini Italia S.P.A	37.561.571.500		2.448.868.500	
Công ty Cổ phần Kết cấu thép Đại Dĩnh Miền Trung	-		6.944.815.000	
Công ty TNHH Antaco Bình Dương	-		2.441.275.200	
Các nhà cung cấp khác	19.616.609.658		11.823.432.121	
Cộng	64.610.307.205		27.460.367.471	

4. Các khoản phải thu khác**a) Ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	84.442.667.983		24.712.241.184	
Ký cược, ký quỹ (*)	84.107.000.000	-	24.388.658.443	-
Tạm ứng	264.689.999	-	233.736.403	-
Công ty Cho Thuê Tài Chính TNHH MTV Quốc Tế Chailease	50.799.880	-	63.499.852	-
Lãi tiền gửi ký quỹ	-	-	1.410.411	-
Phải thu khác	20.178.104	-	24.936.075	-
Cộng	84.442.667.983		24.712.241.184	

(*) Là khoản cầm cố, ký quỹ bằng tiền gửi ngân hàng để đảm bảo thực hiện hợp đồng các công trình xây lắp cho các khách hàng như sau:

- + Các số tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn-Hà Nội có số dư là: 401.000.000 VND.
- + Các số tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam có số dư là: 2.000.000.000 VND.
- + Các số tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Phát triển TP.HCM có số dư là: 8.036.000.000 VND.
- + Các số tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam có số dư là: 73.585.000.000 VND.
- + Các khoản cầm cố, ký quỹ cho đối tượng khác: 85.000.000 VND.

b) Dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	735.494.795		107.156.000	
Cầm cố, ký quỹ	735.494.795	-	107.156.000	-
Cộng	735.494.795		107.156.000	

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**5. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	123.143.159.542	-	81.688.449.408	-
Công cụ, dụng cụ	10.902.618.947	-	5.522.693.214	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	103.085.912.230	-	98.873.400.679	-
Thành phẩm	604.819.432	-	121.368.796	-
Hàng hóa	6.182.955.239	-	237.701.034.422	-
Cộng	243.919.465.390	-	423.906.946.519	-

6. Chi phí trả trước**a) Ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	288.500.525	839.889.713
Chi phí bảo hiểm	72.027.909	123.817.247
Chi phí thuê cơ sở hạ tầng, sửa chữa showroom	-	242.933.258
Chi phí phần mềm, thuê máy chủ	207.109.080	36.473.331
Chi phí thuê văn phòng	10.540.000	-
Chi phí khác	87.619.242	35.546.348
Cộng	665.796.756	1.278.659.897

b) Dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền thuê đất	2.171.489.846	2.220.196.163
Công cụ dụng cụ	765.022.572	293.671.863
Chi phí thi công văn phòng	1.348.488.090	36.678.425
Chi phí trả trước dài hạn Nhà máy Bạc Liêu	1.793.033.603	3.412.196.100
Các chi phí trả trước dài hạn khác	69.013.084	49.571.004
Cộng	6.147.047.195	6.012.313.555

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢO CAO TẠI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	55.716.664.542	135.764.623.604	5.526.477.091	128.366.364	197.136.131.601
Mua trong năm	-	-	560.293.789	61.800.000	622.093.789
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	2.505.600.000	-	-	2.505.600.000
Số cuối năm	55.716.664.542	138.270.223.604	6.086.770.880	190.166.364	200.263.825.390
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-	63.636.364	63.636.364
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	1.471.100.239	6.824.189.662	1.023.046.609	98.921.337	9.417.257.847
Khấu hao trong năm	2.228.617.104	9.135.274.941	636.851.940	25.295.836	12.026.039.821
Số cuối năm	3.699.717.343	15.959.464.603	1.659.898.549	124.217.173	21.443.297.668
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	54.245.564.303	128.940.433.942	4.503.430.482	29.445.027	187.718.873.754
Số cuối năm	52.016.947.199	122.310.759.001	4.426.872.331	65.949.191	178.820.527.722

Tài sản cố định hữu hình có nguyên giá 193.608.490.262 VND và giá trị còn lại 174.143.234.997 VND được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hàn Thuyên.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**8. Tài sản cố định thuê tài chính**

	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	432.000.000	579.925.185	1.011.925.185
Thuê tài chính trong năm	-	-	-
Số cuối năm	432.000.000	579.925.185	1.011.925.185
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	-	-
Khấu hao trong năm	86.400.000	115.985.037	202.385.037
Số cuối năm	86.400.000	115.985.037	202.385.037
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	432.000.000	579.925.185	1.011.925.185
Số cuối năm	345.600.000	463.940.148	809.540.148

9. Tài sản cố định vô hình

Là chương trình phần mềm:

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Hao mòn lũy kế</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu năm	-	-	-
Tăng trong năm	11.674.742.000	(583.737.100)	11.091.004.900
Số cuối năm	11.674.742.000	(583.737.100)	11.091.004.900

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển vào Chi phí trả trước	Số cuối năm
Xây dựng cơ bản dở dang	63.213.993.444	15.853.502.758	(14.180.342.000)	(2.010.390.800)	62.876.763.402
Công trình "Nhà máy cơ khí công nghiệp hỗ trợ công nghệ cao"	2.505.600.000	-	(2.505.600.000)	-	-
Hệ thống phần mềm quản lý SAP	8.292.219.080	5.392.913.720	(11.674.742.000)	(2.010.390.800)	-
Công trình: "Nhà máy Cơ khí Công nghệ cao SIBA Bà Rịa Vũng Tàu" (1)	38.527.285.476	10.460.589.038	-	-	48.987.874.514
Công trình: "Nhà máy Cơ khí Công nghệ cao SIBA Nghệ An" (2)	13.888.888.888	-	-	-	13.888.888.888
Cộng	63.213.993.444	15.853.502.758	(14.180.342.000)	(2.010.390.800)	62.876.763.402

(1) Là chi phí xây dựng dự án "Nhà máy Cơ khí Công nghệ cao SIBA Bà Rịa Vũng Tàu" theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 8353128311 ngày 01/03/2022 của Ban quản lý các khu công nghệ Bà Rịa-Vũng Tàu. Hiện dự án đang trong giai đoạn xây dựng.

(2) Là chi phí xây dựng dự án "Nhà máy Cơ khí Công nghệ cao SIBA Nghệ An" theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 3808008450 ngày 04/01/2023 của Ban quản lý Khu kinh tế Đông Nam tỉnh Nghệ An. Dự án hiện đang ở bước thực hiện các thủ tục đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**11. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ Phần Nông Sản MOGB Quốc Tế	-	279.336.773.000
Công ty Cổ Phần Nông Sản Sông Lam	186.013.989.100	222.798.634.020
Công ty Cổ Phần Nông Nghiệp Kiến Nông	122.786.193.200	683.537.011.450
Công ty Cổ Phần Nông Sản BIVC Quốc Tế	48.860.663.750	154.563.784.100
Các nhà cung cấp khác	151.991.120.330	122.568.928.458
Cộng	<u>509.651.966.380</u>	<u>1.462.805.131.028</u>

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	<i>61.853.987.483</i>	<i>72.684.502.270</i>
Công ty TNHH Anh Vũ Phú Yên	6.171.408.223	654.500.000
Công ty TNHH Đầu tư Trang trại Xanh I	1.327.916.146	-
Công ty TNHH Sản xuất thương mại dịch vụ Bắc An Khánh	11.923.454.335	18.500.000.000
Công ty TNHH Chăn Nuôi Bảo Ngọc	-	204.270.000
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Công nghệ cao Hải Đăng Tây Ninh	-	28.918.163.469
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Đồng An Khánh	485.335.818	9.794.076.975
Công ty TNHH Chăn nuôi Nam An Khánh	885.366.240	14.204.951.826
Công ty Cổ phần Nông Nghiệp BAF Việt Nam	15.557.501.482	408.540.000
Công ty TNHH SX TM DV Chăn Nuôi Minh Thành	140.878.754	-
Công ty TNHH sản xuất thương mại dịch vụ Tâm Hưng	7.821.921.349	-
Công Ty TNHH Chăn Nuôi Công Nghệ Cao Sông Hình	922.727.273	-
Công Ty TNHH Đầu Tư Nông Nghiệp Tân Châu	5.183.434.249	-
Công Ty Cổ Phần Thức Ăn Chăn Nuôi BAF Tây Ninh	11.434.043.614	-
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	<i>31.247.250.000</i>	<i>6.398.579.048</i>
Công ty Cổ phần CBOT Việt Nam	-	5.500.000.000
Công Ty Cổ Phần Chăn Nuôi Greentech	24.640.000.000	-
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Chăn Nuôi Cư Jút	6.600.000.000	-
Các khách hàng khác	7.250.000	898.579.048
Cộng	<u>93.101.237.483</u>	<u>79.083.081.318</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	2.840.000	-	304.863.126	(241.624.338)	66.078.788	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	187.026.093	(187.026.093)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	142.585.094	(142.585.094)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.889.437.551	6.963.197	7.620.863.891	(6.954.640.193)	2.548.698.052	-
Thuế thu nhập cá nhân	24.646.646	-	575.491.234	(509.819.928)	90.317.952	-
Các loại thuế khác	-	-	18.887.008	(18.887.008)	-	-
Cộng	1.916.924.197	6.963.197	8.849.716.446	(8.054.582.654)	2.705.094.792	-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất theo từng loại hình như sau:

Nông sản, khung chuồng heo

Không chịu thuế

Các dịch vụ, hàng hóa khác

10%; 8%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty Cổ phần Tập đoàn cơ khí công nghệ cao Siba (công ty mẹ) có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Dự án đầu tư Nhà máy Cơ khí công nghiệp hỗ trợ Công nghệ cao VMECO của Công ty được áp dụng thuế suất 17% trong thời hạn 10 năm (từ năm 2022 đến năm 2031), miễn thuế 02 năm (từ năm 2022 đến năm 2023) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 04 năm tiếp theo áp dụng cho Dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn theo Hướng dẫn của Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 và Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính.

Công Ty TNHH MTV Năng Lượng Sạch VMECO Bạc Liêu và Công Ty TNHH MTV Năng Lượng Sạch VMECO Đồng Tháp (công ty con) được Miễn thuế bốn năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong chín năm tiếp và Thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn mười lăm năm (15 năm) kể từ năm 2020 đối với thu nhập từ đầu tư dự án điện mặt trời. Các hoạt động khác Công ty nộp thuế TNDN với thuế suất 20%. Theo Nghị định số 92/2021/NĐ-CP, Công Ty TNHH MTV Năng Lượng Sạch VMECO Bạc Liêu và Công Ty TNHH MTV Năng Lượng Sạch VMECO Đồng Tháp (công ty con) được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2021 đối với trường hợp doanh nghiệp có doanh thu trong kỳ tính thuế năm 2021 không quá 200 tỷ đồng đối với doanh nghiệp mới thành lập trong kỳ tính thuế năm 2020 và 2021.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**14. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả lãi vay	1.469.014.210	1.531.559.528
Tiền thuê đất	9.374.760.850	-
Chi phí phải trả các công trình	16.676.092.490	6.803.066.346
<i>Công ty SX TM XD Phúc Huệ</i>	<i>3.075.764.134</i>	<i>5.896.264.230</i>
<i>CNVT-CT Thép Nhân Luât MN</i>	-	<i>591.274.792</i>
<i>Công ty Minh Hòa Thành</i>	-	<i>148.726.760</i>
<i>Kunlong International</i>	<i>8.697.864.230</i>	-
<i>Các đối tượng khác</i>	<i>4.902.464.126</i>	<i>166.800.564</i>
Cộng	<u>27.519.867.550</u>	<u>8.334.625.874</u>

15. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản thừa chờ giải quyết	15.056.928	-
Kinh phí công đoàn	133.135.873	-
Bảo hiểm xã hội	312.821.870	562.061.514
Bảo hiểm y tế	55.052.205	82.027.890
Bảo hiểm thất nghiệp	23.894.730	42.773.835
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	3.013.985	-
Cộng	<u>542.975.591</u>	<u>686.863.239</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

16. Vay và nợ thuê tài chính**a) Ngân hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>				
Vay ngắn hạn ngân hàng	67.529.371.838	67.529.371.838	66.823.841.456	66.823.841.456
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	46.385.277.838	46.385.277.838	45.679.747.456	45.679.747.456
Ngân hàng TMCP Phát triển T.P Hồ Chí Minh (1)	-	-	45.679.747.456	45.679.747.456
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (2)	5.980.191.588	5.980.191.588	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	40.405.086.250	40.405.086.250	-	-
Ngân Hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hàn Thuận	21.144.094.000	21.144.094.000	21.144.094.000	21.144.094.000
Ngân Hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hàn Thuận -	20.255.304.000	20.255.304.000	20.255.304.000	20.255.304.000
Khoản vay của Công ty TNHH MTV Năng lượng sạch Vmecco				
Bạc Liêu	888.790.000	888.790.000	888.790.000	888.790.000
Cộng	67.529.371.838	67.529.371.838	66.823.841.456	66.823.841.456

(1) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Phát Triển Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng hạn mức số 24894/23MN/HDTĐ ngày 27/09/2023. Hạn mức cho vay là 100.000.000.000 VND với mục đích bổ sung vốn lưu động. Thời hạn của các khế ước nhận nợ trong năm là 3 tháng với lãi suất 9%/năm. Tài sản đảm bảo của các khoản vay là Quyền đòi nợ phát sinh từ các Hợp đồng cung cấp lắp đặt máy tách phân số giữa SIBA và các khách hàng.

(2) Khoản vay ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 2271/6965706/HDTĐ ngày 03 tháng 11 năm 2023. Hạn mức cho vay là 100.000.000.000 VND, thời hạn 12 tháng. Mục đích sử dụng vốn lưu động. Tài sản thế chấp là Hàng tồn kho, hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh theo Hợp đồng thế chấp ngày 03/11/2023. Giá trị của tài sản thế chấp được ngân hàng định giá là 100.000.000.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng					
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	45.679.747.456	27.123.746.042	-	(72.803.493.498)	-
Ngân hàng TMCP Phát triển T.P Hồ Chí Minh	-	5.980.191.588	-	-	5.980.191.588
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	-	60.524.491.478	-	(20.119.405.228)	40.405.086.250
Vay dài hạn đến hạn trả					
Ngân Hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hàn Thuyên	20.255.304.000	-	20.255.304.000	(20.255.304.000)	20.255.304.000
Ngân Hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hàn Thuyên - Khoản vay của Công ty TNHH MTV Năng lượng sạch Vmecco Bạc Liêu	888.790.000	-	888.790.000	(888.790.000)	888.790.000
Cộng	66.823.841.456	93.628.429.108	21.144.094.000	(114.066.992.726)	67.529.371.838

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

b) Dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>				
Vay dài hạn ngân hàng	62.115.796.532	62.115.796.532	83.431.340.136	83.431.340.136
Ngân Hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hàn Thủy (1)	61.429.998.136	61.429.998.136	82.574.092.136	82.574.092.136
Ngân Hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hàn Thủy - Khoản vay của Công ty TNHH MTV Năng lượng sạch Vmecobac Liêu (2)	55.875.060.636	55.875.060.636	76.130.364.636	76.130.364.636
Nợ thuê tài chính	5.554.937.500	5.554.937.500	6.443.727.500	6.443.727.500
Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chaitlease	685.798.396	685.798.396	857.248.000	857.248.000
Cộng	62.115.796.532	62.115.796.532	83.431.340.136	83.431.340.136

(1) Là khoản vay của Công ty Cổ phần Tập đoàn Cơ khí Công nghệ cao Siba theo hợp đồng số 0006/2020/HĐTĐTDH-PN/SHB.111500 ngày 12 tháng 02 năm 2020 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hàn Thủy. Số tiền cho vay: 147.000.000.000 VND (Bằng chữ: Một trăm bốn mươi bảy tỷ đồng). Mục đích sử dụng vốn vay: Cho vay, mở L/C nhập khẩu Máy móc thiết bị (MMTB), bảo lãnh phục vụ đầu tư dự án: "Nhà máy cơ khí công nghiệp hỗ trợ công nghệ cao" tại Khu công nghiệp Trà Kha, phường 8, Thành phố Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu. Thời hạn vay: 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất được quy định cụ thể trong từng kế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo gồm:

+ Tài sản bảo đảm 1: Bên thế chấp tự nguyện thế chấp tài sản thuộc sở hữu của mình là: Toàn bộ các công trình xây dựng là tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai thuộc dự án nhà máy cơ khí công nghiệp hỗ trợ công nghệ cao VMECO được xây dựng tại thửa đất số 177; tờ bản đồ số 23 tại Khu Công nghiệp Trà Kha, phường 8, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu. Diện tích lô đất sử dụng: 14.100,91 m² (Bằng chữ: Mười bốn nghìn một trăm bảy chín mét vuông) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CS 002425; do UBND tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 26/06/2019. Giá trị định giá: 60.893.000.000 đồng theo biên bản xác định giá trị bất động sản ngày 12/02/2020.

+ Tài sản bảo đảm 2: Bên thế chấp tự nguyện thế chấp tài sản thuộc sở hữu của mình là toàn bộ hệ thống MMTB đã chuyển sản xuất hình thành trong tương lai thuộc dự án nhà máy cơ khí công nghiệp hỗ trợ công nghệ cao theo hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 0006/2020/HĐTĐTDH-PN/SHB.111500 ngày 14/02/2020. Giá trị tài sản thế chấp là 161.285.484.582 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Công Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(2) Lã khoản vay của Công ty TNHH MTV Năng lượng sạch Vmecol theo Hợp đồng tín dụng trung và dài hạn số 0028/2021/HDTDIDH-PN/SHB.1115000 ngày 05 tháng 02 năm 2021 tại Ngân Hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hà Thủy, số tiền vay là 9.950.000.000 VND, mục đích vay thực hiện dự án "Đầu tư khai thác điện mặt trời mái nhà VMECO Bạc Liêu 1" tại khu công nghiệp Trà Kha, phường 8, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu, thời hạn vay 120 tháng kể từ ngày giải ngân vốn đầu tiên, lãi suất quy định cụ thể trong từng khế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo bao gồm:

+ Tài sản đảm bảo 1: Toàn bộ hệ thống máy móc thiết bị thuộc dự án "Đầu tư khai thác điện mặt trời mái nhà VMECO Bạc Liêu 1" tại khu công nghiệp Trà Kha, phường 8, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu theo hợp đồng kinh tế số 0709/2020/HĐ-VMECO-NSL VBL ký ngày 07 tháng 09 năm 2020, phụ lục hợp đồng số 03 ký ngày 17 tháng 12 năm 2020 giữa Công ty TNHH Năng lượng sạch VMECO Bạc Liêu và Công ty Cổ phần cơ khí môi trường Việt Nam (nay đổi tên thành Công ty Cổ phần tập đoàn cơ khí công nghệ cao Siba), hóa đơn giá trị gia tăng ký hiệu VN/19P, số 0000174 ngày 14 tháng 01 năm 2021. Giá trị tài sản đảm bảo là 13.919.000.000 VND.

+ Tài sản đảm bảo 2: Quyền đòi nợ phát sinh từ Hợp đồng mua bán điện cho hệ thống điện mặt trời trên mái nhà số 20000855/HDMTAM-2020 ký ngày 29 tháng 12 năm 2020 giữa Công ty TNHH Năng lượng sạch VMECO Bạc Liêu và Tổng công ty điện lực Miền Nam TNHH.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

Vay dài hạn ngân hàng	Số tiền vay		Kết chuyển		
	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	sang vay và nợ ngân hàng	Số cuối năm
Ngân Hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hà Thủy - Khoản vay của Công ty Cổ phần Tập đoàn Cơ Khí Công nghệ cao Siba	76.130.364.636	-	-	(20.255.304.000)	55.875.060.636
Ngân Hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hà Thủy - Khoản vay của Công ty TNHH MTV Năng lượng sạch Vmecol Bạc Liêu	6.443.727.500	-	-	(888.790.000)	5.554.937.500
Nợ thuê tài chính					
Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chaitcase	857.248.000	-	(171.449.604)	-	685.798.396
Cộng	83.431.340.136	-	(171.449.604)	(21.144.094.000)	62.115.796.532

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**17. Vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích Cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số đầu năm trước	150.000.000.000	30.000.000.000	18.876.783.193	-	198.876.783.193
Tăng trong năm do hợp nhất	-	-	-	12.000.000.000	12.000.000.000
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền	100.000.000.000	49.824.500.000	-	-	149.824.500.000
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	37.410.677.413	203.712.154	37.614.389.567
Số dư cuối năm trước	250.000.000.000	79.824.500.000	56.287.460.606	12.203.712.154	398.315.672.760
Số dư đầu năm nay	250.000.000.000	79.824.500.000	56.287.460.606	12.203.712.154	398.315.672.760
Lợi nhuận trong năm	-	-	32.275.914.274	268.010.016	32.543.924.290
Số dư cuối năm	250.000.000.000	79.824.500.000	88.563.374.880	12.471.722.170	430.859.597.050

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu tại ngày 31/12/2023

	Số cuối năm	Tỷ lệ	Số đầu năm	Tỷ lệ
Công ty Cổ phần Siba Holdings	139.000.000.000	55,60%	139.000.000.000	55,60%
Ông Nguyễn Văn Đức	15.150.000.000	6,06%	44.250.000.000	17,70%
Bà Phan Hồng Vân	7.600.000.000	3,04%	22.600.000.000	9,04%
Các đối tượng khác	88.250.000.000	35,30%	44.150.000.000	17,66%
Cộng	250.000.000.000	100%	250.000.000.000	100%

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	25.000.000	25.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	25.000.000	25.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	25.000.000	25.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	25.000.000	25.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	25.000.000	25.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	3.078.950.220.300	3.607.760.790.610
Doanh thu cung cấp dịch vụ	581.864.040.827	401.547.593.109
Doanh thu bán điện	1.356.298.600	1.449.733.600
Cộng	<u>3.662.170.559.727</u>	<u>4.010.758.117.319</u>

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Long	-	611.959.773
Công ty Cổ phần Nông Nghiệp BAF Việt Nam	2.451.643.046	724.553.020
Chi Nhánh Công ty CP Nông Nghiệp BAF Việt Nam Tại Nghệ An	1.025.901.000	-
Công Ty TNHH Đầu Tư Trang Trại Xanh 1	1.348.013.103	42.382.028.501
Công ty TNHH Đầu tư Trang trại xanh 2	121.175.078.694	30.555.483.387
Công Ty TNHH Anh Vũ Phú Yên	2.472.840.000	1.952.792.400
Công ty TNHH Sản xuất thương mại dịch vụ Bắc An Khánh	94.360.944.041	-
Công ty TNHH Chăn Nuôi Bảo Ngọc	619.000.000	-
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Công nghệ cao Hải Đăng Tây Ninh	137.524.482.941	-
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Đông An Khánh	108.049.536.860	78.219.924.536
Công ty TNHH Chăn nuôi Nam An Khánh	39.001.799.883	30.137.148.561
Công Ty Cổ Phần Thức Ăn Chăn Nuôi BAF Tây Ninh	2.042.974.664	1.542.426.320
Công ty TNHH SX TM DV Chăn Nuôi Minh Thành	37.400.000	27.495.000
Công ty TNHH sản xuất Thương mại dịch vụ Tâm Hưng	545.454.546	-
Công ty TNHH Đầu tư nông nghiệp Tân Châu	545.454.546	-
Cộng	<u>511.200.523.324</u>	<u>186.153.811.498</u>

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	3.069.119.647.266	3.603.453.590.571
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	499.812.633.527	325.268.498.293
Giá vốn bán điện	438.862.302	438.862.302
Cộng	<u>3.569.371.143.095</u>	<u>3.929.160.951.166</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi, ký quỹ	903.498.181	487.039.654
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	41.824.311	3.943.697.019
Doanh thu tài chính khác	347.750	-
Cộng	<u>945.670.242</u>	<u>4.430.736.673</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	16.488.562.106	15.677.018.970
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	138.700.943	440.866.598
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	104.224.196	-
Chi phí tài chính khác	-	22.000
Cộng	<u>16.731.487.245</u>	<u>16.117.907.568</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	10.935.115.872	9.931.953.758
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	113.931.677	38.869.864
Chi phí dịch vụ mua ngoài	932.857.269	3.046.329.793
Các chi phí khác	659.743.907	1.251.662.670
Cộng	<u>12.641.648.725</u>	<u>14.268.816.085</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	12.033.847.954	8.733.016.462
Chi phí đồ dùng văn phòng	420.223.787	876.523.931
Chi phí khấu hao tài sản cố định	936.671.805	358.018.032
Thuế, phí và lệ phí	1.362.622.656	840.705.937
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.549.574.570	3.579.787.822
Các chi phí khác	1.900.290.031	1.381.619.540
Cộng	<u>24.203.230.803</u>	<u>15.769.671.724</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Hàng tồn kho thiếu sau kiểm kê	-	125.245.343
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	121.257.877	-
Xử lý công nợ	14.767.731	40.619.150
Thu nhập khác	57.120.446	21.103.412
Cộng	<u>193.146.054</u>	<u>186.967.905</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**8. Chi phí khác**

	Năm nay	Năm trước
Thuế bị phạt, bị truy thu, chậm nộp	21.714.354	167.729.387
Hàng tồn kho thiếu sau kiểm kê	2.820.959	253.774.849
Xử lý công nợ	120.021.535	2.075.621
Chi phí khác	3.555.588	56.334
Cộng	148.112.436	423.636.191

9. Chi phí thuế TNDN hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	40.213.753.719	39.634.839.163
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	972.423.798	607.509.396
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.217.251.488	852.337.086
<i>Chi phí phạt vi phạm hành chính, thuế, chậm nộp</i>	<i>20.783.939</i>	<i>167.729.387</i>
<i>Chi phí không hợp lệ</i>	<i>1.076.446.014</i>	<i>684.607.699</i>
<i>Xử lý công nợ</i>	<i>120.021.535</i>	<i>-</i>
- Các khoản điều chỉnh giảm	244.827.690	244.827.690
<i>Lãi do hợp nhất</i>	<i>244.827.690</i>	<i>244.827.690</i>
Thu nhập chịu thuế	41.186.177.517	40.242.348.559
<i>Thu nhập chịu thuế của hoạt động chịu thuế suất 17%</i>	<i>3.421.916.005</i>	<i>30.803.936.476</i>
<i>Thu nhập chịu thuế của hoạt động chịu thuế suất 20%</i>	<i>38.034.180.271</i>	<i>9.447.187.755</i>
<i>Thu nhập miễn thuế</i>	<i>(269.918.759)</i>	<i>8.775.672</i>
Thu nhập tính thuế	41.456.096.276	40.251.124.231
Thu nhập tính thuế của hoạt động chịu thuế suất 17%	3.421.916.005	30.803.936.476
Thu nhập tính thuế của hoạt động chịu thuế suất 20%	38.034.180.271	9.447.187.755
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</i>	<i>8.188.561.775</i>	<i>7.126.106.752</i>
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm</i>	<i>(581.725.721)</i>	<i>(5.236.669.201)</i>
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</i>	<i>7.606.836.054</i>	<i>1.889.437.551</i>
<i>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</i>	<i>14.027.837</i>	<i>82.046.507</i>
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	7.620.863.891	1.971.484.058

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:*

	Chức danh	Năm nay	Năm trước
Ông Nguyễn Văn Phú	Chủ tịch HĐQT	60.000.000	-
Ông Trần Ngọc Long	Thành viên HĐQT	60.000.000	-
Ông Phan Hồng Văn	Thành viên HĐQT	60.000.000	-
Ông Nguyễn Văn Đức	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	611.796.001	276.231.539
Ông Phan Lê Hoàng Trung	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	349.628.043	146.242.840
Bà Hà Thị Ngọc Sơn	Kế toán trưởng (Đã miễn nhiệm)	-	149.193.733
Bà Nguyễn Thị Thảo	Kế toán trưởng	206.252.882	-
Bà Lê Thị Xuân Đức	Trưởng ban kiểm soát	328.487.076	149.410.733
Ông Đào Đức Tuấn	Thành viên BKS	30.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Lệ Thương	Thành viên BKS	30.000.000	-
Cộng		1.736.164.002	721.078.845

b. Giao dịch với bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Doanh nghiệp gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần SIBA HOLDINGS	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Long	Ông Trương Sỹ Bá là Chủ tịch HĐQT của Công ty Cổ phần Siba Holdings đồng thời là Chủ tịch HĐQT của Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Long
Công ty Cổ phần Nông Nghiệp BAF Việt Nam	Công ty cùng Tập đoàn
Công Ty TNHH Đầu Tư Trang Trại Xanh 1	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Đầu tư Trang trại xanh 2	Công ty cùng Tập đoàn
Công Ty TNHH Anh Vũ Phú Yên	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Sản xuất thương mại dịch vụ Bắc An Khánh	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Chăn Nuôi Bảo Ngọc	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Công nghệ cao Hải Đăng Tây Ninh	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Đông An Khánh	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Chăn nuôi Nam An Khánh	Công ty cùng Tập đoàn
Công Ty Cổ Phần Thức Ăn Chăn Nuôi BAF Tây Ninh	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH SX TM DV Chăn Nuôi Minh Thành	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH sản xuất Thương mại dịch vụ Tâm Hưng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Đầu tư nông nghiệp Tân Châu	Công ty cùng Tập đoàn

Các giao dịch phát sinh giữa công ty với các bên liên quan khác trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công Ty TNHH Đầu Tư Trang Trại Xanh 1		

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu tiền bán hàng hóa, dịch vụ	12.259.249.584	44.999.134.093
Phải thu tiền bán hàng hóa, dịch vụ	1.455.854.152	28.178.194.833
Công ty TNHH Đầu tư Trang trại xanh 2		
Phải thu về bán hàng hóa, dịch vụ	131.593.672.444	33.174.672.439
Thu tiền bán hàng hóa, dịch vụ	130.511.743.376	29.315.794.900
Công Ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Dịch Vụ Bắc An Khánh		
Phải thu về bán hàng hóa, dịch vụ	103.474.496.063	-
Thu tiền bán hàng hóa, dịch vụ	96.897.950.398	-
Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Dịch Vụ Đông An Khánh		
Phải thu về bán hàng hóa, dịch vụ	117.652.347.107	82.426.994.553
Thu tiền bán hàng hóa, dịch vụ	108.343.605.950	92.221.071.528
Chi Nhánh Công ty CP Nông Nghiệp BAF Việt Nam Tại Nghệ An		
Phải thu về bán hàng hóa, dịch vụ	1.128.491.100	-
Thu tiền bán hàng hóa, dịch vụ	1.128.491.100	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Long		
Phải trả về mua hàng hóa	1.146.627.760.650	535.666.788.750
Trả tiền mua hàng hóa	1.146.627.384.000	596.252.183.200
Phải thu về bán hàng hóa, dịch vụ	-	673.155.750
Thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	403.893.450
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Công nghệ cao Hải Đăng Tây Ninh		
Phải thu về bán hàng hóa, dịch vụ	149.640.230.842	-
Thu tiền bán hàng hóa, dịch vụ	104.925.797.734	28.918.163.469
Công ty TNHH Chăn nuôi Nam An Khánh		
Phải thu về bán hàng hóa, dịch vụ	41.252.000.599	31.288.022.802
Thu tiền bán hàng hóa, dịch vụ	27.932.415.013	45.492.974.628
Công Ty Cổ Phần Thức Ăn Chăn Nuôi BAF Tây Ninh		
Phải thu về bán hàng hóa, dịch vụ	2.206.412.637	1.696.668.952
Thu tiền bán hàng hóa, dịch vụ	13.640.456.251	1.696.668.952
Công ty TNHH sản xuất Thương mại dịch vụ Tâm Hưng		
Phải thu về bán hàng hóa, dịch vụ	589.090.910	-
Thu tiền bán hàng hóa, dịch vụ	8.411.012.259	-
Công ty TNHH Đầu tư nông nghiệp Tân Châu		
Phải thu về bán hàng hóa, dịch vụ	589.090.910	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu tiền bán hàng hóa, dịch vụ	5.772.525.159	-
Công ty Cổ phần Siba Holdings		
Góp vốn	-	83.400.000.000
Công ty Cổ phần Nông Nghiệp BAF Việt Nam		
Phải thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.644.282.610	797.008.322
Thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	17.793.244.092	1.186.458.442
Công Ty TNHH Anh Vũ Phú Yên		
Phải thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.698.896.100	2.117.636.596
Thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	8.215.804.323	8.078.207.726
Công ty TNHH SX TM DV Chăn Nuôi Minh Thành		
Phải thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	41.140.000	30.244.500
Thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	182.018.754	30.244.500
Công ty TNHH Chăn Nuôi Bảo Ngọc		
Phải thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	668.520.000	-
Công ty TNHH chăn nuôi công nghệ cao Sông Hinh		
Phải thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	-
Thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	922.727.273	-

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thị trường. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thị trường.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại thuyết minh V.2; V.3; V.12.

2. Thông tin bộ phận**A, Thông tin về lĩnh vực kinh doanh****Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:**

- + Lĩnh vực thương mại;
- + Lĩnh vực cơ khí;
- + Lĩnh vực kinh doanh điện.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
BẢO CAO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Năm nay	Lĩnh vực thương mại		Lĩnh vực cơ khí		Lĩnh vực kinh doanh điện		Cộng
	Lĩnh vực thương mại	Lĩnh vực cơ khí	Lĩnh vực cơ khí	Lĩnh vực kinh doanh điện	Các khoản loại trừ	Cộng	
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	3.078.950.220.300	581.864.040.827	-	1.356.298.600	-	3.662.170.559.727	
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	339.371.818	537.373.930	-	(876.745.748)	-	
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.078.950.220.300	582.203.412.645	1.893.672.530	(876.745.748)	(876.745.748)	3.662.170.559.727	
Chi phí bộ phận	3.069.119.647.266	500.389.379.275	683.689.992	3.569.371.143.095	(821.573.438)	3.569.371.143.095	
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	9.830.573.034	81.814.033.370	1.209.982.538	92.799.416.632	(55.172.310)	36.844.879.528	
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	55.954.537.104	-	55.954.537.104	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	945.670.242	-	945.670.242	
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	16.731.487.245	-	16.731.487.245	
Chi phí tài chính	-	-	-	193.146.054	-	193.146.054	
Thu nhập khác	-	-	-	148.112.436	-	148.112.436	
Chi phí khác	-	-	-	7.620.863.891	-	7.620.863.891	
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp liên hành	-	-	-	48.965.538	-	48.965.538	
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	-	-	-	
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-	16.614.852.729	-	16.614.852.729	-	16.614.852.729	
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác phân bổ cho hoạt động	-	-	-	-	-	-	
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	-	14.564.587.096	-	(244.827.690)	(244.827.690)	14.319.759.406	



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực thương mại	Lĩnh vực cơ khí	Lĩnh vực kinh doanh điện	Các khoản loại trừ	Cộng
Số cuối năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	441.141.024.139	666.603.512.706	50.129.280	(183.635.451.978)	924.159.214.147
Tài sản phân bổ cho bộ phận					273.131.695.731
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					1.197.290.909.878
Tổng tài sản					
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	357.660.846.050	261.970.041.212	361.390.503	(92.297.634.473)	527.694.643.292
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận					238.736.851.839
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					766.431.495.131
Tổng nợ phải trả					
Số đầu năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	1.469.120.899.521	501.567.784.940	7.913.212.795		1.978.601.897.256
Tài sản phân bổ cho bộ phận					-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					126.724.618.756
Tổng tài sản					2.105.326.516.012
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	1.346.236.202.570	203.986.635.650	-		1.550.222.838.220
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận					-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					156.788.005.032
Tổng nợ phải trả					1.707.010.843.252

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**B. Thông tin về khu vực địa lý**

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

4. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Vay và nợ	67.529.371.838	62.115.796.532	-	129.645.168.370
Phải trả người bán	509.651.966.380	-	-	509.651.966.380
Các khoản phải trả khác	31.327.845.803	-	-	31.327.845.803
Cộng	608.509.184.021	62.115.796.532	-	670.624.980.553
Số đầu năm				
Vay và nợ	66.823.841.456	83.431.340.136	-	150.255.181.592
Phải trả người bán	1.462.805.131.028	-	-	1.462.805.131.028
Các khoản phải trả khác	12.263.661.878	-	-	12.263.661.878
Cộng	1.541.892.634.362	83.431.340.136	-	1.625.323.974.498

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	43.537.689.496	81.438.432.307	43.537.689.496	81.438.432.307
Phải thu khách hàng	467.510.319.085	1.250.667.396.037	467.510.319.085	1.250.667.396.037
Các khoản phải thu khác	85.178.162.778	24.819.397.184	85.178.162.778	24.819.397.184
Cộng	596.226.171.359	1.356.925.225.528	596.226.171.359	1.356.925.225.528
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	129.645.168.370	150.255.181.592	129.645.168.370	150.255.181.592
Phải trả người bán	509.651.966.380	1.462.805.131.028	509.651.966.380	1.462.805.131.028
Các khoản phải trả khác	31.327.845.803	12.950.525.117	31.327.845.803	12.950.525.117
Cộng	670.624.980.553	1.626.010.837.737	670.624.980.553	1.626.010.837.737

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giá định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu và cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

6. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

7. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh đầu năm được lấy theo Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt.

Lập ngày 25 tháng 03 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Võ Thị Cẩm Tú

Trần Thị Thu Thảo

Nguyễn Văn Đức

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA
99A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh



SIBA GROUP

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ II NĂM 2024

TP. Hồ Chí Minh, Tháng 07 năm 2024.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ II.2024**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 06 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.216.415.215.095	926.670.571.520
I. Tiền và các khoản tương đương	110	V.1	54.955.569.809	35.902.377.227
1. Tiền	111		54.955.569.809	35.902.377.227
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
1. Chứng khoán kinh doanh	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122			
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		818.205.129.549	616.838.873.678
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	635.880.426.936	467.842.137.267
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	79.662.502.919	64.564.068.428
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135			
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	103.225.808.438	84.432.667.983
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(563.608.744)	
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
IV. Hàng tồn kho	140	V.5	303.652.452.786	242.908.871.370
1. Hàng tồn kho	141		303.652.452.786	242.908.871.370
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		39.602.062.951	31.020.449.245
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6a	1.774.812.995	658.016.334
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		37.827.249.956	30.362.432.891
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153			
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	155			
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		265.658.999.807	341.006.027.669
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		695.494.795	735.494.795
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ II.2024

2. Trả trước cho người bán dài hạn	212			
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214			
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215			
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	695.494.795	735.494.795
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
II. Tài sản cố định	220		176.733.180.456	183.246.722.277
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	165.517.565.027	171.346.177.229
- Nguyên giá	222		191.486.579.229	191.486.579.229
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(25.969.014.202)	(20.140.402.000)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.8	708.347.629	809.540.148
- Nguyên giá	225		1.011.925.185	1.011.925.185
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(303.577.556)	(202.385.037)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	10.507.267.800	11.091.004.900
- Nguyên giá	228		11.674.742.000	11.674.742.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(1.167.474.200)	(583.737.100)
III. Bất động sản đầu tư	230			
- Nguyên giá	231			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		62.912.874.513	62.876.763.402
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang DH	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	62.912.874.513	62.876.763.402
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		20.000.000.000	88.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.11	20.000.000.000	88.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252			
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253			
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254			
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
VI. Tài sản dài hạn khác	260		5.317.450.043	6.147.047.195
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6b	5.317.450.043	6.147.047.195
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế	263			
4. Tài sản dài hạn khác	264			

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ II.2024

TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.482.074.214.902	1.267.676.599.189
NGUỒN VỐN				
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.051.344.207.697	849.036.150.794
I. Nợ ngắn hạn	310		941.100.913.560	734.443.815.055
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	752.914.062.012	509.553.166.380
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	67.035.392.824	92.141.237.483
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	1.356.582.752	1.948.593.397
4. Phải trả người lao động	314		2.864.724.475	2.540.641.587
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	30.270.680.867	33.779.566.587
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318			
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	1.354.914.422	991.689.783
10. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn	320	V.17a	105.304.556.208	93.488.919.838
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322			
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu CP	324			
II. Nợ dài hạn	330		110.243.294.137	114.592.335.739
1. Phải trả người bán dài hạn	331			
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3. Chi phí phải trả dài hạn	333			
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336			
7. Phải trả dài hạn khác	337			
8. Vay và nợ thuế tài chính dài hạn	338	V.17b	110.243.294.137	114.592.335.739
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			
10. Cổ phiếu ưu đãi	340			
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342			
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343			

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ II.2024

D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		430.730.007.205	418.640.448.395
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	430.730.007.205	418.640.448.395
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		250.000.000.000	250.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		250.000.000.000	250.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		79.824.500.000	79.824.500.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415			
6. Chênh lệch định giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418			
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		100.905.507.205	88.815.948.395
- Lợi nhuận chưa phân phối năm trước	421a		88.815.948.395	58.816.177.801
- Lợi nhuận chưa phân phối năm nay	421b		12.089.558.810	29.999.770.594
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	431			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.482.074.214.902	1.267.676.599.189

Lập ngày 25 tháng 07 năm 2024

Người lập biểu



Nguyễn Thị Ngọc Duyên

Kế toán trưởng



Trần Thị Thu Thảo

Kiểm soát độc



Nguyễn Văn Đức

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MÈ QUÝ II.2024**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Quý II năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II.2024	Quý II.2023	Lấy kể đầu năm đến cuối kỳ năm nay	Lấy kể năm trước đến cuối kỳ năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.012.432.618.970	1.336.853.558.435	1.873.072.382.536	2.287.898.789.518
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02					
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	10		1.012.432.618.970	1.336.853.558.435	1.873.072.382.536	2.287.898.789.518
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	985.723.934.522	1.308.933.532.742	1.832.648.408.823	2.240.678.758.129
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp vụ (20=10 - 11)	20		26.708.684.448	27.920.025.693	40.423.973.713	47.220.031.389
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	137.471.786	(832.468.734)	379.212.326	651.514.027
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	5.802.227.739	7.270.816.303	8.844.053.248	11.352.292.366
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5.681.645.808	7.145.855.736	8.674.434.554	11.214.949.414
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	3.696.535.677	3.568.639.377	6.663.968.267	6.025.518.181
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	5.853.014.544	4.500.007.244	11.779.619.381	9.812.139.979
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		11.494.378.274	11.748.094.035	13.515.545.143	20.681.594.890
11. Thu nhập khác	31	VI.7	24.540.495	15.608.759	90.769.208	19.608.710
12. Chi phí khác	32	VI.8	9.917.910	8.481.137	240.556.941	8.956.945
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		14.622.585	7.127.622	(149.787.733)	10.651.765
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		11.509.000.859	11.755.221.657	13.365.757.410	20.692.246.655
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	1.120.629.131	2.231.270.540	1.276.198.600	3.748.952.090

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
BAO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ II.2024

16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52				
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	10.388.571.728	9.523.951.117	12.089.558.810	16.943.294.565
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	-	-	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71	-	-	-	-

Lập ngày 26 tháng 07 năm 2024

Người lập biểu



Nguyễn Thị Ngọc Duyên

Kế toán trưởng



Trần Thị Thu Thảo

Tổng giám đốc



Nguyễn Văn Đức

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ II.2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Phương pháp gián tiếp)

Quý II năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01.01.2024 đến 30.06.2024	Từ ngày 01.01.2023 đến 30.06.2023
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	01		13.365.757.410	20.692.346.655
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản</i>				
Khấu hao tài sản và bất động sản đầu tư	02		6.513.541.821	5.883.103.406
Các khoản dự phòng	03			
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại	04		11.654.938	90.028.859
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(379.212.326)	(644.878.083)
Chi phí lãi vay	06		8.674.434.554	11.214.949.414
Các khoản điều chỉnh khác	07			
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		28.186.176.397	37.235.450.251
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(208.429.725.267)	831.807.842.324
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(60.743.581.416)	248.493.286.065
Tăng, giảm các khoản phải trả	11		194.774.661.479	(1.104.665.839.372)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(287.199.489)	(600.713.250)
Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13			
Tiền lãi vay đã trả	14		(8.035.026.263)	(8.490.774.621)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.899.461.173)	(6.700.000.000)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16			
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(56.434.155.732)	(2.920.748.603)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(358.458.780)	(42.091.722.608)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBAĐịa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ I.2024

2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	68.000.000.000	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	379.212.326	646.288.494
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>	<i>68.020.753.546</i>	<i>(41.445.434.114)</i>
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		
3. Tiền thu từ đi vay	33	176.690.365.261	29.073.746.042
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(169.138.045.691)	(57.592.399.456)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(85.724.802)	(85.724.802)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>7.466.594.768</i>	<i>(28.604.378.216)</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</i>	<i>50</i>	<i>19.053.192.582</i>	<i>(72.970.560.933)</i>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	35.902.377.227	73.776.103.746
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	V.I	54.955.569.809

Lập ngày 25 tháng 07 năm 2024

Người lập biểu

Kế Toán Trưởng

Tổng Giám Đốc



Nguyễn Thị Ngọc Duyên

Trần Thị Thu Thảo

Nguyễn Văn Đức

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ II, 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính công ty mẹ quý II năm 2024 (tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần Tập đoàn cơ khí công nghệ cao Siba (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh** : Thương mại, dịch vụ, sản xuất
- Ngành nghề kinh doanh** :
Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty trong năm bao gồm:
 - Thương mại nông sản;
 - Giá công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại/.
- Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**: Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng
- Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên BCTC**: Số liệu BCTC Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 hoàn toàn nhất quán và đảm bảo tính so sánh được với số liệu BCTC quý II của của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.
- Cấu trúc doanh nghiệp**:
Công ty con:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công Ty TNHH MTV Năng Lượng Sạch VMECO Bạc Liêu (*)	Lô E9, Khu công nghiệp Trà Kha, Phường 8, Thành phố Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu, Việt Nam	Sản xuất điện	100%	100%	100%
Công Ty TNHH MTV Năng Lượng Sạch VMECO Đồng Tháp (**)	Đường ven Sông Hậu, Ấp An Ninh, Xã Định An, Huyện Lấp Vò, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam	Sản xuất điện	100%	100%	100%

(**) Công ty hiện hoạt động trong lĩnh vực năng lượng mặt trời, đang trong giai đoạn đầu tư nên chưa có doanh thu. Công ty đã thông báo giải thể ngày 20/05/2024 và đang trong quá trình chờ kết quả

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ II.2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính công ty mẹ Quý II.2024 (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Tỷ giá khi góp vốn hoặc nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ II.2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính công ty mẹ Quý II.2024 (tiếp theo)

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Doanh nghiệp. Việc kiểm soát đạt được khi Doanh nghiệp có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Các khoản đầu tư vào công ty con, được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Doanh nghiệp so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Doanh nghiệp và người mua là đơn vị độc lập với Doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ II.2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính công ty mẹ Quý II.2024 (tiếp theo)

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chi bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính (hoặc yếu tố chi phí khác cho phù hợp).

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được Tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá Tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi Tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại Tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định hữu hình</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	08 – 35
Máy móc thiết bị	05 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 – 05

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MỆ QUÝ II.2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính công ty mệ Quý II.2024 (tiếp theo)

Công ty đã chỉ ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

9. Tài sản cố định thuế tài chính

Thuế tài sản được phân loại là thuế tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuế. Tài sản cố định thuế tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuế tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuế tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuế tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuế tài chính như sau:

<u>Loại tài sản cố định thuế tài chính</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc thiết bị	05
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Doanh nghiệp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Doanh nghiệp bao gồm các chi phí sau:

Tiền thuê đất khu Công nghiệp

Tiền thuê đất khu Công nghiệp phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian 50 năm.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước khác phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ II.2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính công ty mẹ Quý II.2024 (tiếp theo)

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

13. Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Công ty phải theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Đối với khoản nợ thuê tài chính, tổng số nợ thuê phản ánh vào bên Có của tài khoản 341 là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay, nợ bằng ngoại tệ phải quy đổi ra đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh;

- Khi trả nợ, vay bằng ngoại tệ, bên Nợ tài khoản 341 được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ kế toán thực tế đích danh cho từng đối tượng;

- Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

- Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

14. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông,

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận chưa phân phối

Ghi nhận kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

Các quỹ khác

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn hàng năm.

15. Phân phối lợi nhuận

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ II.2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính công ty mẹ Quý II.2024 (tiếp theo)

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức/lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

17. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ II.2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính công ty mẹ Quý II.2024 (tiếp theo)

vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản cố liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

19. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

20. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Dự án đầu tư Nhà máy Cơ khí công nghiệp hỗ trợ Công nghệ cao VMECO của Công ty được áp dụng thuế suất 17% trong thời hạn 10 năm (từ năm 2022 đến năm 2031), miễn thuế 02 năm (từ năm 2022 đến năm 2023) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 04 năm tiếp theo áp dụng cho Dự án đầu

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ II.2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính công ty mẹ Quý II.2024 (tiếp theo)

tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn theo Hướng dẫn của Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 và Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính.

21. Công cụ tài chính

i. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và đing ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

ii. Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ II.2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính công ty mẹ Quý II.2024 (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phải sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phải sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chỉ trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

iii. Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ II.2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính công ty mẹ Quý II.2024 (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
Tiền mặt	6.964.770.148	3.905.645.354
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	47.990.799.661	31.996.731.873
Cộng	54.955.569.809	35.902.377.227

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
Phải thu các bên liên quan	95.819.748.550	21.533.144.428
Công Ty TNHH MTV Năng Lượng Sạch VMECO Bạc Liêu	367.391.022	430.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Trang trại xanh 2	10.323.365.256	4.613.533.880
Công ty TNHH Chăn Nuôi Bảo Ngọc	464.250.000	464.250.000
Công Ty Cổ Phần Chăn Nuôi Công Nghệ Cao Hải Đăng Tây Ninh	79.902.813.067	16.025.360.548
Công Ty TNHH Anh Vũ Phú Yên	3.176.443.443	0
Công Ty TNHH Phân Bón Hữu Cơ Vi Sinh Baf	1.585.485.762	
Phải thu các khách hàng khác	540.060.678.386	446.308.992.839
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Cao Thăng	133.653.979.600	2.877.439.687
Công ty Cổ phần Sản Xuất, Thương Mại Và Dịch Vụ Tân Mai	-	95.336.209.800
Công ty Cổ Phần Thăng Hoa	-	139.260.072.000
Công ty CP CBOT Việt Nam	397.407.947.950	200.361.787.100
Các khách hàng khác	8.998.750.836	8.473.484.252
Cộng	635.880.426.936	467.842.137.267

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
Trả trước cho các bên liên quan	19.253.109.750	3.890.503
Công Ty TNHH MTV Năng Lượng Sạch VMECO Bạc Liêu	-	3.890.503
Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Tân Long	19.253.109.750	
Trả trước cho người bán khác	60.409.393.169	64.560.177.925
Savagnini Italia S.P.A	37.561.571.500	37.561.571.500
Công Ty TNHH Cơ Điện Tự Động Hòa Thái Hưng	7.999.376.741	-
Công ty SX TM XD Phúc Huế	542.490.657	-
Công Ty TNHH Nhà Thép Tri Việt	-	7.432.126.047
Các nhà cung cấp khác	14.305.954.271	19.566.480.378
Cộng	79.662.502.919	64.564.068.428

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ II.2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính công ty mẹ Quý II.2024 (tiếp theo)

4. Các khoản phải thu khác**a) Ngắn hạn**

	Ngày 30 tháng 06 năm 2024		Ngày 31 tháng 12 năm 2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>103.225.808.438</i>	-	<i>84.432.667.983</i>	-
Ký cược, ký quỹ (*)	102.938.300.000	-	84.097.000.000	-
Tạm ứng	222.880.440	-	264.689.999	-
Công ty Cho Thuê Tài Chính TNHH MTV Quốc Tế Chailense	44.449.894	-	50.799.880	-
Phải thu khác	20.178.104	-	20.178.104	-
Cộng	103.225.808.438	-	84.432.667.983	-

(*) Là khoản cầm cố, ký quỹ bằng tiền gửi ngân hàng để đảm bảo thực hiện hợp đồng các công trình xây lắp cho các khách hàng như sau:

+ Các số tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam có số dư là:

28.119.300.000 VND.

+ Các số tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Phát triển TP.HCM có số dư là: 1.053.000.000 VND.

+ Các số tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam có số dư là: 72.807.000.000 VND.

+ Các số tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam có số dư là: 858.000.000 VND.

+ Các khoản cầm cố, ký quỹ cho đối tượng khác: 101.000.000 VND.

b) Dài hạn

	Ngày 30 tháng 06 năm 2024		Ngày 31 tháng 12 năm 2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>695.494.795</i>	-	<i>735.494.795</i>	-
Cầm cố, ký quỹ	695.494.795	-	735.494.795	-
Cộng	695.494.795	-	735.494.795	-

5. Hàng tồn kho

	Ngày 30 tháng 06 năm 2024		Ngày 31 tháng 12 năm 2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	168.900.584.701	-	123.143.159.542	-
Công cụ, dụng cụ	15.419.724.947	-	10.901.573.947	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	71.935.134.556	-	102.076.363.210	-
Thành phẩm	2.508.974.875	-	604.819.432	-
Hàng hóa	44.880.586.608	-	6.182.955.239	-
Hàng gửi đi bán	7.447.099	-	-	-
Cộng	303.652.452.786	-	242.908.871.370	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ II.2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính công ty mẹ Quý II.2024 (tiếp theo)

6. Chi phí trả trước**a) Ngắn hạn**

	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
Công cụ dụng cụ	137.031.044	288.500.525
Chi phí bảo hiểm	147.093.452	104.762.367
Chi phí thuê cơ sở hạ tầng	11.067.000	10.540.000
Chi phí phần mềm, thuê máy chủ	1.377.774.206	207.109.080
Chi phí khác	101.847.293	47.104.382
Cộng	1.774.812.995	658.016.354

b) Dài hạn

	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
Tiền thuê đất	2.147.136.690	2.171.489.851
Công cụ dụng cụ	566.958.128	765.022.572
Chi phí thi công văn phòng	1.420.761.358	1.345.666.667
Chi phí trả trước dài hạn Nhà máy Bạc Liêu	1.120.646.003	1.793.033.604
Các chi phí trả trước dài hạn khác	61.947.864	71.834.501
Cộng	5.317.450.043	6.147.047.195

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ II.2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính công ty mẹ Quý II.2024 (tiếp theo)

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	55.716.664.542	129.492.977.443	6.086.770.880	190.166.364	191.486.579.229
Mua trong kỳ	-	-	-	-	-
Điều tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-
Số cuối quý II.2024	55.716.664.542	129.492.977.443	6.086.770.880	190.166.364	191.486.579.229
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-	63.636.364	63.636.364
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	3.699.717.343	14.656.568.935	1.659.898.549	124.217.173	20.140.402.000
Khấu hao trong kỳ	1.114.308.549	4.348.206.320	353.444.333	12.653.000	5.828.612.202
Số cuối quý II.2024	4.814.025.892	19.004.775.255	2.013.342.882	136.870.173	25.969.014.202
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	52.016.947.199	114.836.408.508	4.426.872.331	65.949.191	171.346.177.229
Số cuối quý II.2024	50.902.638.650	110.488.202.188	4.073.427.998	53.296.191	165.517.565.027

Tài sản cố định hữu hình có nguyên giá 184.831.244.101 VND và giá trị còn lại 161.199.221.122 VND được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hàm Thuận.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ II.2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính công ty mẹ Quý II.2024 (tiếp theo)

8. Tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	432.000.000	579.925.185	1.011.925.185
Thuê tài chính trong kỳ	-	-	-
Số cuối quý II.2024	432.000.000	579.925.185	1.011.925.185
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng			
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	86.400.000	115.985.037	202.385.037
Khấu hao trong kỳ	43.200.000	57.992.519	101.192.519
Số cuối quý II.2024	129.600.000	173.977.556	303.577.556
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	345.600.000	463.940.148	809.540.148
Số cuối quý II.2024	302.400.000	405.947.629	708.347.629

9. Tài sản cố định vô hình

Là chương trình phần mềm:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	11.674.742.000	(583.737.100)	11.091.004.900
Trong kỳ	-	(583.737.100)	-
Số cuối quý II.2024	11.674.742.000	(1.167.474.200)	10.507.267.800

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ II.2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính công ty mẹ Quý II.2024 (tiếp theo)

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển vào Chi phí trả trước	Ngày 30 tháng 06 năm 2024
Xây dựng cơ bản dở dang	62.876.763.402	36.111.111	-	-	62.912.874.513
Công trình: "Nhà máy Cơ khí Công nghệ cao SIBA Bà Rịa Vũng Tàu" (1)	48.987.874.514	36.111.111	-	-	49.023.985.625
Công trình: "Nhà máy Cơ khí Công nghệ cao SIBA Nghệ An" (2)	13.888.888.888	-	-	-	13.888.888.888
Cộng	62.876.763.402	36.111.111	-	-	62.912.874.513

(1) Là chi phí xây dựng dự án "Nhà máy Cơ khí Công nghệ cao SIBA Bà Rịa Vũng Tàu" theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 8353128311 ngày 01/03/2022 của Ban quản lý các khu công nghệ Bà Rịa-Vũng Tàu. Hiện dự án đang trong giai đoạn xây dựng.

(2) Là chi phí xây dựng dự án "Nhà máy Cơ khí Công nghệ cao SIBA Nghệ An" theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 3808008450 ngày 04/01/2023 của Ban quản lý Khu kinh tế Đông Nam tỉnh Nghệ An. Dự án hiện đang ở bước thực hiện các thủ tục đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
BẢO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ II.2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính công ty mẹ Quý II.2024 (tiếp theo)

11. Đầu tư tài chính dài hạn

	Ngày 30 tháng 06 năm 2024		Ngày 31 tháng 12 năm 2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc
Đầu tư vào công ty con	20.000.000.000	-	20.000.000.000	88.000.000.000
Công ty TNHH MTV Năng Lượng Sạch VMECO Bạc Liêu (1)	20.000.000.000	-	20.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Năng Lượng Sạch VMECO Đồng Tháp (2)	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Sibacons (3)	-	-	-	-
Cộng	20.000.000.000	-	20.000.000.000	88.000.000.000

(1) Khoản góp vốn vào Công ty TNHH MTV Năng Lượng Sạch VMECO Bạc Liêu theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 1900665908 ngày 24 tháng 08 năm 2020, theo đó Công ty Cổ phần Tập đoàn cơ khí công nghệ cao Siba là chủ sở hữu 100% vốn điều lệ, đương đương số tiền 20.000.000.000 VND. Công ty hiện hoạt động bình thường trong lĩnh vực năng lượng mặt trời.

(2) Khoản góp vốn vào Công ty TNHH MTV Năng Lượng Sạch VMECO Đồng Tháp theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 1402149837 ngày 22 tháng 09 năm 2020, theo đó Công ty Cổ phần Tập đoàn cơ khí công nghệ cao Siba là chủ sở hữu 100% vốn điều lệ, đương đương số tiền 20.000.000.000 VND. Ngày 20/05/2024, Công ty thông báo giải thể và đang giai đoạn chờ kết quả.

(3) Khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Sibacons theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0317186593 đăng ký lần đầu ngày 07 tháng 3 năm 2022, theo đó Công ty Cổ phần Tập đoàn cơ khí công nghệ cao Siba góp 80% vốn điều lệ tương đương số tiền 48.000.000.000. Công ty hoạt động trong lĩnh vực xây dựng (tư vấn giám sát), thương mại, sản xuất, dịch vụ. Ngày 05/06/2024, Công ty mẹ hoàn thành thủ tục thoái vốn Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Sibacons.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ II.2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính công ty mẹ Quý II.2024 (tiếp theo)

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
Công ty Cổ Phần Nông Sản Sông Lam	158.233.311.600	186.013.989.100
Bđ Agriculture (Malaysia)	25.205.489.364	-
Công ty Cổ Phần Nông Sản BIVC Quốc Tế	174.203.170.050	48.860.663.750
Kunlong International	30.624.565.001	-
Các nhà cung cấp khác	344.647.525.997	274.678.513.530
Cộng	<u>732.914.062.012</u>	<u>509.553.166.380</u>

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	<i>44.891.830.114</i>	<i>60.893.987.483</i>
Công ty TNHH Anh Vũ Phú Yên	-	6.171.408.223
Công ty TNHH Đầu tư Trang trại Xanh 1	1.620.039.353	1.327.916.146
Công ty TNHH Sản xuất thương mại dịch vụ Bắc An Khánh	1.732.415.436	11.923.454.335
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Đồng An Khánh	485.335.818	485.335.818
Công ty TNHH Chăn nuôi Nam An Khánh	885.366.240	885.366.240
Công ty Cổ Phần Nông Nghiệp BAF Việt Nam	4.761.220.142	15.328.410.573
Công Ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Dịch Vụ Tâm Hưng	6.816.226.571	7.592.830.440
Công Ty TNHH Đầu Tư Nông Nghiệp Tân Châu	12.316.679.582	4.954.343.340
Công Ty TNHH Chăn Nuôi Công Nghệ Cao Sông Hình	4.761.330.628	650.000.000
Công ty TNHH SX TM DV Chăn Nuôi Minh Thành	79.172.730	140.878.754
Công Ty Cổ Phần Thức Ăn Chăn Nuôi BAF Tây Ninh	11.434.043.614	11.434.043.614
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	<i>22.143.562.710</i>	<i>31.247.250.000</i>
Công Ty Cổ Phần Xây Dựng Số Một- Việt Nguyên	3.005.713.120	-
Các khách hàng khác	19.137.849.590	31.247.250.000
Cộng	<u>67.035.392.824</u>	<u>92.141.237.483</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ II.2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính công ty mẹ Quý II.2024 (tiếp theo)

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Ngày 31 tháng 12 Năm 2023				Ngày 30 tháng 06 Năm 2024	
	Phải nộp		Số phát sinh trong kỳ		Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	560.306.578	(560.306.578)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	243.934.894	(243.934.894)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.899.461.173	-	1.276.198.600	(1.899.461.173)	1.276.198.600	-
Thuế thu nhập cá nhân	49.132.224	-	185.296.941	(183.006.020)	51.423.145	-
Các loại thuế khác	-	-	33.961.007	(5.000.000)	28.961.007	-
Cộng	1.948.593.397	-	2.299.698.020	(2.891.708.665)	1.356.582.752	-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính năm có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất theo từng loại hình như sau:

Nông sản; khung chuồng heo, máy móc, thiết bị chăn nuôi	Không chịu thuế
Các dịch vụ, hàng hóa khác	8%;10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng là 20%.

Dự án đầu tư Nhà máy Cơ khí công nghiệp hỗ trợ Công nghệ cao VMECO của Công ty được áp dụng thuế suất 17% trong thời hạn 10 năm (từ năm 2022 đến năm 2031), miễn thuế 02 năm (từ năm 2022 đến năm 2023) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 04 năm tiếp theo áp dụng cho Dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn theo Hướng dẫn của Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 và Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ II.2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính công ty mẹ Quý II.2024 (tiếp theo)

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
Phải trả các bên liên quan	7.248.869.994	6.259.699.037
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây Dựng SIBACONS - Lãi vay	6.394.125.280	5.137.369.307
Công ty TNHH MTV Năng Lượng Sạch VMECO Bạc Liêu - Lãi vay	854.744.714	639.080.111
Công ty TNHH MTV Năng Lượng Sạch VMECO Đồng Tháp - Lãi vay	-	483.249.619
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	23.021.810.873	27.519.867.550
Phải trả lãi vay	1.191.589.408	1.469.014.210
Chi phí phải trả xây dựng cơ bản	9.374.760.850	9.374.760.850
Chi phí phải trả các công trình	12.455.460.615	16.676.092.490
Công ty SX TM XD Phúc Huệ	26.400.156	3.075.764.134
Công ty TNHH Tư Vấn Công Nghệ Âu Lạc	2.050.050.000	-
Kunlong International Co., Ltd	1.518.183.404	8.697.864.230
Các đối tượng khác	8.860.827.055	4.902.464.126
Cộng	30.270.680.867	33.779.566.587

16. Phải trả ngắn hạn khác

	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
Phải trả các bên liên quan	534.108.134	495.139.317
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây Dựng SIBACONS - Lãi vay	421.412.029	19.768.769
Công ty TNHH MTV Năng Lượng Sạch VMECO Đồng Tháp - Lãi vay	-	475.370.548
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Công nghệ cao Hải Đông Tây Ninh - Thu hộ	112.696.105	-
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	820.806.288	496.550.466
Bảo hiểm xã hội	383.801.010	275.195.745
Bảo hiểm y tế	68.126.490	48.563.955
Bảo hiểm thất nghiệp	30.102.040	21.583.980
Kinh phí công đoàn	335.762.763	133.135.873
Tài sản thừa chờ giải quyết	-	15.056.928
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	3.013.985	3.013.985
Cộng	1.354.914.422	991.689.783

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Công Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ II.2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính công ty mẹ Quý II.2024 (tiếp theo)

17. Vay và nợ thuế tài chính

a) Ngân hạn

	Ngày 30 tháng 06 năm 2024		Ngày 31 tháng 12 năm 2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay và nợ thuế tài chính ngân hàng phải trả các bên liên quan</i>				
Công ty TNHH MTV Năng lượng sạch Vmeeco Đồng Tháp (1)	-	-	26.848.338.000	26.848.338.000
Công ty TNHH MTV Năng lượng sạch Vmeeco Bạc Liêu (2)	-	-	15.977.002.800	15.977.002.800
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây Dựng SIBACONS (3)	-	-	10.651.335.200	10.651.335.200
<i>Vay và nợ thuế tài chính ngân hàng phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>				
Vay ngắn hạn ngân hàng	105.304.556.208	86.635.128.871	66.640.581.838	66.640.581.838
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (4)	85.049.252.208	85.049.252.208	46.385.277.838	46.385.277.838
Ngân hàng TMCP Phát Triển TP.Hồ Chí Minh (5)	3.796.881.140	3.796.881.140	-	-
Ngân hàng TMCP Dầu Tự và Phát Triển Việt Nam (6)	1.055.566.542	1.055.566.542	5.980.191.588	5.980.191.588
Ngân Hàng TMCP Sài Gòn-Hà Nội-Chi nhánh Hà Nội (7)	70.465.784.105	70.465.784.105	40.405.086.250	40.405.086.250
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (8)	9.256.360.421	9.256.360.421	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	474.660.000	474.660.000	-	-
Ngân Hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hà Nội	20.255.304.000	20.255.304.000	20.255.304.000	20.255.304.000
Cộng	20.255.304.000	20.255.304.000	20.255.304.000	20.255.304.000
	105.304.556.208	105.304.556.208	93.488.919.838	93.488.919.838

(1) Khoản vay Công ty TNHH MTV Năng lượng sạch Vmeeco Đồng Tháp theo Hợp đồng 31.12.2022/HĐV-VMCĐT-SB ngày 31/12/2022. Số tiền vay 15.977.002.800 VND. Thời hạn vay 12 tháng, tiền lãi được trả vào ngày kết thúc thời hạn vay. Số tiền nợ gốc sau khi kết thúc thời hạn vay sẽ được cân trừ với công nợ phát sinh của Hợp đồng 27/12/2021/HĐ-SIBA-NL.SVDT ngày 27/12/2021. Ngày 01/01/2024, Căn cứ theo phụ lục 02 của hợp đồng vay 31.12.2022/HĐV-VMCĐT-SB chuyển từ vay ngắn hạn sang vay dài hạn.

(2) Khoản vay Công ty TNHH MTV Năng lượng sạch Vmeeco Bạc Liêu theo Hợp đồng 31.12.2022/HĐV-VMCBL-SB ngày 31/12/2022. Số tiền vay 10.651.335.200 VND. Thời hạn vay 12 tháng, tiền lãi được trả vào ngày kết thúc thời hạn vay. Số tiền nợ gốc sau khi kết thúc thời hạn vay sẽ được cân trừ với công nợ phát sinh của Hợp đồng 26/12/2021/HĐ-SIBA-NL.SVBL ngày 26/12/2021. Ngày 01/01/2024, Căn cứ theo phụ lục 01 của hợp đồng vay 31.12.2022/HĐV-VMCBL-SB chuyển từ vay ngắn hạn sang vay dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 AI Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ II.2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính công ty mẹ Quý II.2024 (tiếp theo)

- (3) Là khoản vay Công ty Cổ phần Đầu tư Xây Dựng SIBACONS theo Hợp đồng 150224/HĐV-SB-SBC ngày 15/02/2024. Số tiền vay 350.000.000 VND. Thời hạn vay 12 tháng, tiền lãi được trả vào ngày kết thúc thời hạn vay.
- (4) Khoản vay ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam theo Hợp đồng cấp tín dụng số 254/2023-HĐCVHM/NHCT902-SIBA ngày 06 tháng 12 năm 2023. Mục đích sử dụng vốn để tài trợ các nhu cầu tín dụng ngân hàng hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng không bao gồm nhu cầu ngân hàng phục vụ cho hoạt động đầu tư tài sản cố định. Hạn mức cho vay 40.000.000.000 VND. Thời hạn cho vay của mỗi khoản nợ tối đa 06 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn và được ghi trên từng Giấy nhận nợ. Lãi suất cho vay được ghi trên từng Giấy nhận nợ
- (5) Khoản vay ngân hàng TMCP Phát Triển TP.Hồ Chí Minh theo Hợp đồng cấp tín dụng số 24894/23MN/HĐTD ngày 27 tháng 9 năm 2023. Mục đích sử dụng vốn để tài trợ các nhu cầu tín dụng ngân hàng hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng không bao gồm nhu cầu ngân hàng phục vụ cho hoạt động đầu tư tài sản cố định. Hạn mức cho vay 100.000.000.000 VND. Thời hạn cho vay của mỗi khoản nợ tối đa 06 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn và được ghi trên từng Giấy nhận nợ. Lãi suất cho vay được ghi trên từng Giấy nhận nợ
- (6) Khoản vay ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam theo Hợp đồng cấp tín dụng số 1290/2024/6965706/HĐTD ngày 30 tháng 05 năm 2024. Mục đích sử dụng vốn để tài trợ các nhu cầu tín dụng ngân hàng hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng không bao gồm nhu cầu ngân hàng phục vụ cho hoạt động đầu tư tài sản cố định. Hạn mức cho vay 200.000.000.000 VND. Thời hạn cho vay của mỗi khoản nợ tối đa 06 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn và được ghi trên từng Giấy nhận nợ. Lãi suất cho vay được ghi trên từng Giấy nhận nợ
- (7) Khoản vay ngân hàng TMCP Sài Gòn-Hà Nội-Chi nhánh Hàn Thuyên theo Hợp đồng cấp tín dụng số 0003/2024/HĐHM-PN/SHB.111500 ngày 10 tháng 1 năm 2024. Mục đích sử dụng vốn để tài trợ các nhu cầu tín dụng ngân hàng hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng không bao gồm nhu cầu ngân hàng phục vụ cho hoạt động đầu tư tài sản cố định. Hạn mức cho vay 80.000.000.000 VND. Thời hạn cho vay của mỗi khoản nợ tối đa 09 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn và được ghi trên từng Giấy nhận nợ. Lãi suất cho vay được ghi trên từng Giấy nhận nợ
- (8) Khoản vay ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam theo Hợp đồng cấp tín dụng số TBN2022530494/001 và phụ lục số TBN2022530494/HĐCTD/PLHM-1799174 ngày 17 tháng 4 năm 2024. Mục đích sử dụng vốn để tài trợ các nhu cầu tín dụng ngân hàng hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng không bao gồm nhu cầu ngân hàng phục vụ cho hoạt động đầu tư tài sản cố định. Hạn mức cho vay 190.000.000.000 VND. Thời hạn cho vay của mỗi khoản nợ tối đa 06 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn và được ghi trên từng Giấy nhận nợ. Lãi suất cho vay được ghi trên từng Giấy nhận nợ



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 AI Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ II.2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính công ty mẹ Quý II.2024 (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Kết chuyển sang vay và nợ dài hạn	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Ngày 30 tháng 06 năm 2024
Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức khác						
Công ty TNHH MTV Nông lượng sách Vineco Đông Tháp	15.977.002.800	-	-	(15.977.002.800)	-	-
Công ty TNHH MTV Nông lượng sách Vineco Bạc Liêu	10.651.335.200	-	-	(10.651.335.200)	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây Dựng SIBACONS	220.000.000	350.000.000	-	-	(570.000.000)	-
Vay ngắn hạn ngân hàng						
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	-	12.821.337.881	-	-	(9.024.456.741)	3.796.881.140
Ngân hàng TMCP Phát Triển TP.Hồ Chí Minh	5.980.191.588	5.035.913.087	-	-	(9.960.538.133)	1.055.566.542
Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam	40.405.086.250	148.752.093.872	-	-	(118.691.396.017)	70.465.784.105
Ngân Hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hà Nội	-	9.256.360.421	-	-	-	9.256.360.421
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	-	474.660.000	-	-	-	474.660.000
Vay dài hạn đến hạn trả						
Ngân Hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hà Nội	20.255.304.000	-	10.127.652.000	-	(10.127.652.000)	20.255.304.000
Cộng	93.488.919.838	176.690.365.261	10.127.652.000	(26.628.338.000)	(148.374.042.891)	105.304.556.208

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ II.2024

Ban thuyết minh Báo cáo tài chính công ty mẹ Quý II.2024 (tiếp theo)

b) Dài hạn

	Ngày 30 tháng 06 năm 2024		Ngày 31 tháng 12 năm 2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay và nợ thuế tài chính dài hạn phải trả các bên liên quan</i>				
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Xây Dựng SIBACONS (*)</i>	63.895.811.907	63.895.811.907	58.031.476.707	58.031.476.707
<i>Công ty TNHH MTV Năng lượng sạch Vmecco Bạc Liêu</i>	53.244.476.707	53.244.476.707	58.031.476.707	58.031.476.707
<i>Vay và nợ thuế tài chính dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	10.651.335.200	10.651.335.200	-	-
<i>Vay dài hạn ngân hàng</i>	46.347.482.230	46.347.482.230	56.560.859.032	56.560.859.032
<i>Ngân Hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hàn Thuyên (**)</i>	45.747.408.636	45.747.408.636	55.875.060.636	55.875.060.636
<i>Nợ thuế tài chính</i>	45.747.408.636	45.747.408.636	55.875.060.636	55.875.060.636
<i>Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chaitoise</i>	600.073.594	600.073.594	685.798.396	685.798.396
Cộng	110.243.294.137	110.243.294.137	114.592.335.739	114.592.335.739

(*) Là khoản vay Công ty Cổ phần Đầu tư Xây Dựng SIBACONS theo các Hợp đồng sau:

+ Hợp đồng cho vay số 090622/HĐV-SB-SBC ngày 09/6/2022. Số tiền vay 43.000.000.000 VND. Thời hạn vay 24 tháng, tiền lãi được trả vào ngày kết thúc thời hạn vay.

+ Hợp đồng cho vay số 270622/HĐV-SB-SBC ngày 27/6/2022. Số tiền vay 4.900.000.000 VND. Thời hạn vay 24 tháng, tiền lãi được trả vào ngày kết thúc thời hạn vay.

+ Hợp đồng cho vay số 291222/HĐV-SB-SBC ngày 29/12/2022. Số tiền vay 12.000.000.000 VND. Thời hạn vay 24 tháng, tiền lãi được trả vào ngày kết thúc thời hạn vay.

(**) Là khoản vay theo hợp đồng số 0006/2020/HĐTĐTDH-FN/SHB.111500 ngày 12 tháng 02 năm 2020 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hàn Thuyên. Số tiền cho vay: 147.000.000.000 VND (Bảng chữ: Một trăm bốn mươi bảy tỷ đồng). Mục đích sử dụng vốn vay: Cho vay, mở L/C nhập khẩu Máy móc thiết bị (MMTB), bảo lãnh phục vụ đầu tư dự án: "Nhà máy cơ khí công nghiệp hỗ trợ công nghệ cao" tại Khu công nghiệp Trà Kha, phường 8, Thành phố Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu. Thời hạn vay 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất được quy định cụ thể trong từng kế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo gồm:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CAO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ II.2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính công ty mẹ Quý II.2024 (tiếp theo)

+ Tài sản bảo đảm 1: Bên thế chấp tự nguyện thế chấp tài sản thuộc sở hữu của mình là: Toàn bộ các công trình xây dựng là tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai thuộc dự án nhà máy cơ khí công nghiệp hỗ trợ công nghệ cao VMECO được xây dựng tại thửa đất số 177; tờ bản đồ số 23 tại Khu Công nghiệp Trà Kha, phường 8, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu. Diện tích lô đất sử dụng: 14.100,91 m² (Bảng chữ: Mười bốn nghìn một trăm bảy chín mét vuông) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CS 002425; do UBND tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 26/06/2019. Giá trị định giá: 60.893.000.000 đồng theo biên bản xác định giá trị bất động sản ngày 12/02/2020.

+ Tài sản bảo đảm 2: Bên thế chấp tự nguyện thế chấp tài sản thuộc sở hữu của mình là toàn bộ hệ thống MMTB dây chuyền sản xuất hình thành trong tương lai thuộc dự án nhà máy cơ khí công nghiệp hỗ trợ công nghệ cao theo hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 0006/2020/HĐ/TC/TL-PN/SHB.111.500 ngày 14/02/2020. Giá trị tài sản thế chấp là 161.285.484.582 đồng.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Kết chuyển từ vay và nợ ngắn hạn	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	Ngày 30 tháng 06 năm 2024
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các bên liên quan					
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây Dựng SIBACONS	58.031.476.707	-	(4.787.000.000)	-	53.244.476.707
Công ty TNHH MTV Năng lượng sạch Imeco Đồng Tháp		15.977.002.800	(15.977.002.800)	-	-
Công ty TNHH MTV Năng lượng sạch Imeco Bạc Liêu		10.651.335.200	-	-	10.651.335.200
Vay dài hạn ngân hàng					
Ngân Hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hàn Thuyên	55.875.060.636	-	-	(10.127.652.000)	45.747.408.636
Nợ thuê tài chính					
Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Challenge	685.798.396	-	(85.724.802)	-	600.073.594
Cộng	114.592.335.739	26.628.338.000	(20.849.727.602)	(10.127.652.000)	110.243.294.137

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ II.2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính công ty mẹ Quý II.2024 (tiếp theo)

18. Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	250.000.000.000	79.824.500.000	58.816.177.801	388.640.677.801
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	29.999.770.594	29.999.770.594
Số dư cuối năm trước	250.000.000.000	79.824.500.000	88.815.948.395	418.640.448.395
Số dư đầu năm nay	250.000.000.000	79.824.500.000	88.815.948.395	418.640.448.395
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	12.089.558.810	12.089.558.810
Số dư cuối kỳ này	250.000.000.000	79.824.500.000	100.905.507.205	430.730.007.205

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu tại ngày 30/06/2024

	Ngày 30 tháng 06 năm 2024	Tỷ lệ	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Tỷ lệ
Công ty Cổ phần Siba Holdings	139.000.000.000	55,60%	139.000.000.000	55,60%
Ông Nguyễn Văn Đức	15.156.690.000	6,06%	15.150.000.000	6,06%
Bà Phan Hồng Văn	7.600.000.000	3,04%	7.600.000.000	3,04%
Các đối tượng khác	88.243.310.000	35,30%	88.250.000.000	35,30%
Cộng	250.000.000.000	100%	250.000.000.000	100%

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01.01.2024 Tới 30.06.2024	Từ 01.01.2023 Tới 30.06.2023
Doanh thu bán hàng hóa	1.488.534.984.850	1.942.450.922.250
Doanh thu thành phẩm, cung cấp dịch vụ	384.537.397.686	345.447.867.268
Cộng	1.873.072.382.536	2.287.898.789.518

2. Giá vốn hàng bán

	Từ 01.01.2024 Tới 30.06.2024	Từ 01.01.2023 Tới 30.06.2023
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.485.878.003.350	1.936.430.965.320
Giá vốn của thành phẩm, cung cấp dịch vụ	346.770.405.473	304.247.792.809
Cộng	1.832.648.408.823	2.240.678.758.129

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ II.2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính công ty mẹ Quý II.2024 (tiếp theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01.01.2024 Tới 30.06.2024	Từ 01.01.2023 Tới 30.06.2023
Lãi tiền gửi, ký quỹ	379.212.326	644.878.083
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	6.288.194
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	347.750
Cộng	379.212.326	651.514.027

4. Chi phí tài chính

	Từ 01.01.2024 Tới 30.06.2024	Từ 01.01.2023 Tới 30.06.2023
Chi phí lãi vay	8.674.434.554	11.214.949.414
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	492.180.904	47.314.093
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(322.562.210)	90.028.859
Cộng	8.844.053.248	11.352.292.366

5. Chi phí bán hàng

	Từ 01.01.2024 Tới 30.06.2024	Từ 01.01.2023 Tới 30.06.2023
Chi phí cho nhân viên	5.333.376.850	5.116.643.697
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	129.449.147	37.397.746
Chi phí dịch vụ mua ngoài	999.629.431	669.849.336
Các chi phí khác	201.512.839	201.627.402
Cộng	6.663.968.267	6.025.518.181

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01.01.2024 Tới 30.06.2024	Từ 01.01.2023 Tới 30.06.2023
Chi phí cho nhân viên	5.421.214.981	5.378.386.391
Chi phí đồ dùng văn phòng	169.355.368	227.142.047
Chi phí khấu hao tài sản cố định	795.227.897	164.789.483
Thuế, phí và lệ phí	867.440.089	581.932.842
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.067.734.749	2.645.191.015
Các chi phí khác	1.458.646.297	814.698.201
Cộng	11.779.619.381	9.812.139.979

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ II.2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính công ty mẹ Quý II.2024 (tiếp theo)

7. Thu nhập khác

	Từ 01.01.2024	Từ 01.01.2023
	Tới 30.06.2024	Tới 30.06.2023
Phạt vi phạm hợp đồng	60.534.545	-
Chiết khấu	5.516.330	-
Xử lý công nợ	23.052.251	7.558.414
Thu nhập khác	1.666.082	12.050.296
Cộng	90.769.208	19.608.710

8. Chi phí khác

	Từ 01.01.2024	Từ 01.01.2023
	Tới 30.06.2024	Tới 30.06.2023
Tiền phạt chậm nộp	5.245.069	-
Xử lý công nợ	125.070	-
Chi phí khác	235.186.802	8.956.945
Cộng	240.556.941	8.956.945

9. Chi phí thuế TNDN hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Từ 01.01.2024
	Tới 30.06.2024
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	13.365.757.410
Điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán	1.648.343.766
Thu nhập chịu thuế	15.014.101.176
Thuế suất thuế TNDN	17%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh	2.552.397.200
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	(1.276.198.600)
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành phải nộp	1.276.198.600

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ II.2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính công ty mẹ Quý II.2024 (tiếp theo)

VII. GIAO DỊCH VỚI BÊN LIÊN QUAN

Các bên liên quan khác với Doanh nghiệp gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần SIBA HOLDINGS	Công ty mẹ
Công Ty TNHH MTV Năng Lượng Sạch VMECO Bạc Liêu	Công ty con
Công Ty TNHH MTV Năng Lượng Sạch VMECO Đồng Tháp	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Sibacons	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Long	Ông Trương Sỹ Bá là Chủ tịch HĐQT của Công ty Cổ phần Siba Holdings đồng thời là Chủ tịch HĐQT của Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Long.
Công ty Cổ phần Nông Nghiệp BAF Việt Nam	Công ty cùng Tập đoàn
Công Ty TNHH Đầu Tư Trang Trại Xanh 1	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Đầu tư Trang trại xanh 2	Công ty cùng Tập đoàn
Công Ty TNHH Anh Vũ Phú Yên	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Sản xuất thương mại dịch vụ Bắc An Khánh	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Chăn Nuôi Bảo Ngọc	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Công nghệ cao Hải Đăng Tây Ninh	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Đồng An Khánh	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Chăn nuôi Nam An Khánh	Công ty cùng Tập đoàn
Công Ty Cổ Phần Thức Ăn Chăn Nuôi BAF Tây Ninh	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH SX TM DV Chăn Nuôi Minh Thành	Công ty cùng Tập đoàn
Công Ty TNHH Đầu Tư Nông Nghiệp Tân Châu	Công ty cùng Tập đoàn
Công Ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Dịch Vụ Tâm Hưng	Công ty cùng Tập đoàn
Công Ty TNHH Chăn Nuôi Công Nghệ Cao Sông Hình	Công ty cùng Tập đoàn
Công Ty TNHH Phân Bón Hữu Cơ Vị Sinh Baf	Công ty cùng Tập đoàn

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ II.2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính công ty mẹ Quý II.2024 (tiếp theo)

Các giao dịch phát sinh giữa công ty với các bên liên quan khác trong năm như sau:

	Từ 01.01.2024
	Tới 30.06.2024
Công Ty TNHH Đầu Tư Trang Trại Xanh 1	
Thu tiền bán hàng hóa, dịch vụ	292.123.207
Công Ty TNHH MTV Năng Lượng Sạch VMECO Bạc Liêu	
Phải thu về bán hàng hóa, dịch vụ	165.000.000
Thu tiền về bán hàng hóa, dịch vụ	227.608.978
Phải trả về tiền lãi cho vay	318.664.603
Trả tiền lãi vay	103.000.000
Phải trả về tiền mua hàng hóa, dịch vụ	367.225.744
Trả tiền mua hàng hóa, dịch vụ	363.335.241
Công ty TNHH Đầu tư Trang trại xanh 2	
Phải thu về bán hàng hóa, dịch vụ	7.941.746.295
Thu tiền bán hàng hóa, dịch vụ	2.231.914.919
Công Ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Dịch Vụ Bắc An Khánh	
Phải thu về bán hàng hóa, dịch vụ	30.241.892.794
Thu tiền bán hàng hóa, dịch vụ	20.050.853.895
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Công nghệ cao Hải Đăng Tây Ninh	
Phải thu về bán hàng hóa, dịch vụ	188.271.078.498
Thu tiền bán hàng hóa, dịch vụ	124.393.625.979
Phải trả tiền chi hộ về bán hàng hóa, dịch vụ	112.696.105
Công ty Cổ phần Nông Nghiệp BAF Việt Nam	
Phải thu về bán hàng hóa, dịch vụ	15.451.637.982
Thu tiền bán hàng hóa, dịch vụ	4.884.447.551
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Sibacons	
Phải trả về tiền lãi vay	1.256.755.973
Phải trả về tiền vay	350.000.000
Trả tiền vay	5.357.000.000
Thu tiền chi hộ	1.389.424
Công ty TNHH MTV Năng Lượng Sạch VMECO Đồng Tháp	
Phải trả về tiền lãi vay	367.689.927
Trả lãi vay	1.326.310.094
Trả gốc vay	15.977.002.800
Thu tiền thoái vốn công ty con	2.931.687.106
Công Ty TNHH Phân Bón Hữu Cơ Vi Sinh Baf	
Phải thu về bán hàng hóa, dịch vụ	2.971.962.709
Thu tiền bán hàng hóa, dịch vụ	1.386.476.947

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ II.2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính công ty mẹ Quý II.2024 (tiếp theo)

Công Ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Dịch Vụ Tâm Hưng	
Phải thu về bán hàng hóa, dịch vụ	61.128.425.008
Thu tiền bán hàng hóa, dịch vụ	60.351.821.139
Công Ty TNHH Anh Vũ Phú Yên	
Phải thu về bán hàng hóa, dịch vụ	11.437.654.294
Thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.089.802.628
Công Ty TNHH Chăn Nuôi Công Nghệ Cao Sông Hình	
Phải thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	8.914.883.929
Thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	13.026.214.557
Công ty TNHH SX TM DV Chăn Nuôi Minh Thành	
Phải thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	102.846.024
Thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	41.140.000
Công Ty Cổ Phần Thức Ăn Chăn Nuôi BAF Tây Ninh	
Phải thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	579.699.691
Thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	579.699.691
Công Ty TNHH Đầu Tư Nông Nghiệp Tân Châu	
Thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	7.362.336.242
Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Long	
Phải trả tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	95.046.890.250
Trả tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	114.300.000.000
Thu tiền chuyển nhượng thoái vốn	48.000.000.000

Lập ngày 25 tháng 07 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Ngọc Duyên

Trần Thị Thu Thảo

Nguyễn Văn Đức



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA
99A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh



BÁO CÁO TÀI CHÍNH
HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2024

TP. Hồ Chí Minh, Tháng 07 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II.2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 06 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.221.644.034.460	935.976.077.339
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		59.642.518.221	43.537.689.496
1. Tiền	111	V.1	59.642.518.221	43.537.689.496
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
1. Chứng khoán kinh doanh	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122			
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		817.887.867.807	616.563.294.273
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	635.513.035.914	467.510.319.085
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	79.712.632.199	64.610.307.205
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135			
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4.a	103.225.808.438	84.442.667.983
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(563.608.744)	
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
IV. Hàng tồn kho	140		303.652.452.786	243.919.465.390
1. Hàng tồn kho	141	V.5	303.652.452.786	243.919.465.390
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		40.461.195.646	31.955.628.180
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6.a	1.781.602.806	665.796.756
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		38.679.592.840	31.289.831.424
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13		
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	155			
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		253.723.890.756	261.314.832.539
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		695.494.795	735.494.795
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II.2024

2. Trả trước cho người bán dài hạn	212			
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214			
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215			
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.4.b	695.494.795	735.494.795
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
II. Tài sản cố định	220		183.988.099.795	190.721.072.770
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	172.772.484.366	178.820.527.722
- Nguyên giá	222		200.263.825.390	200.263.825.390
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(27.491.341.024)	(21.443.297.668)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.8	708.347.629	809.540.148
- Nguyên giá	225		1.011.925.185	1.011.925.185
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(303.577.556)	(202.385.037)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	10.507.267.800	11.091.004.900
- Nguyên giá	228		11.674.742.000	11.674.742.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(1.167.474.200)	(583.737.100)
III. Bất động sản đầu tư	230			
- Nguyên giá	231			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		62.912.874.513	62.876.763.402
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	62.912.874.513	62.876.763.402
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250			
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252			
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253			
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254			
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
VI. Tài sản dài hạn khác	260		6.127.421.653	6.981.501.572
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6.b	5.317.450.043	6.147.047.195
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		809.971.610	834.454.377
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
4. Tài sản dài hạn khác	268			

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II.2024

TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 + 100 + 200)	270		1.475.367.925.216	1.197.290.909.878
NGUỒN VỐN				
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.045.955.753.203	766.431.312.828
I. Nợ ngắn hạn	310		941.253.191.766	704.315.516.296
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	732.968.562.012	509.651.966.380
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	67.035.392.824	93.101.237.483
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	1.420.315.672	2.705.094.792
4. Phải trả người lao động	314		2.864.724.475	3.265.002.662
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	29.415.936.153	27.519.867.550
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318			
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	1.354.914.422	542.975.591
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16.a	106.193.346.208	67.529.371.838
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322			
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324			
II. Nợ dài hạn	330		104.702.561.437	62.115.796.532
1. Phải trả người bán dài hạn	331			
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3. Chi phí phải trả dài hạn	333			
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336			
7. Phải trả dài hạn khác	337			
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16.b	104.702.561.437	62.115.796.532
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			
10. Cổ phiếu ưu đãi	340			
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342			
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343			

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II.2024

D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		429.412.172.013	430.859.597.050
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	429.412.172.013	430.859.597.050
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		250.000.000.000	250.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		250.000.000.000	250.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		79.824.500.000	79.824.500.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415			
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418			
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		99.587.672.013	88.563.374.880
-LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		88.563.374.880	36.287.460.606
-LNST chưa phân phối kỳ này	421b		11.024.297.133	32.275.914.274
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429			12.471.722.170
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	431			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.475.367.925.216	1.197.290.909.878

Lập ngày 25 tháng 07 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc



Nguyễn Thị Ngọc Duyên



Trần Thị Thu Thảo



Nguyễn Văn Đức

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBAĐịa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
BAO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II/2024**BAO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**
Quý II năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý II/2024	Quý II/2023	Lấy kể đầu năm đến cuối kỳ này năm nay	Lấy kể đầu năm đến cuối kỳ này năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.016.455.820.814	1.338.325.147.847	1.877.388.076.181	2.289.655.030.912
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02					
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		1.016.455.820.814	1.338.325.147.847	1.877.388.076.181	2.289.655.030.912
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	988.149.742.641	1.308.992.734.895	1.835.013.679.994	2.240.698.525.525
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		28.306.078.173	29.332.412.952	42.374.396.187	48.956.505.387
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	137.334.050	(832.354.189)	379.331.944	651.997.444
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	8.299.005.373	6.267.097.323	9.659.174.987	9.363.069.361
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4.909.758.164	6.142.137.166	6.938.624.070	9.225.671.409
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24					
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	4.097.307.427	3.776.425.551	7.065.566.892	6.033.304.355
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	7.116.865.495	6.010.896.426	13.065.556.213	11.505.685.198
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - 25 - 26)	30		8.930.433.928	12.445.639.053	12.963.430.039	22.706.443.917
12. Thu nhập khác	31	VI.7	28.872.225	15.608.759	95.100.938	19.608.710
13. Chi phí khác	32	VI.8	11.065.265	8.517.054	241.704.296	9.011.762
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		17.806.960	7.091.705	(146.603.358)	10.596.948
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		8.948.240.808	12.452.730.758	12.816.826.681	22.717.040.865
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	1.199.981.479	2.409.803.250	1.602.035.897	4.158.487.642
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		12.241.383	12.241.384	24.482.766	34.482.769
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		7.736.018.026	10.030.686.124	11.190.308.018	18.534.076.454

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II.2024

19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61	7.704.155.571	9.951.592.877	11.024.297.133	18.333.207.492
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	31.862.455	79.093.247	166.010.885	200.862.962
21. Lợi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	-	-	-	-
22. Lợi suy giảm trên cổ phiếu (**)	71	-	-	-	-

Lập ngày 25 tháng 07 năm 2024

Người lập biểu



Nguyễn Thị Ngọc Duyên

Kế toán trưởng



Trần Thị Thu Thảo

Tổng Giám Đốc



Nguyễn Văn Đức

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II.2024**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Phương pháp gián tiếp)

Quý II năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01.01.2024 đến 31.06.2024	Từ 01.01.2023 đến 31.06.2023
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	01		12.816.826.681	22.717.040.865
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản</i>				
- Khấu hao tài sản và bất động sản đầu tư	02		6.732.972.975	6.102.534.557
- Các khoản dự phòng	03			
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại	04		11.654.938	90.028.859
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(379.331.944)	(645.361.500)
- Chi phí lãi vay	06		6.938.624.070	9.225.671.409
- Các khoản điều chỉnh khác	07			
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		26.120.746.729	37.489.914.190
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(208.876.596.024)	794.399.299.307
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(63.111.768.231)	247.652.235.694
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		243.822.569.231	(1.102.733.939.556)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(286.208.898)	(626.902.912)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13			
- Tiền lãi vay đã trả	14		(6.988.047.821)	(9.064.896.098)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.603.001.984)	(6.954.640.193)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16			
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17			
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		(11.922.307.007)	(39.838.929.568)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(358.458.780)	(4.530.151.108)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II.2024

2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	379.331.944	646.771.911
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>	<i>20.873.164</i>	<i>(3.863.379.197)</i>
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		
3. Tiền thu từ đi vay	33	176.340.365.261	27.123.746.042
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(148.248.377.891)	(56.251.794.456)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(85.724.802)	(85.724.802)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>28.696.262.568</i>	<i>(29.213.773.216)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	16.104.828.725	(72.936.081.981)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	43.537.689.496	81.438.432.307
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	V.1	59.642.518.221

Lập ngày 25 tháng 07 năm 2024

Người lập biểu

Kế Toán Trưởng

Tổng Giám Đốc






Nguyễn Thị Ngọc Duyên

Trần Thị Thu Thảo

Nguyễn Văn Đức

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II.2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý II năm 2024 (tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần Tập đoàn cơ khí công nghệ cao Siba (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh** : Thương mại, dịch vụ, sản xuất
- Ngành nghề kinh doanh** :
Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty trong năm bao gồm:
 - Thương mại nông sản;
 - Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại/.
- Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**: Trong vòng 12 tháng
- Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên BCTC**: Số liệu BCTC hợp nhất Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 hoàn toàn nhất quán và đảm bảo tính so sánh được với số liệu BCTC hợp nhất quý II của của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.
- Cấu trúc doanh nghiệp**:
Các Công ty con được hợp nhất:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công Ty TNHH MTV Năng Lượng Sạch VMECO Bạc Liêu (*)	Lô E9, Khu công nghiệp Trà Kha, Phường 8, Thành phố Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu, Việt Nam	Sản xuất điện	100%	100%	100%
Công Ty TNHH MTV Năng Lượng Sạch VMECO Đồng Tháp (**)	Đường ven Sông Hậu, Ấp An Ninh, Xã Định An, Huyện Lấp Vò, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam	Sản xuất điện	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Sibacors (***)	Số 2, đường 8A, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Xây dựng, thương mại, dịch vụ, sản xuất	80%	80%	80%

(*) Công ty hiện hoạt động bình thường trong lĩnh vực năng lượng mặt trời.

(**) Công ty hiện hoạt động trong lĩnh vực năng lượng mặt trời, đang trong giai đoạn đầu tư nên chưa có doanh thu. Công ty đã thông báo giải thể ngày 20/05/2024 và đang trong quá trình chờ kết quả

(***) Công ty hiện hoạt động bình thường trong lĩnh vực tư vấn giám sát xây dựng. Công ty đã bị thoái vốn vào ngày 05/06/2024

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 AI Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II.2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý II năm 2024 (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn cơ khí công nghệ cao Siba (công ty mẹ) và công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II.2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý II năm 2024 (tiếp theo)

2. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Công ty mẹ phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Công ty trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm phát sinh nghiệp vụ mua.

3. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Tỷ giá khi góp vốn hoặc nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II.2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý II năm 2024 (tiếp theo)

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Doanh nghiệp và người mua là đơn vị độc lập với Doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính (hoặc yếu tố chi phí khác cho phù hợp).

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được Tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá Tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi Tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý II năm 2024 (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại Tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	08 – 35
Máy móc thiết bị	05 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 – 05

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

9. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<u>Loại tài sản cố định thuê tài chính</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc thiết bị	05
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Doanh nghiệp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 AI Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II.2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý II năm 2024 (tiếp theo)

11. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Doanh nghiệp bao gồm các chi phí sau:

Tiền thuê đất khu Công nghiệp

Tiền thuê đất khu Công nghiệp phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian 50 năm.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước khác phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

13. Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Công ty phải theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Đối với khoản nợ thuê tài chính, tổng số nợ thuê phản ánh vào bên Có của tài khoản 341 là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay, nợ bằng ngoại tệ phải quy đổi ra đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh;

- Khi trả nợ, vay bằng ngoại tệ, bên Nợ tài khoản 341 được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ kế toán thực tế đích danh cho từng đối tượng;

- Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý II năm 2024 (tiếp theo)

- Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

14. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận chưa phân phối

Ghi nhận kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

Các quỹ khác

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn hàng năm.

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý II năm 2024 (tiếp theo)

ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

17. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II.2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý II năm 2024 (tiếp theo)

19. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tai nạn, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

20. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Công ty Cổ phần Tập đoàn cơ khí công nghệ cao Siba (công ty mẹ) có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Dự án đầu tư Nhà máy Cơ khí công nghiệp hỗ trợ Công nghệ cao VMECO của Công ty được áp dụng thuế suất 17% trong thời hạn 10 năm (từ năm 2022 đến năm 2031), miễn thuế 02 năm (từ năm 2022 đến năm 2023) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 04 năm tiếp theo áp dụng cho Dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn theo Hướng dẫn của Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 và Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính.

Công Ty TNHH MTV Năng Lượng Sạch VMECO Bạc Liêu và Công Ty TNHH MTV Năng Lượng Sạch VMECO Đồng Tháp (công ty con) được Miễn thuế bốn năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong chín năm tiếp và Thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn mười lăm năm (15 năm) kể từ năm 2020 đối với thu nhập từ đầu tư dự án điện mặt trời. Các hoạt động khác Công ty nộp thuế TNDN với thuế suất 20%. Theo Nghị định số 92/2021/NĐ-CP, Công Ty TNHH MTV Năng Lượng Sạch VMECO Bạc Liêu và Công Ty TNHH MTV Năng Lượng Sạch VMECO Đồng Tháp (công ty con) được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2021 đối với trường hợp doanh nghiệp có doanh thu trong kỳ tính thuế năm 2021 không quá 200 tỷ đồng đối với doanh nghiệp mới thành lập trong kỳ tính thuế năm 2020 và 2021.

21. Công cụ tài chính

i. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II.2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý II năm 2024 (tiếp theo)

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chỉ phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

II. Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) đo giảm giá trị hoặc đo không thể thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II.2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý II năm 2024 (tiếp theo)

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

III. Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng từ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II 2024**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý II năm 2024 (tiếp theo)****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Ngày 30 tháng 06 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Tiền mặt	11.526.318.746	11.475.433.435
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	48.116.199.475	32.062.256.061
Cộng	59.642.518.221	43.537.689.496

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Ngày 30 tháng 06 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Phải thu các bên liên quan	95.452.357.528	21.201.326.246
Công ty TNHH Đầu tư Trung trại xanh 2	10.323.365.256	4.940.806.607
Công Ty TNHH Chăn Nuôi Bảo Ngọc	464.250.000	464.250.000
Công ty Cổ Phần Chăn Nuôi Công Nghệ Cao Hải Đăng Tây Ninh	79.902.813.067	15.796.269.639
Công Ty TNHH Anh Vũ Phú Yên	3.176.443.443	-
Công Ty TNHH Phân Bón Hữu Cơ Vi Sinh Baf	1.585.485.762	-
Phải thu các khách hàng khác	540.060.678.386	446.308.992.839
Công ty Cổ phần XNK Cao Thăng	133.653.979.600	2.877.439.687
Công ty Cổ phần Sản Xuất, Thương Mại Và Dịch Vụ Tân Mai	-	95.336.209.800
Công ty Cổ Phần Thăng Hoa	-	139.260.072.000
Công ty CP CBOT Việt Nam	397.407.947.950	200.361.787.100
Các khách hàng khác	8.998.750.836	8.473.484.252
Cộng	635.513.035.914	467.510.319.085

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Ngày 30 tháng 06 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Trả trước cho các bên liên quan	19.253.109.750	-
Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Tân Long	19.253.109.750	-
Trả trước cho người bán khác	60.459.522.449	64.610.307.205
Savagnini Italia S.P.A.	37.561.571.500	37.561.571.500
Công ty TNHH Cơ Điện Tự Động Hóa Thái Hưng	7.999.376.741	-
Công ty SX TM XD Phúc Huệ	542.490.657	-
Công Ty TNHH Nhà Thép Trí Việt	-	7.432.126.047
Các nhà cung cấp khác	14.356.083.551	19.616.609.658
Cộng	79.712.632.199	64.610.307.205

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II.2024**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý II năm 2024 (tiếp theo)****4. Các khoản phải thu khác****a) Ngắn hạn**

	Ngày 30 tháng 06 năm 2024		Ngày 31 tháng 12 năm 2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	103.225.808.438	-	84.442.667.983	-
Cầm cổ, ký quỹ (*)	102.938.300.000	-	84.107.000.000	-
Tạm ứng	222.880.440	-	264.689.999	-
Công ty Cho Thuê Tài Chính TNHH MTV Quốc Tế Chailease	44.449.894	-	50.799.880	-
Phải thu khác	20.178.104	-	20.178.104	-
Cộng	103.225.808.438	-	84.442.667.983	-

(*) Là khoản cầm cổ, ký quỹ bằng tiền gửi ngân hàng để đảm bảo thực hiện hợp đồng các công trình xây lắp cho các khách hàng như sau:

+ Các số tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam có số dư là: 28.119.300.000 VND.

+ Các số tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Phát triển TP.HCM có số dư là: 1.053.000.000 VND.

+ Các số tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam có số dư là: 72.807.000.000 VND.

+ Các số tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam có số dư là: 858.000.000 VND.

+ Các khoản cầm cổ, ký quỹ cho đối tượng khác: 101.000.000 VND.

b) Dài hạn

	Ngày 30 tháng 06 năm 2024		Ngày 31 tháng 12 năm 2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	695.494.795	-	735.494.795	-
Cầm cổ, ký quỹ	695.494.795	-	735.494.795	-
Cộng	695.494.795	-	735.494.795	-

5. Hàng tồn kho

	Ngày 30 tháng 06 năm 2024		Ngày 31 tháng 12 năm 2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	168.900.584.701	-	123.143.159.542	-
Công cụ, dụng cụ	15.419.724.947	-	10.902.618.947	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	71.935.134.556	-	103.085.912.230	-
Thành phẩm	2.508.974.875	-	604.819.432	-
Hàng hóa	44.880.586.608	-	-	-
Hàng gửi đi bán	7.447.099	-	6.182.955.239	-
Cộng	303.652.452.786	-	243.919.465.390	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II.2024**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý II năm 2024 (tiếp theo)****6. Chi phí trả trước****a) Ngắn hạn**

	Ngày 30 tháng 06 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Công cụ dụng cụ	137.031.044	288.500.525
Chi phí bảo hiểm	153.883.263	72.027.909
Chi phí thuê cơ sở hạ tầng	11.067.000	10.540.000
Chi phí phần mềm, thuê máy chủ	1.377.774.206	207.109.080
Chi phí khác	101.847.293	87.619.242
Cộng	1.781.602.806	665.796.756

b) Dài hạn

	Ngày 30 tháng 06 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Tiền thuê đất	2.147.136.690	2.171.489.851
Công cụ dụng cụ	566.958.128	765.022.572
Chi phí thi công văn phòng	1.420.761.358	1.348.488.090
Chi phí trả trước dài hạn Nhà máy Bạc Liêu	1.120.646.003	1.793.033.604
Các chi phí trả trước dài hạn khác	61.947.864	69.013.084
Cộng	5.317.450.043	6.147.047.195

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBAĐịa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
BAO CAO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II.2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý II năm 2024 (tiếp theo)

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	55.716.664.542	138.270.223.604	6.086.770.880	190.166.364	200.263.825.390
Mua trong kỳ	-	-	-	-	-
Số cuối quý II.2024	55.716.664.542	138.270.223.604	6.086.770.880	190.166.364	200.263.825.390
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-	63.636.364	63.636.364
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	3.699.717.343	15.959.464.603	1.659.898.549	124.217.173	21.443.297.668
Khấu hao trong kỳ	1.114.308.549	4.567.637.474	353.444.333	12.653.000	6.048.043.356
Số cuối quý II.2024	4.814.025.892	20.527.102.077	2.013.342.882	136.870.173	27.491.341.024
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	52.016.947.199	122.310.759.001	4.426.872.331	65.949.191	178.820.527.722
Số cuối quý II.2024	50.902.638.650	117.743.121.527	4.073.427.998	53.296.191	172.772.484.366

Tài sản cố định hữu hình có nguyên giá 193.608.490.262 VND và giá trị còn lại 171.188.972.150 VND được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hân Thuyên.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II.2024**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý II năm 2024 (tiếp theo)****8. Tài sản cố định thuê tài chính**

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	432.000.000	579.925.185	1.011.925.185
Thuê tài chính trong kỳ	-	-	-
Số cuối quý II.2024	432.000.000	579.925.185	1.011.925.185
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng			
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	86.400.000	115.985.037	202.385.037
Khấu hao trong kỳ	43.200.000	57.992.519	101.192.519
Số cuối quý II.2024	129.600.000	173.977.556	303.577.556
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	345.600.000	463.940.148	809.540.148
Số cuối quý II.2024	302.400.000	405.947.629	708.347.629

9. Tài sản cố định vô hình

Là chương trình phần mềm:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	11.674.742.000	(583.737.100)	11.091.004.900
Tăng trong kỳ	-	(583.737.100)	-
Số cuối quý II.2024	11.674.742.000	(1.167.474.200)	10.507.267.800

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II.2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý II năm 2024 (tiếp theo)

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển vào Chi phí trả trước	Ngày 30 tháng 06 năm 2024
Xây dựng cơ bản dở dang	62.876.763.402	36.111.111	-	-	62.912.874.513
Công trình: "Nhà máy Cơ khí Công nghệ cao SIBA Bà Rịa Vũng Tàu" (1)	48.987.874.514	36.111.111	-	-	49.023.985.625
Công trình: "Nhà máy Cơ khí Công nghệ cao SIBA Nghệ An" (2)	13.888.888.888	-	-	-	13.888.888.888
Cộng	62.876.763.402	36.111.111	-	-	62.912.874.513

(1) Là chi phí xây dựng dự án " Nhà máy Cơ khí Công nghệ cao SIBA Bà Rịa Vũng Tàu" theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 8353128311 ngày 01/03/2022 của Ban quản lý các khu công nghệ Bà Rịa-Vũng Tàu. Hiện dự án đang trong giai đoạn xây dựng.

(2) Là chi phí xây dựng dự án "Nhà máy Cơ khí Công nghệ cao SIBA Nghệ An" theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 3808008450 ngày 04/01/2023 của Ban quản lý Khu kinh tế Đông Nam tỉnh Nghệ An. Dự án hiện đang ở bước thực hiện các thủ tục đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II.2024**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý II năm 2024 (tiếp theo)****11. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Ngày 30 tháng 06 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Công ty Cổ Phần Nông Sản Sông Lam	158.233.311.600	186.013.989.100
BD AGRICULTURE (MALAYSIA)	25.205.489.364	-
Công ty Cổ Phần Nông Sản BIVC Quốc Tế	174.203.170.050	48.860.663.750
Các nhà cung cấp khác	375.326.590.998	274.777.313.530
Cộng	732.968.562.012	509.651.966.380

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Ngày 30 tháng 06 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	<i>44.891.830.114</i>	<i>61.853.987.483</i>
Công ty TNHH Anh Vũ Phú Yên	-	6.171.408.223
Công ty TNHH Đầu tư Trang trại Xanh 1	1.620.039.353	1.327.916.146
Công ty TNHH Sản xuất thương mại dịch vụ Bắc An Khánh	1.732.415.436	11.923.454.335
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Đồng An Khánh	485.335.818	485.335.818
Công ty TNHH Chân nuôi Nam An Khánh	885.366.240	885.366.240
Công ty Cổ phần Nông Nghiệp BAF Việt Nam	4.761.220.142	15.557.501.482
Công ty TNHH sản xuất Thương mại dịch vụ Tâm Hưng	6.816.226.571	7.821.921.349
Công ty TNHH Đầu tư nông nghiệp Tân Châu	12.316.679.582	5.183.434.249
Công Ty TNHH Chân Nuôi Công Nghệ Cao Sông Hình	4.761.330.628	922.727.273
Công ty TNHH SX TM DV Chân Nuôi Minh Thành	79.172.730	140.878.754
Công Ty Cổ Phần Thức Ăn Chân Nuôi BAF Tây Ninh	11.434.043.614	11.434.043.614
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	<i>22.143.562.710</i>	<i>31.247.250.000</i>
Công ty Cổ Phần Xây Dựng Số Một – Việt Nguyên	3.005.713.120	-
Các khách hàng khác	19.137.849.590	31.247.250.000
Cộng	67.035.392.824	93.101.237.483

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 AI Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II.2024**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý II năm 2024 (tiếp theo)****13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023		Số phát sinh trong kỳ		Ngày 30 tháng 06 năm 2024	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	66.078.788	-	-	(66.078.788)	-	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	560.306.578	(560.306.578)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	243.934.894	(243.934.894)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.548.698.052	-	1.394.235.452	(2.603.001.984)	1.339.931.520	-
Thuế thu nhập cá nhân	90.317.952	-	185.296.941	(224.191.748)	51.423.145	-
Các loại thuế khác	-	-	42.961.007	(14.000.000)	28.961.007	-
Cộng	2.705.094.792	-	2.426.734.872	(3.711.513.992)	1.420.315.672	-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính năm có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất theo từng loại hình như sau:

Nông sản, khung chuồng heo, máy móc, thiết bị chăn nuôi	Không chịu thuế
Các dịch vụ, hàng hóa khác	8%;10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty Cổ phần Tập đoàn cơ khí công nghệ cao Siba (công ty mẹ) có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Dự án đầu tư Nhà máy Cơ khí công nghiệp hỗ trợ Công nghệ cao VMECO của Công ty được áp dụng thuế suất 17% trong thời hạn 10 năm (từ năm 2022 đến năm 2031), miễn thuế 02 năm (từ năm 2022 đến năm 2023) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 04 năm tiếp theo áp dụng cho Dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn theo Hướng dẫn của Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 và Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính.

Công Ty TNHH MTV Năng Lượng Sạch VMECO Bạc Liêu và Công Ty TNHH MTV Năng Lượng Sạch VMECO Đồng Tháp (công ty con) được Miễn thuế bốn năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong chín năm tiếp và Thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn mười lăm năm (15 năm) kể từ năm 2020 đối với thu nhập từ đầu tư dự án điện mặt trời. Các hoạt động khác Công ty nộp thuế TNDN với thuế suất 20%.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 AI Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II.2024**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý II năm 2024 (tiếp theo)****14. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Ngày 30 tháng 06 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	6.394.125.280	
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây Dựng SIBACONS - Lãi vay	6.394.125.280	
Phải trả lãi vay	1.191.589.408	1.469.014.210
Chi phí xây dựng cơ bản	9.374.760.850	9.374.760.850
Chi phí phải trả các công trình	12.455.460.615	16.676.092.490
<i>Công ty SX TM XD Phúc Huệ</i>	<i>26.400.156</i>	<i>3.075.764.134</i>
<i>Công Ty TNHH MTV Phát Triển Sơn Phương</i>	<i>2.050.050.000</i>	-
<i>Kanlong International Co., Ltd</i>	<i>1.518.183.404</i>	<i>8.697.864.230</i>
<i>Các đối tượng khác</i>	<i>8.860.827.055</i>	<i>4.902.464.126</i>
Cộng	29.415.936.153	27.519.867.550

15. Phải trả ngắn hạn khác

	Ngày 30 tháng 06 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	534.108.134	
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây Dựng SIBACONS - Lãi vay	421.412.029	
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Công nghệ cao Hải Đông Tây Ninh – Thu hộ	112.696.105	
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	820.806.288	
Bảo hiểm xã hội	383.801.010	312.821.870
Bảo hiểm y tế	68.126.490	55.052.205
Bảo hiểm thất nghiệp	30.102.040	23.894.730
Kinh phí công đoàn	335.762.763	133.135.873
Tài sản thừa chờ giải quyết	-	15.056.928
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	3.013.985	3.013.985
Cộng	1.354.914.422	542.975.591

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II.2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý II năm 2024 (tiếp theo)

16. Vay và nợ thuê tài chính**a) Ngân hàng**

	Ngày 30 tháng 06 năm 2024		Ngày 31 tháng 12 năm 2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>				
Vay ngắn hạn ngân hàng	85.049.252.208	85.049.252.208	67.529.371.838	67.529.371.838
	85.049.252.208	85.049.252.208	46.385.277.838	46.385.277.838
	3.796.881.140	3.796.881.140		
	1.055.566.542	1.055.566.542	5.980.191.588	5.980.191.588
	70.465.784.105	70.465.784.105	40.405.086.250	40.405.086.250
	9.256.360.421	9.256.360.421		
	474.660.000	474.660.000		
	21.144.094.000	21.144.094.000	21.144.094.000	21.144.094.000
	20.255.304.000	20.255.304.000	20.255.304.000	20.255.304.000
	888.790.000	888.790.000	888.790.000	888.790.000
Cộng	106.193.346.208	106.193.346.208	67.529.371.838	67.529.371.838

Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác

Vay ngắn hạn ngân hàng

Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Khoản vay của Công ty Cổ phần Tập đoàn Cơ khí Công nghệ cao Siba (1)

Ngân hàng TMCP Phát Triển TP.Hồ Chí Minh - Khoản vay của Công ty Cổ phần Tập đoàn Cơ khí Công nghệ cao Siba (2)

Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - Khoản vay của Công ty Cổ phần Tập đoàn Cơ khí Công nghệ cao Siba (3)

Ngân Hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hàn Thuận - Khoản vay của Công ty Cổ phần Tập đoàn Cơ khí Công nghệ cao Siba (4)

Ngân Hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - Khoản vay của Công ty Cổ phần Tập đoàn Cơ khí Công nghệ cao Siba (5)

Vay dài hạn đến hạn trả

Ngân Hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hàn Thuận - Khoản vay của Công ty Cổ phần Tập đoàn Cơ khí Công nghệ cao Siba

Ngân Hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hàn Thuận - Khoản vay của Công ty TNHH MTV Năng lượng sạch Vmecco Bạc Liêu

Cộng

(1) Khoản vay ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam theo Hợp đồng cấp tín dụng số 254/2023-HĐCVHM/NHCT902-SIBA ngày 06 tháng 12 năm 2023. Mục đích sử dụng vốn để tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng không bao gồm nhu cầu ngân hàng phục vụ cho hoạt động đầu tư tài sản cố định. Hạn mức cho vay 40.000.000.000 VND. Thời hạn cho vay của

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II.2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý II năm 2024 (tiếp theo)

mỗi khoản nợ tối đa 06 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn và được ghi trên từng Giấy nhận nợ. Lãi suất cho vay được ghi trên từng Giấy nhận nợ.

(2) Khoản vay ngân hàng TMCP Phát Triển TP.Hồ Chí Minh theo Hợp đồng cấp tín dụng số 24894/23MN/HĐTD ngày 27 tháng 9 năm 2023. Mục đích sử dụng vốn để tài trợ các nhu cầu tín dụng ngân hàng hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng không bao gồm nhu cầu ngân hàng phục vụ cho hoạt động đầu tư tài sản cố định. Hạn mức cho vay 100.000.000.000 VNĐ. Thời hạn cho vay của mỗi khoản nợ tối đa 06 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn và được ghi trên từng Giấy nhận nợ. Lãi suất cho vay được ghi trên từng Giấy nhận nợ.

(3) Khoản vay ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam theo Hợp đồng cấp tín dụng số 1290/2024/6965706/HĐTD ngày 30 tháng 05 năm 2024. Mục đích sử dụng vốn để tài trợ các nhu cầu tín dụng ngân hàng hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng không bao gồm nhu cầu ngân hàng phục vụ cho hoạt động đầu tư tài sản cố định. Hạn mức cho vay 200.000.000.000 VNĐ. Thời hạn cho vay của mỗi khoản nợ tối đa 06 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn và được ghi trên từng Giấy nhận nợ. Lãi suất cho vay được ghi trên từng Giấy nhận nợ.

(4) Khoản vay ngân hàng TMCP Sài Gòn-Hà Nội-Chi nhánh Hàn Thuyên theo Hợp đồng cấp tín dụng số 0003/2024/HDHM-PN/SHB.111500 ngày 10 tháng 1 năm 2024. Mục đích sử dụng vốn để tài trợ các nhu cầu tín dụng ngân hàng hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng không bao gồm nhu cầu ngân hàng phục vụ cho hoạt động đầu tư tài sản cố định. Hạn mức cho vay 80.000.000.000 VNĐ. Thời hạn cho vay của mỗi khoản nợ tối đa 09 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn và được ghi trên từng Giấy nhận nợ. Lãi suất cho vay được ghi trên từng Giấy nhận nợ.

(5) Khoản vay ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam theo Hợp đồng cấp tín dụng số TBN2022530494/001 và phụ lục số TBN2022530494/HĐCTD/PLHM-1799174 ngày 17 tháng 4 năm 2024. Mục đích sử dụng vốn để tài trợ các nhu cầu tín dụng ngân hàng hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng không bao gồm nhu cầu ngân hàng phục vụ cho hoạt động đầu tư tài sản cố định. Hạn mức cho vay 190.000.000.000 VNĐ. Thời hạn cho vay của mỗi khoản nợ tối đa 06 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn và được ghi trên từng Giấy nhận nợ. Lãi suất cho vay được ghi trên từng Giấy nhận nợ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 AI Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II, 2024**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý II năm 2024 (tiếp theo)**

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Ngày 30 tháng 06 năm 2024
Vay ngắn hạn ngân hàng					
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Khoản vay của Công ty Cổ phần Tập đoàn Cơ khí Công nghệ cao Siba	-	12.821.337.881		(9.024.456.741)	3.796.881.140
Ngân hàng TMCP Phát Triển TP Hồ Chí Minh - Khoản vay của Công ty Cổ phần Tập đoàn Cơ khí Công nghệ cao Siba	5.980.191.588	5.035.913.087		(9.960.538.133)	1.055.566.542
Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - Khoản vay của Công ty Cổ phần Tập đoàn Cơ khí Công nghệ cao Siba	40.405.086.250	148.752.093.872	-	(118.691.396.017)	70.465.784.105
Ngân Hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hà Nội - Khoản vay của Công ty Cổ phần Tập Đoàn Cơ Khí Công Nghệ Cao Siba	-	9.256.360.421	-	-	9.256.360.421
Ngân Hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - Khoản vay của Công ty Cổ phần Tập đoàn Cơ Khí Công nghệ cao Siba		474.660.000			474.660.000
Vay dài hạn đến hạn trả					
Ngân Hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hà Nội - Khoản vay của Công ty Cổ phần Tập đoàn Cơ Khí Công nghệ cao Siba	20.255.304.000	-	10.127.652.000	(10.127.652.000)	20.255.304.000
Ngân Hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hà Nội - Khoản vay của Công ty TNHH MTV Năng lượng sạch Vmecco Bạc Liêu	888.790.000	-	444.335.000	(444.335.000)	888.790.000
Cộng	67.529.371.838	176.340.365.261	10.571.987.000	(148.248.377.891)	106.193.346.200

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II.2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý II năm 2024 (tiếp theo)

b) Dài hạn

	Ngày 30 tháng 06 năm 2024		Ngày 31 tháng 12 năm 2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các bên liên quan</i>				
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Xây Dựng SIBACONS - Khoản vay của Công ty Cổ phần Tập đoàn Cơ khí Công nghệ cao Siba (*)</i>	53.244.476.707	53.244.476.707	62.115.796.532	62.115.796.532
<i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>				
<i>Vay dài hạn ngân hàng</i>	53.244.476.707	53.244.476.707	61.429.998.136	61.429.998.136
<i>Ngân Hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hà Nội - Khoản vay của Công ty Cổ phần Tập đoàn Cơ khí Công nghệ cao Siba (**)</i>	51.458.084.730	51.458.084.730	55.875.060.636	55.875.060.636
<i>Ngân Hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hà Nội - Khoản vay của Công ty TNHH MTV Năng lượng sạch Vinco Bạc Liêu (***)</i>	50.858.011.136	50.858.011.136	5.554.937.500	5.554.937.500
<i>Nợ thuê tài chính</i>	45.747.408.636	45.747.408.636	685.798.396	685.798.396
<i>Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Challenger</i>			600.073.594	600.073.594
Cộng	104.702.561.437	104.702.561.437	62.115.796.532	62.115.796.532

(*) Là khoản vay Công ty Cổ phần Đầu tư Xây Dựng SIBACONS theo các Hợp đồng sau:

+ Hợp đồng cho vay số 090622/HĐV-SB-SBC ngày 09/6/2022. Số tiền vay 43.000.000.000 VND. Thời hạn vay 24 tháng, tiền lãi được trả vào ngày kết thúc thời hạn vay.

+ Hợp đồng cho vay số 270622/HĐV-SB-SBC ngày 27/6/2022. Số tiền vay 4.900.000.000 VND, Thời hạn vay 24 tháng, tiền lãi được trả vào ngày kết thúc thời hạn vay.

+ Hợp đồng cho vay số 291222/HĐV-SB-SBC ngày 29/12/2022. Số tiền vay 12.000.000.000 VND. Thời hạn vay 24 tháng, tiền lãi được trả vào ngày kết thúc thời hạn vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II.2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý II năm 2024 (tiếp theo)

(**) Là khoản vay của Công ty Cổ phần Tập đoàn Cơ khí Công nghệ cao Siba theo hợp đồng số 0006/2020/HĐTĐTDH-PN/SHB.111500 ngày 12 tháng 02 năm 2020 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn - Hà Nội – Chi nhánh Hàn Thủyên. Số tiền cho vay: 147.000.000,000 VNĐ (Bằng chữ: Một trăm bốn mươi bảy tỷ đồng). Mục đích sử dụng vốn vay: Cho vay, mở L/C nhập khẩu Máy móc thiết bị (MMTB), bảo lãnh phục vụ đầu tư dự án: “Nhà máy cơ khí công nghiệp hỗ trợ công nghệ cao” tại Khu công nghiệp Trà Kha, phường 8, Thành phố Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu. Thời hạn vay 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất được quy định cụ thể trong từng kế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo gồm :

+ Tài sản bảo đảm 1: Bên thế chấp tự nguyện thế chấp tài sản thuộc sở hữu của mình là: Toàn bộ các công trình xây dựng là tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai thuộc dự án nhà máy cơ khí công nghiệp hỗ trợ công nghệ cao VMECO được xây dựng tại thửa đất số 177; tờ bản đồ số 23 tại Khu Công nghiệp Trà Kha, phường 8, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu. Diện tích lô đất sử dụng: 14.100,91 m² (Bằng chữ: Mười bốn nghìn một trăm bảy chín mét vuông) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CS 002425; do UBND tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 26/06/2019. Giá trị định giá: 60.893.000.000 đồng theo biên bản xác định giá trị bất động sản ngày 12/02/2020.

+ Tài sản bảo đảm 2: Bên thế chấp tự nguyện thế chấp tài sản thuộc sở hữu của mình là toàn bộ hệ thống MMTB dây chuyền sản xuất hình thành trong tương lai thuộc dự án nhà máy cơ khí công nghiệp hỗ trợ công nghệ cao theo hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 0006/2020/HĐTCTL-PN/SHB.111500 ngày 14/02/2020. Giá trị tài sản thế chấp là 161.285.484.582 đồng

(***) Là khoản vay của Công ty TNHH MTV Năng lượng sạch Vmecco Bạc Liêu theo Hợp đồng tín dụng trung và dài hạn số 0028/2021/HĐTĐTDH-PN/SHB.111500 ngày 05 tháng 02 năm 2021 tại Ngân Hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hàn Thủyên, số tiền vay là 9.950.000.000 VNĐ, mục đích vay thực hiện dự án “Đầu tư khai thác điện mặt trời mái nhà VMECO Bạc Liêu 1” tại khu công nghiệp Trà Kha, phường 8, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu, thời hạn vay 120 tháng kể từ ngày giải ngân vốn đầu tiên, lãi suất quy định cụ thể trong từng kế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo bao gồm:

+ Tài sản đảm bảo 1: Toàn bộ hệ thống máy móc thiết bị thuộc dự án “Đầu tư khai thác điện mặt trời mái nhà VMECO Bạc Liêu 1” tại khu công nghiệp Trà Kha, phường 8, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu theo hợp đồng kinh tế số 0709/2020/HĐ-VMECO-NSL.VBL ký ngày 07 tháng 09 năm 2020, phụ lục hợp đồng số 03 ký ngày 17 tháng 12 năm 2020 giữa Công ty TNHH năng lượng sạch VMECO Bạc Liêu và Công ty Cổ phần cơ khí môi trường Việt Nam (nay đổi tên thành Công ty Cổ phần tập đoàn cơ khí công nghệ cao Siba), hóa đơn giá trị gia tăng ký hiệu VN/19P, số 0000174 ngày 14 tháng 01 năm 2021. Giá trị tài sản đảm bảo là 13.919.000.000 VNĐ.

+ Tài sản đảm bảo 2: Quyền đòi nợ phát sinh từ Hợp đồng mua bán điện cho hệ thống điện mặt trời trên mái nhà số 20000855/HĐMTAM-2020 ký ngày 29 tháng 12 năm 2020 giữa Công ty TNHH Năng lượng sạch VMECO Bạc Liêu và Tổng công ty điện lực Miền Nam TNHH.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 AI Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II.2024**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý II năm 2024 (tiếp theo)**

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Kết chuyển do thay đổi hình thức sở hữu công ty	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	Ngày 30 tháng 06 năm 2024
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các bên liên quan					
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Xây Dựng SIBACONS</i>		53.244.476.707			53.244.476.707
Vay dài hạn ngân hàng					
<i>Ngân Hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hàn Thủyên - Khoản vay của Công ty Cổ phần Tập đoàn Cơ khí Công nghệ cao Siba</i>	55.875.060.636	-	-	(10.127.652.000)	45.747.408.636
<i>Ngân Hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hàn Thủyên - Khoản vay của Công ty TNHH MTV Năng lượng sạch Vmecco Bạc Liêu</i>	5.554.937.500	-	-	(444.335.000)	5.110.602.500
Nợ thuê tài chính					
<i>Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease</i>	685.798.396	-	(85.724.802)	-	600.073.594
Cộng	62.115.796.532	53.244.476.707	(85.724.802)	(10.571.987.000)	104.702.561.437

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II.2024**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý II năm 2024 (tiếp theo)****17. Vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích Cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số đầu năm trước	250.000.000.000	79.824.500.000	56.287.460.606	12.203.712.154	398.315.672.760
Tăng trong năm do hợp nhất	-	-	-	-	-
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	32.275.914.274	268.010.016	32.543.924.290
Số dư cuối năm trước	250.000.000.000	79.824.500.000	88.563.374.880	12.471.722.170	430.859.597.050
Số dư đầu năm nay	250.000.000.000	79.824.500.000	88.563.374.880	12.471.722.170	430.859.597.050
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	11.024.297.133	166.010.885	11.190.308.018
Điều chỉnh LICDKKS do thoái vốn				(12.637.733.055)	(12.637.733.055)
Số dư cuối kỳ này	250.000.000.000	79.824.500.000	99.587.672.013	-	429.412.172.013

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu tại ngày 30/06/2024

	Ngày 30 tháng 06 năm 2024	Tỷ lệ	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Tỷ lệ
Công ty Cổ phần Siba Holdings	139.000.000.000	55,60%	139.000.000.000	55,60%
Ông Nguyễn Văn Đức	15.156.690.000	6,06%	15.150.000.000	6,06%
Bà Phan Hồng Vân	7.600.000.000	3,04%	7.600.000.000	3,04%
Các đối tượng khác	88.243.310.000	35,30%	88.250.000.000	35,30%
Cộng	250.000.000.000	100%	250.000.000.000	100%

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01.01.2024 Tới 30.06.2024	Từ 01.01.2023 Tới 30.06.2023
Doanh thu bán hàng hóa	1.488.534.984.850	1.942.450.922.250
Doanh thu cung cấp dịch vụ	388.090.599.129	346.440.616.662
Doanh thu bán điện	762.492.202	763.492.000
Cộng	1.877.388.076.181	2.289.655.030.912

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II 2024**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý II năm 2024 (tiếp theo)****2. Giá vốn hàng bán**

	Từ 01.01.2024 Tới 30.06.2024	Từ 01.01.2023 Tới 30.06.2023
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.485.878.003.350	1.936.430.965.320
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	348.916.245.491	304.048.129.054
Giá vốn bán điện	219.431.153	219.431.151
Cộng	1.835.013.679.994	2.240.698.525.525

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01.01.2024 Tới 30.06.2024	Từ 01.01.2023 Tới 30.06.2023
Lãi tiền gửi, ký quỹ	379.331.944	645.361.500
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	6.288.194
Doanh thu tài chính khác		347.750
Cộng	379.331.944	651.997.444

4. Chi phí tài chính

	Từ 01.01.2024 Tới 30.06.2024	Từ 01.01.2023 Tới 30.06.2023
Chi phí lãi vay	6.938.624.070	9.225.671.409
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	492.180.904	47.314.093
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(322.562.210)	90.028.859
Chi phí tài chính khác	2.550.932.223	55.000
Cộng	9.659.174.987	9.363.069.361

5. Chi phí bán hàng

	Từ 01.01.2024 Tới 30.06.2024	Từ 01.01.2023 Tới 30.06.2023
Chi phí cho nhân viên	5.734.975.475	5.116.643.697
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	129.449.147	37.397.746
Chi phí dịch vụ mua ngoài	999.629.431	677.635.510
Các chi phí khác	201.512.839	201.627.402
Cộng	7.065.566.892	6.033.304.355

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01.01.2024 Tới 30.06.2024	Từ 01.01.2023 Tới 30.06.2023
Chi phí cho nhân viên	6.603.062.727	6.366.269.643
Chi phí đồ dùng văn phòng	169.355.368	227.142.047
Chi phí khấu hao tài sản cố định	795.227.897	164.789.483
Thuế, phí và lệ phí	887.049.558	590.932.842
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.150.905.428	3.320.308.120
Các chi phí khác	1.459.955.235	836.243.063
Cộng	13.065.556.213	11.505.685.198

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II.2024**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý II năm 2024 (tiếp theo)****7. Thu nhập khác**

	Từ 01.01.2024 Tới 30.06.2024	Từ 01.01.2023 Tới 30.06.2023
Chiết khấu	5.516.330	-
Xử lý công nợ	23.052.251	7.558.414
Phạt vi phạm hợp đồng	60.534.545	-
Thu nhập khác	5.997.812	12.050.296
Cộng	95.100.938	19.608.710

8. Chi phí khác

	Từ 01.01.2024 Tới 30.06.2024	Từ 01.01.2023 Tới 30.06.2023
Tiền phạt chậm nộp	6.392.424	-
Chi phí khác	235.186.802	9.011.762
Xử lý công nợ	125.070	-
Cộng	241.704.296	9.011.762

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II 2024**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý II năm 2024 (tiếp theo)****9. Chi phí thuế TNDN hiện hành**

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Từ 01.01.2024
	Tới 30.06.2024
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	12.816.826.681
Điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán	4.015.156.092
Thu nhập chịu thuế	16.831.982.773
<i>Thu nhập chịu thuế của hoạt động chịu thuế suất 10%</i>	<i>188.910.376</i>
<i>Thu nhập chịu thuế của hoạt động chịu thuế suất 17%</i>	<i>15.014.101.176</i>
<i>Thu nhập chịu thuế của hoạt động chịu thuế suất 20%</i>	<i>1.628.971.221</i>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	2.897.125.534
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	(1.295.089.637)
Tổng chi phí thuế TNDN còn phải nộp	1.602.035.897

VII. GIAO DỊCH VỚI BÊN LIÊN QUAN

Các bên liên quan khác với Doanh nghiệp gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần SIBA HOLDINGS	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Long	Ông Trương Sỹ Bá là Chủ tịch HĐQT của Công ty Cổ phần Siba Holdings đồng thời là Chủ tịch HĐQT của Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Long
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Sibacons	Công ty cùng Tập đoàn
Công Ty TNHH Phân Bón Hữu Cơ Vi Sinh Baf	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Nông Nghiệp BAF Việt Nam	Công ty cùng Tập đoàn
Công Ty TNHH Đầu Tư Trang Trại Xanh 1	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Đầu tư Trang trại xanh 2	Công ty cùng Tập đoàn
Công Ty TNHH Anh Vũ Phú Yên	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Sản xuất thương mại dịch vụ Bắc An Khánh	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Chăn Nuôi Bảo Ngọc	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Công nghệ cao Hải Đăng Tây Ninh	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Đông An Khánh	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Chăn nuôi Nam An Khánh	Công ty cùng Tập đoàn
Công Ty Cổ Phần Thức Ăn Chăn Nuôi BAF Tây Ninh	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH SX TM DV Chăn Nuôi Minh Thành	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH sản xuất Thương mại dịch vụ Tầm Hưng	Công ty cùng Tập đoàn

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ
CÔNG NGHỆ CAO SIBA**

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT PHÁT HÀNH
CỔ PHIẾU TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ TỪ 150 TỶ ĐỒNG LÊN 250 TỶ ĐỒNG**

Từ ngày 21 tháng 12 năm 2022 đến ngày 07 tháng 3 năm 2023 đã được kiểm toán bởi
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT



MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
Báo cáo Kiểm toán độc lập	5 - 6
Thuyết minh Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 150 tỷ đồng lên 250 tỷ đồng	7-16
Phụ lục 1: Chi tiết tình hình sử dụng vốn thu từ đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ tại Ngân hàng TMCP Quân đội - Sở giao dịch 2	17-19



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn cơ khí công nghệ cao Siba trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 150 tỷ đồng lên 250 tỷ đồng trong giai đoạn từ ngày 21 tháng 12 năm 2022 đến ngày 07 tháng 3 năm 2023.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Tập đoàn cơ khí công nghệ cao Siba được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0313140100 đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 02 năm 2015. Trong quá trình hoạt động, công ty đã 10 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp về tên công ty, địa chỉ, chủ sở hữu và vốn điều lệ. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 10 số 0313140100 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03 tháng 01 năm 2023 về tăng vốn điều lệ.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 10: 250.000.000.000 VND.

Vốn điều lệ thực góp tại thời điểm 31/12/2022: 250.000.000.000 VND

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại : 028.3811.0480
Mã số thuế : 03 13 14 0 1 0 0

Ngành nghề kinh doanh chính:

- Thương mại nông sản;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại

Tình hình sử dụng vốn

Tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 150 tỷ đồng lên 250 tỷ đồng trong giai đoạn từ ngày 21 tháng 12 năm 2022 đến ngày 07 tháng 3 năm 2023 được trình bày trong báo cáo cáo tình hình sử dụng vốn đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 19).

Sự kiện phát sinh sau ngày tăng vốn

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào khác xảy ra sau ngày 07 tháng 3 năm 2023 cho đến thời điểm lập Báo cáo tình hình sử dụng vốn này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tình hình sử dụng vốn.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Nguyễn Văn Phú	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 01 năm 2022
Ông Nguyễn Văn Đức	Thành viên	
Bà Phan Hồng Vân	Thành viên	
Ông Phan Lê Hoàng Trung	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 01 năm 2022
Ông Trần Ngọc Long	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 01 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	
Ông Nguyễn Văn Đức	Tổng Giám đốc	
Ông Phan Lê Hoàng Trung	Phó Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 17 tháng 01 năm 2022

Ban kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	
Bà Lê Thị Xuân Đức	Trưởng BKS	Bỏ nhiệm ngày 06 tháng 3 năm 2022
Ông Vũ Nam Anh	Trưởng BKS	Bỏ nhiệm ngày 17 tháng 01 năm 2022 Miễn nhiệm ngày 06 tháng 3 năm 2022
Bà Nguyễn Thị Lệ Thương	Thành viên BKS	Bỏ nhiệm ngày 17 tháng 01 năm 2022
Ông Đào Đức Tuấn	Thành viên BKS	Bỏ nhiệm ngày 17 tháng 01 năm 2022

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt đã thực hiện các thủ tục thỏa thuận trước với Công ty Cổ phần Tập đoàn cơ khí công nghệ cao Siba liên quan tới Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 150 tỷ đồng lên 250 tỷ đồng trong giai đoạn từ ngày 21 tháng 12 năm 2022 đến ngày 07 tháng 3 năm 2023.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 150 tỷ đồng lên 250 tỷ đồng trong giai đoạn từ ngày 21 tháng 12 năm 2022 đến ngày 07 tháng 3 năm 2023 phản ánh trung thực và hợp lý tình hình sử dụng vốn thu được từ phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 150 tỷ đồng lên 250 tỷ đồng. Trong việc lập Báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty phải:

- Tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp; Luật Chứng khoán; Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông của Công ty và các văn bản pháp lý liên quan khác đối với hoạt động của Công ty Cổ phần đại chúng trong lĩnh vực chứng khoán;
- Cam kết thực hiện đúng và đầy đủ nội dung của Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp liên quan đến trình tự đăng ký và thay đổi Vốn Điều lệ của Công ty và các quy chế quản trị nội bộ áp dụng cho Công ty Cổ phần đại chúng;
- Chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 150 tỷ đồng lên 250 tỷ đồng phản ánh trung thực và hợp lý số vốn điều lệ tăng và việc sử dụng số tiền thu được từ việc tăng vốn góp phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành liên quan đối với việc tăng vốn điều lệ và tình hình sử dụng số vốn thu được từ phát hành cổ phiếu trong Công ty Cổ phần.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình sử dụng vốn thu được từ phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Số : 0803.03/2023/BCSDV - NV12

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
Về Báo cáo tình hình sử dụng vốnKính gửi : **Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Tập đoàn cơ khí công nghệ cao Siba

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 150 tỷ đồng lên 250 tỷ đồng trong giai đoạn từ ngày 21 tháng 12 năm 2022 đến ngày 07 tháng 3 năm 2023 của Công ty Cổ phần Tập đoàn cơ khí công nghệ cao Siba, được lập ngày 20 tháng 3 năm 2023 từ trang 07 đến trang 19 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn cơ khí công nghệ cao Siba chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tình hình sử dụng vốn của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng vốn và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng vốn không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tình hình sử dụng vốn dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, yêu cầu lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tình hình sử dụng vốn không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu trên Báo cáo tình hình sử dụng vốn. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tình hình sử dụng vốn do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng vốn trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tình hình sử dụng vốn. Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Các thủ tục mà chúng tôi thực hiện không hình thành một cuộc kiểm toán hoặc soát xét báo cáo tài chính theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam hoặc chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét và do đó sẽ không đưa ra bất kỳ sự đảm bảo nào của chúng tôi về tổng thể báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn cơ khí công nghệ cao Siba.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tình hình sử dụng vốn đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý thông tin về việc sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 150 tỷ đồng lên 250 tỷ đồng trong giai đoạn từ ngày 21 tháng 12 năm 2022 đến ngày 07 tháng 3 năm 2023 của Công ty Cổ phần Tập đoàn cơ khí công nghệ cao Siba, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng vốn.

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2023.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Hạnh
GCNĐKHNKT số: 1690-2023-124-1

Kiểm toán viên

Phạm Văn Tuấn
GCNĐKHNKT số: 4497-2023-124-1

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ
ĐỢT PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ
TỪ 150 TỶ ĐỒNG LÊN 250 TỶ ĐỒNG**

trong giai đoạn từ ngày 21 tháng 12 năm 2022 đến ngày 07 tháng 3 năm 2023

1. KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

1. Hình thức sở hữu vốn : Công ty Cổ phần
2. Lĩnh vực kinh doanh : Thương mại, dịch vụ, sản xuất
3. Ngành nghề kinh doanh :
Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty trong năm báo gồm:
- Thương mại nông sản;
Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại./.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường
Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của công ty không quá 12 tháng

5. Nhân viên:
Tại ngày 07/3/2022, Doanh nghiệp có 115 nhân viên đang làm việc.

6. Cấu trúc Công ty
Các Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính	Tỷ lệ vốn góp thực tế	Tỷ lệ theo Giấy CNDKKD
Công Ty TNHH MTV Năng Lượng Sạch VMECO Bạc Liêu	Lô E9, Khu công nghiệp Trà Kha, Phường 8, Thành phố Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu, Việt Nam	Sản xuất điện	100%	100%
Công Ty TNHH MTV Năng Lượng Sạch VMECO Đồng Tháp	Đường ven Sông Hậu, Ấp An Ninh, Xã Định An, Huyện Lấp Vò, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam	Sản xuất điện	100%	100%
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Sibacoms	Số 2, đường 8A, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Thương mại, dịch vụ, sản xuất, xây dựng	80%	80%

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ TỪ 150 TỶ ĐỒNG LÊN 250 TỶ ĐỒNG

Trong giai đoạn từ ngày 21 tháng 12 năm 2022 đến ngày 07 tháng 3 năm 2023 (tiếp theo)

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU

Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 150 tỷ đồng lên 250 tỷ đồng trong giai đoạn từ ngày 21 tháng 12 năm 2022 đến ngày 07 tháng 3 năm 2023 của Công ty được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành liên quan trong việc tăng vốn Điều lệ và tình hình sử dụng vốn thu được từ phát hành cổ phiếu trong Công ty Cổ phần.

Số tiền sử dụng vốn được ghi nhận trên cơ sở số tiền thực chi từ ngày 21 tháng 12 năm 2022 đến ngày 07 tháng 3 năm 2023, căn cứ theo Giấy Báo cáo, Xác nhận số dư tiền gửi Ngân hàng, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và các tài liệu pháp lý có liên quan.

III. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG BÁO CÁO

Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 150 tỷ đồng lên 250 tỷ đồng trong giai đoạn từ ngày 21 tháng 12 năm 2022 đến ngày 07 tháng 3 năm 2023 được lập chỉ nhằm mục đích báo cáo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam. Vì thế Báo cáo này không phù hợp để sử dụng vào mục đích nào khác.

IV. BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

1. Thông tin về tăng vốn điều lệ

a. Phương án:

➤ Nghị quyết đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn cơ khí công nghệ cao Siba số 15.04.2022/NQ-DHĐCĐ ngày 15 tháng 4 năm 2022 đã thông qua phương án chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng với nội dung cụ thể như sau:

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Cơ khí Công nghệ cao Siba;
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông;
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu;
- Tổng số cổ phần dự kiến chào bán: 10.000.000 cổ phiếu;
- Giá trị phát hành tính theo mệnh giá: 100.000.000.000 VND (Một trăm tỷ đồng);
- Giá chào bán: 15.000 đồng/cổ phiếu;
- Phương thức chào bán: Chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng để trở thành công ty đại chúng, đồng thời huy động thêm vốn cho tổ chức phát hành;
- Đối tượng chào bán: Nhà đầu tư là tổ chức, cá nhân có nhu cầu mua cổ phần của Công ty Cổ phần Tập đoàn Cơ khí Công nghệ cao Siba
- Vốn điều lệ sau khi chào bán: 250.000.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi tỷ đồng);
- Tổng số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán: 150.000.000.000 (một trăm năm mươi tỷ đồng);
- Hạn chế chuyển nhượng: Cổ phiếu phát hành ra công chúng không bị hạn chế chuyển nhượng;
- Phương thức phân phối: Thông qua đại lý phát hành;
- Đại hội đồng cổ đông giao ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện triển khai phương án phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng theo chủ trương của Đại hội đồng cổ đông đã thông qua phù hợp với tình hình thị trường chứng khoán và nhu cầu vốn của Công ty;

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU TĂNG VỐN**ĐIỀU LỆ TỪ 150 TỶ ĐỒNG LÊN 250 TỶ ĐỒNG**

Trong giai đoạn từ ngày 21 tháng 12 năm 2022 đến ngày 07 tháng 3 năm 2023 (tiếp theo)

- Phương án sử dụng vốn từ đợt chào bán
- Tổng số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán cổ phiếu là 150.000.000.000 đồng sẽ được sử dụng theo các phương án như sau:

STT	Phương án sử dụng vốn	Giá trị (VND)	Thời gian dự kiến thực hiện
1	Thanh toán công nợ phải trả cho nhà cung cấp	80.000.000.000	Quý 3/2022
2	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty	40.000.000.000	Quý 3 - 4/2022
3	Trả tiền thuê đất	30.000.000.000	Quý 3 - 4/2022
	Tổng tiền đầu tư	150.000.000.000	

Trong trường hợp số tiền thu được không đủ để sử dụng cho toàn bộ mục đích nêu trên thì Công ty sẽ ưu tiên sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán cho các mục đích nêu trên lần lượt theo thứ tự từ (1) đến (3)

Trong trường hợp không huy động đủ số tiền nêu trên thì Công ty sẽ bổ sung nguồn vốn lưu động từ nguồn khác của Công ty (ví dụ tiền, các khoản nợ phải thu, vay ngân hàng...) đảm bảo thanh toán đầy đủ, đúng hạn các nghĩa vụ tài chính của Công ty theo đúng quy định của pháp luật. Căn cứ vào tình hình thực tế, Hội đồng quản trị Công ty có thể tiến hành điều chỉnh kế hoạch sử dụng vốn nêu trên nếu thấy cần thiết đảm bảo đúng quy định của pháp luật, đúng mục đích đã được ĐHĐCĐ thông qua và công bố thông tin theo quy định của pháp luật. Hội đồng quản trị sẽ thực hiện báo cáo cổ đông tại kỳ Đại hội gần nhất đối với trường hợp điều chỉnh phương án sử dụng vốn.

Đại Hội đồng Cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị xây dựng phương án sử dụng vốn chi tiết nhằm đảm bảo tối đa hiệu quả sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán.

- Theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn cơ khí công nghệ cao Siba số 27.06.2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 6 năm 2022; Nghị quyết Hội đồng quản trị 30.06.2022/NQ-HĐQT ngày 30 tháng 6 năm 2022 thông qua việc điều chỉnh, chi tiết phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng. Cụ thể:

STT	Phương án sử dụng vốn	Giá trị (VND)	Thời gian dự kiến thực hiện
1	Thanh toán công nợ phải trả cho nhà cung cấp	80.000.000.000	Quý 3/2022
2	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty	45.000.000.000	Quý 3/2022 - 1/2023
3	Trả tiền thuê đất	25.000.000.000	Quý 4/2022 - 2/2023
	Tổng tiền đầu tư	150.000.000.000	

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU TĂNG VỐN
ĐIỀU LỆ TỪ 150 TỶ ĐỒNG LÊN 250 TỶ ĐỒNG**

Trong giai đoạn từ ngày 21 tháng 12 năm 2022 đến ngày 07 tháng 3 năm 2023 (tiếp theo)

Phương án sử dụng vốn chi tiết nhằm đảm bảo tối đa hiệu quả sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán:

1. Thanh toán công nợ phải trả cho nhà cung cấp, cụ thể: Thanh toán công nợ phải trả về mua nông sản cho Công ty cổ phần nông nghiệp Kiến Nông:

- Căn cứ hợp đồng mua bán hàng hóa số: 2803-2022/KN-SIBA/20K ngày 28/03/2022 kèm theo biên bản bàn giao hàng hóa, hóa đơn GTGT.
- Căn cứ biên bản xác nhận công nợ ngày 25/4/2022: Công ty cổ phần Tập đoàn Cơ khí công nghệ cao Siba đang còn nợ số tiền phải trả là: 166.607.560.000 đồng. Hạn thanh toán công nợ là 120 ngày kể từ ngày hoàn thành bàn giao hàng hóa.
- Mọi quan hệ giữa Công ty và các bên trong hợp đồng: các bên trong hợp đồng không có mối quan hệ với người nội bộ, cổ đông lớn, người có liên quan của người nội bộ, cổ đông lớn của Công ty.
- HĐQT thống nhất thanh toán công nợ phải trả cho Công ty với số tiền: 80.000.000.000 đồng bằng nguồn vốn thu được từ đợt phát hành.
- Thời gian dự kiến thanh toán: Quý 3/2022.

2. Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty, cụ thể: Bổ sung vốn để thanh toán cho nhà thầu phụ để thực hiện hợp đồng Trung tâm heo giống bố mẹ theo Hợp đồng số số 07/2022/ĐAK-AD ngày 01/03/2022 giữa CTCP Tập đoàn cơ khí công nghệ cao Siba và Công ty cổ phần cơ khí xây dựng Thương mại và Dịch vụ Ánh Dương:

- Căn cứ Hợp đồng tổng thầu để thực hiện cung cấp, thi công xây dựng thuộc dự án Trung tâm heo giống bố mẹ theo Hợp đồng số 70/2021/SYBA-ĐAK ngày 13/10/2021 giữa CTCP Tập đoàn cơ khí công nghệ cao Siba và Công ty TNHH sản xuất thương mại dịch vụ Đông An Khánh, trong đó Công ty sẽ là tổng thầu, phụ trách thực hiện toàn bộ phần cung cấp thiết bị, máy móc; giám sát, thi công hoàn thiện; vận hành thử nghiệm, vận hành chính thức và nghiệm thu bàn giao. Tổng giá trị hợp đồng là 229.550.000.000 đồng.
- Căn cứ hợp đồng số 07/2022/ĐAK-AD ngày 01/03/2022 giữa CTCP Tập đoàn cơ khí công nghệ cao Siba và Công ty cổ phần cơ khí xây dựng Thương mại và Dịch vụ Ánh Dương, trong đó Công ty Ánh Dương là nhà thầu phụ, thực hiện thi công gói thầu: Xây dựng, hoàn thiện các hạng mục công trình, cơ sở hạ tầng, hệ thống điện nước bên trong và bên ngoài thuộc dự án. Giá trị gói thầu: 79.274.545.455 đồng.
- Mọi quan hệ giữa Công ty và các bên trong hợp đồng: các bên trong hợp đồng không có mối quan hệ với người nội bộ, cổ đông lớn, người có liên quan của người nội bộ, cổ đông lớn của Công ty.
- Công ty sẽ dùng 45.000.000.000 đồng để bổ sung vốn triển khai hợp đồng Trung tâm heo giống bố mẹ, cụ thể: Thanh toán tiền chi phí xây dựng phát sinh cho nhà thầu phụ theo hợp đồng 07/2022/ĐAK-AD ngày 01/03/2022 giữa CTCP Tập đoàn cơ khí công nghệ cao Siba và Công ty cổ phần cơ khí xây dựng Thương mại và Dịch vụ Ánh Dương.
- Thời gian dự kiến thanh toán: Từ Quý 3/2022 đến Quý 1/2023
- Tiến độ thực hiện hợp đồng xây dựng trung tâm heo giống: Công ty đã ký kết hợp đồng xây lắp, tạm ứng và đơn vị nhận thầu đang triển khai việc xây dựng. Tính đến thời điểm hiện tại, Dự án đã được khởi công và Chủ đầu tư là Công ty TNHH sản xuất thương mại dịch vụ Đông An Khánh đã

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ TỪ 150 TỶ ĐỒNG LÊN 250 TỶ ĐỒNG

Trong giai đoạn từ ngày 21 tháng 12 năm 2022 đến ngày 07 tháng 3 năm 2023 (tiếp theo)

thực hiện tạm ứng đầy đủ 62,6 tỷ đồng cho Công ty. Toàn bộ số tiền này sẽ được Công ty sử dụng để thanh toán cho các nhà cung cấp về trang thiết bị, máy móc và nguyên liệu để chế tạo hệ thống cơ khí phục vụ cho dự án. Về phần xây dựng do nhà thầu phụ đảm nhận, Công ty đã thanh toán phí xây dựng cho nhà thầu phụ với số tiền 14,5 tỷ đồng. Dự kiến dự án sẽ được hoàn thành và bàn giao vào tháng Quý 1/2023, chi phí phát sinh từ hoạt động xây dựng và cơ khí sẽ được Công ty chủ động thanh toán từ nguồn vốn thu được từ đợt chào bán và các nguồn vốn khác.

3. Trả tiền thuê đất:

- Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 8353128311 cấp ngày 01/03/2022 do Ban Quản lý các khu công nghiệp Bà Rịa - Vũng Tàu. Tên dự án: Nhà máy Cơ khí Công nghệ cao Siba Bà Rịa - Vũng Tàu. Tổng mức đầu tư: 551.412.677.000 đồng. Thời gian dự kiến triển khai xây dựng dự án: Tháng 5/2022.
- Căn cứ Hợp đồng thuê lại đất tại khu Công nghiệp Châu Đức số: 87/HBTĐ-SZC-KD ngày 20/04/2022 giữa Công ty cổ phần Tập đoàn Cơ khí công nghệ cao SIBA và CTCP Sonadezi Châu Đức để thực hiện dự án đầu tư: Cơ khí Công nghệ cao Siba Bà Rịa - Vũng Tàu. Tổng giá trị hợp đồng là 46.873.804.250 đồng.
- Thông tin đất thuê:
 - + Tổng diện tích đất cho thuê lại: 29.434,1 m².
 - + Lô đất số: Một phần lô đất số 28.
 - + Địa chỉ: Khu công nghiệp Châu Đức, Huyện Châu Đức, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.
 - + Thời hạn CTCP Sonadezi Châu Đức được phép cho thuê lại đất tại Khu công nghiệp Châu Đức là 50 (năm mươi) năm tính từ tháng 10 năm 2008 đến tháng 10 năm 2058.
 - + Thời hạn SBG được thuê lại đất và sử dụng hạ tầng tại Khu công nghiệp Châu Đức tính từ ngày ký kết Hợp đồng này cho đến tháng 10 năm 2058.
- Mối quan hệ giữa Công ty và các bên trong hợp đồng: các bên trong hợp đồng không có mối quan hệ với người nội bộ, cổ đông lớn, người có liên quan của người nội bộ, cổ đông lớn của Công ty.
- Tiến độ thực hiện Hợp đồng của SBG: Hiện tại, SBG tiến hành đặt cọc giữ đất với số tiền 691.000.000 VND và thanh toán đợt 1 tiền thuê đất.
- Kế hoạch sử dụng tiền: Công ty sẽ dùng 25.000.000.000 đồng thực hiện thanh toán đợt 3 và đợt 4 theo nội dung hợp đồng.
- Thời gian dự kiến thanh toán: Từ Quý 4/2022 đến Quý 2/2023

Trong trường hợp số tiền thu được không đủ để sử dụng cho toàn bộ mục đích nêu trên thì Công ty sẽ ưu tiên sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán cho các mục đích nêu trên lần lượt theo thứ tự từ (1) đến (3).

Trong trường hợp không huy động đủ số tiền nêu trên thì Công ty sẽ bổ sung nguồn vốn lưu động từ nguồn khác của Công ty (ví dụ như tiền, các khoản nợ phải thu, vay ngân hàng...) đảm bảo thanh toán đầy đủ, đúng hạn các nghĩa vụ tài chính của Công ty theo đúng quy định của pháp luật. Căn cứ vào tình hình thực tế, HĐQT ủy quyền Hội đồng quản trị Công ty điều chỉnh kế hoạch sử dụng vốn nêu trên nếu thấy cần thiết đảm bảo đúng quy định của pháp luật, đúng mục đích đã được HĐQT thông qua và công bố thông tin theo đúng của định của pháp luật. Đồng thời, thực hiện báo cáo cổ đông tại kỳ Đại hội gần nhất đối với trường hợp điều chỉnh Phương án sử dụng vốn.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐUỢT PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU TĂNG VỐN
ĐIỀU LỆ TỪ 150 TỶ ĐỒNG LÊN 250 TỶ ĐỒNG**

Trong giai đoạn từ ngày 21 tháng 12 năm 2022 đến ngày 07 tháng 3 năm 2023 (tiếp theo)

- > Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị 13.12.2022/NQ-HĐQT-SBG ngày 13 tháng 12 năm 2022 thông qua việc điều chỉnh phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng. Cụ thể:

ST T	Khoản mục	Số tiền sử dụng theo phương án cũ (VND)	Số tiền sử dụng theo phương án mới (VND)
1	Thanh toán công nợ phải trả cho nhà cung cấp, chi tiết: <i>Thanh toán công nợ phải mua nông sản cho Công ty cổ phần nông nghiệp Kiến Nông</i>	80.000.000.000	80.000.000.000
2	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của SBG (*)	45.000.000.000	54.531.644.597
3	Trả tiền thuê đất, chi tiết: <i>Thanh toán tiền thuê đất theo Hợp đồng thuê đất tại khu Công nghiệp Châu Đức số: 87/HĐTD-SZC-KD ngày 20/04/2022 giữa Công ty cổ phần Tập đoàn Cơ khí công nghệ cao SIBA và CTCP Sonadezi Châu Đức để thực hiện dự án đầu tư: Cơ khí Công nghệ cao Siba Bà Rịa – Vũng Tàu</i>	25.000.000.000	15.468.355.403
Tổng cộng		150.000.000.000	150.000.000.000

- (*) Chi tiết phương án sử dụng vốn của số tiền thay đổi theo phương án mới:

STT	Khoản mục	Số tiền (VND)
1	Tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2022	6.700.000.000
2	Mở thư bảo lãnh 80% giá trị hồ sơ 0311/2022/KHM-SIBA_cung cấp inox tấm, hộp dự án Hải Đăng	3.900.000.000
3	Thanh toán 70% giá trị hồ sơ 20/07/22/P2/HĐMB_cung cấp tấm sản phẩm gang dự án Đông & Nam An Khánh	3.694.521.600
4	Thanh toán 100% giá trị hồ sơ 079/2022/HĐMB/VGL-KD về việc nhúng khuôn khung thép cho dự án Đông An Khánh	1.895.655.697
5	Thanh toán 70% giá trị hồ sơ 190722/HĐKT/HTX_SIBA_cung cấp vách nhựa cho dự án Đông & Nam An Khánh	741.467.300
6	Tạm ứng 5% giá trị hồ sơ VNM-RG-2021-0007/4 cung cấp máy S4P4 cho NM Nghệ An_EUR	2.400.000.000
7	Thanh toán đợt 1: 20% giá trị HĐ số VNM-ZKA-2022-0001/4 & VNM-ZKA-2022-0001/5 về việc mua máy cho nhà máy Vũng Tàu 1.340.000 EUR	35.200.000.000
Tổng cộng		54.531.644.597

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU TĂNG VỐN
ĐIỀU LỆ TỪ 150 TỶ ĐỒNG LÊN 250 TỶ ĐỒNG

Trong giai đoạn từ ngày 21 tháng 12 năm 2022 đến ngày 07 tháng 3 năm 2023 (tiếp theo)

- Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị 02.03.2023/NQ-HDQT-SBG ngày 02 tháng 3 năm 2023 thông qua việc Điều chỉnh thông tin phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng cho mục đích: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của SBG tại Nghị quyết HĐQT số 13.12.2022/NQ-HDQT-SBG ngày 13/12/2022. Cụ thể:

Chi tiết nội dung phương án sử dụng vốn của số tiền (35,2 tỷ đồng) trong khoản mục: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của SBG (54,5 tỷ đồng) tại Nghị quyết HĐQT số 13.12.2022/NQ-HDQT-SBG ngày 13/12/2022:

STT	Khoản mục	Số tiền (VND)
1	Thanh toán đợt 1: 20% giá trị HD số VNM-ZKA-2022-00014 & VNM-ZKA-2022-00015 về việc mua máy cho nhà máy Vũng Tàu: 1,340,000 EUR	35.200.000.000

Điều chỉnh lại nội dung phương án sử dụng vốn của số tiền (35,2 tỷ đồng) trong khoản mục: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của SBG (54,5 tỷ đồng) tại Nghị quyết HĐQT số 13.12.2022/NQ-HDQT-SBG ngày 13/12/2022:

STT	Khoản mục	Số tiền (VND)
1	Thanh toán đợt 1: 20% giá trị HD số VNM-ZKA-2022-00014 & 30% giá trị HD số VNM-ZKA-2022-00015 về việc mua máy cho nhà máy Vũng Tàu: 1,378,000 EUR	35.200.000.000

- Ngày 08 tháng 11 năm 2022, Công ty đã được UBCK cấp Giấy chứng nhận đăng ký Chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng số 318/GCN-UBCK, với các nội dung:
- + Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông;
 - + Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng (Mười nghìn đồng);
 - + Tổng số cổ phiếu chào bán: 10.000.000 cổ phiếu (Mười triệu cổ phiếu);
 - + Tổng giá trị chào bán (tính theo mệnh giá cổ phiếu): 100.000.000.000 đồng (Một trăm tỷ đồng);
 - + Thời gian phân phối: Trong vòng 90 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán có hiệu lực;
 - + Phương thức phân phối: Theo phương án nêu trong Báo cáo bạch;
 - + Tổ chức tư vấn phát hành: Công ty Cổ phần chứng khoán Navibank.

Δ. Kết quả phát hành:

- Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị 13.12/SBG/NQ-HDQT ngày 13 tháng 12 năm 2022 thông qua kết quả chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng và Báo cáo kết quả đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng số 14.12/2022/BC-SBG ngày 14/12/2022 gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Công ty đã hoàn tất đợt phát hành với các nội dung sau:
- Cổ phiếu chào bán: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Cơ khí Công nghệ cao Siba;
 - Tổng số cổ phiếu đã phân phối: 10.000.000 cổ phiếu, tương ứng 100% tổng số cổ phiếu chào bán.
- Trong đó:
- + Số lượng cổ phiếu của Tổ chức phát hành: 10.000.000 cổ phiếu;
 - + Số lượng cổ phiếu của cổ đông/chủ sở hữu/thành viên: 0 cổ phiếu;

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ TỪ 150 TỶ ĐỒNG LÊN 250 TỶ ĐỒNG

Trong giai đoạn từ ngày 21 tháng 12 năm 2022 đến ngày 07 tháng 3 năm 2023 (tiếp theo)

- Tổng số tiền thu được từ đợt chào bán: 150.000.000 đồng (Một trăm mười tỷ đồng), trong đó:
 - + Tổng số tiền của Tổ chức phát hành: 150.000.000.000 đồng;
 - + Tổng số tiền của cổ đông/chủ sở hữu/thành viên: 0 đồng
- Tổng chi phí: 175.500.000 đồng. Trong đó:
 - + Chi phí tư vấn: 150.000.000 đồng
 - + Chi phí đăng báo: 5.500.000 đồng
 - + Phí cấp Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng: 20.000.000 đồng
- Tổng số tiền thu ròng từ việc bán cổ phiếu: 149.824.500.000 VNĐ(Một trăm bốn mươi chín tỷ tám trăm hai mươi tư triệu năm trăm nghìn đồng)

➤ Cơ cấu vốn của Tổ chức phát hành sau đợt chào bán

TT	Danh mục	Số lượng cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Giá trị cổ phần sở hữu theo mệnh giá	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông trong nước, nước ngoài				
1	Trong nước	251	25.000.000	250.000.000.000	100%
1.1	Nhà nước	0	0	0	0
1.2	Tổ chức	1	13.900.000	139.000.000.000	55,60%
1.3	Cá nhân	250	11.100.000	111.000.000.000	44,40%
2	Nước ngoài	0	0	0	0
2.1	Tổ chức nước ngoài, Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ	0	0	0	0
2.2	Cá nhân	0	0	0	0
	Tổng cộng (1 + 2)	251	25.000.000	250.000.000.000	100%
II	Cổ đông sáng lập, cổ đông lớn, cổ đông khác				
1	Cổ đông sáng lập	0	0	0	0
2	Cổ đông lớn	3	20.585.000	205.850.000.000	82,34%
3	Cổ đông nắm giữ dưới 5% số cổ phiếu có quyền biểu quyết	248	4.415.000	44.150.000.000	17,66%
	Tổng cộng (2 + 3)	251	25.000.000	250.000.000.000	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỬ ĐỢT PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ TỪ 150 TỶ ĐỒNG LÊN 250 TỶ ĐỒNG

Trong giai đoạn từ ngày 21 tháng 12 năm 2022 đến ngày 07 tháng 3 năm 2023 (tiếp theo)

➤ Danh sách và tỷ lệ sở hữu của Cổ đông sau khi phát hành:

TT	Tên cổ đông	Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu tương đương khác/Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	CTCP Siba Holdings	Số ĐKKD: 0109778609 Ngày cấp: 14/10/2021 Nơi cấp: Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội	13.900.000	55,60%
2	Nguyễn Văn Đức	Số CMND: 221055326 Ngày cấp: 25/07/2012 Nơi cấp: CA. Phú Yên	4.425.000	17,70%
3	Phan Hồng Văn	Số CCCD: 001177031233 Ngày cấp: 20/04/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH	2.260.000	9,04%
Tổng cộng			20.585.000	82,34%

➤ Ngày 20 tháng 12 năm 2022, Ủy ban chứng khoán Nhà nước đã có công văn số 8371/UBCK-QLCB chấp thuận Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng số 14.12/2022/BC-SBG ngày 14 tháng 12 năm 2022 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Cơ khí Công nghệ cao Siba.

Như vậy, từ ngày 08 tháng 11 năm 2022 đến ngày 20 tháng 12 năm 2022, vốn điều lệ của Công ty tăng từ 150.000.000.000 VND lên 250.000.000.000 VND (tương ứng với số cổ phần tăng thêm là 10.000.000 cổ phần) từ việc phát hành cổ phiếu. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu và thặng dư vốn cổ phần tại thời điểm ngày 20 tháng 12 năm 2022 như sau:

Nội dung	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần (*)
Số dư tại ngày 08 tháng 11 năm 2022	150.000.000.000	30.000.000.000
Tăng vốn trong năm	100.000.000.000	49.824.500.000
Số dư tại ngày 20 tháng 12 năm 2022	250.000.000.000	79.824.500.000

(*) Thặng dư vốn cổ phần được tính bằng khoản chênh lệch về mệnh giá của cổ phiếu so với giá phát hành (50.000.000.000 VND) trừ đi các chi phí phát hành (175.500.000 VND)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU TĂNG VỐN
ĐIỀU LỆ TỪ 150 TỶ ĐỒNG LÊN 250 TỶ ĐỒNG**

Trong giai đoạn từ ngày 21 tháng 12 năm 2022 đến ngày 07 tháng 3 năm 2023 (tiếp theo)

2. Tình hình sử dụng vốn thu được từ phát hành cổ phiếu

Đến ngày 20 tháng 12 năm 2022, Công ty Cổ phần Tập đoàn Cơ khí Công nghệ cao Siba đã hoàn tất các thủ tục tăng vốn. Đến thời điểm hiện tại, Công ty đã sử dụng toàn bộ số tiền tăng vốn đúng theo phương án sử dụng vốn được Đại hội đồng cổ đông thông qua, cụ thể:

Nội dung	Số tiền (VND)
Số tiền tăng vốn	150.000.000.000
Số tiền sử dụng vốn (*)	150.000.000.000
Số tiền còn lại	-

(*) Chi tiết tình hình sử dụng vốn được trình bày tại Phụ lục 1 đính kèm báo cáo này

Lập ngày 20 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu

Võ Thị Cẩm Tú

Kế toán trưởng

Hà Thị Ngọc Sơn



Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn Đức

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Công Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ TỪ 150 TỶ ĐỒNG LÊN 250 TỶ ĐỒNG

Trong giai đoạn từ ngày 21 tháng 12 năm 2022 đến ngày 07 tháng 3 năm 2023 (tiếp theo)

Phụ lục 1: Chi tiết tình hình sử dụng vốn thu từ đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ tại Ngân hàng TMCP Quân đội – Số Giao dịch 2

STT	Ngày chứng từ	Chung từ đi kèm	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
1	21/12/2022	Ủy nhiệm chi	C.TY SIBA THANH TOAN DOT 3 TIEN THU E DAT HD 87/HDTD-SZC-KD (20/4/2022) CHO CTY CP SONADEZI CHAU DUC	990.000	
2	21/12/2022	Ủy nhiệm chi	C.TY SIBA THANH TOAN DOT 3 TIEN THU E DAT HD 87/HDTD-SZC-KD (20/4/2022) CHO CTY CP SONADEZI CHAU DUC	15.468.355.403	
3	22/12/2022	Ủy nhiệm chi	CTY SIBA THANH TOAN DOT 1HD 2803-20 22/KN-SIBA/20K CHO CTY CP NONG NGHI EP KIEN NONG	80.000.000.000	
4	22/12/2022	Ủy nhiệm chi	CTY SIBA THANH TOAN DOT 1HD 2803-20 22/KN-SIBA/20K CHO CTY CP NONG NGHI EP KIEN NONG	990.000	
5	23/12/2022	Ủy nhiệm chi	CTY SIBA THANH TOAN DOT 3 (LAN 1) HD 079/2022/HDMB/VGL-KD (24/08/2022) THU BAO LANH MD2227840618 (05/10/ 2022) CHO CTY VINGAL-VNSTEEL	519.844.975	
6	23/12/2022	Ủy nhiệm chi	CTY SIBA THANH TOAN DOT 3 (LAN 1) HD 079/2022/HDMB/VGL-KD (24/08/2022) THU BAO LANH MD2227840618 (05/10/ 2022) CHO CTY VINGAL-VNSTEEL	142.957	
7	23/12/2022	Ủy nhiệm chi	CTY SIBA CHUYEN KHOAN TAM NOP THUE TNDN NAM 2022	6.700.000.000	
8	23/12/2022	Ủy nhiệm chi	CTY SIBA CHUYEN KHOAN TAM NOP THUE TNDN NAM 2022	990.000	
9	26/12/2022	Ủy nhiệm chi	TIDOT1 HD VNM-RG-2021-0007 4	2.333.371.500	
10	28/12/2022	Ủy nhiệm chi	CTY SIBA THANH TOAN DOT 3 (LAN CUOI) HOP DONG 079/2022/HDMB/VGL-KD (24/8/22)THU BAO LANH MD2227840618 (05/10/22)CHO CTY VINGAL-VNSTEEL	696.425.321	
11	28/12/2022	Ủy nhiệm chi	CTY SIBA THANH TOAN DOT 3 (LAN CUOI) HOP DONG 079/2022/HDMB/VGL-KD (24/8/22)THU BAO LANH MD2227840618 (05/10/22)CHO CTY VINGAL-VNSTEEL	191.517	
12	28/12/2022	Ủy nhiệm chi	CTY SIBA THANH TOAN DOT 4,5 HD 079/ 2022/HDMB/VGL-KD(24/8/2022) THU BAO LANH MD2227840618 (05/10/22) CHO CT VINGAL-VNSTEEL	313.005.978	

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHIỆP CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ TỪ 150 TỶ ĐỒNG LÊN 250 TỶ ĐỒNG

Trong giai đoạn từ ngày 21 tháng 12 năm 2022 đến ngày 07 tháng 3 năm 2023 (tiếp theo)

Phụ lục 1: Chi tiết tình hình sử dụng vốn từ đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ tại Ngân hàng TMCP Quân đội – Sở Giao dịch 2

STT	Ngày chứng từ	Chứng từ đi kèm	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
13	28/12/2022	Ủy nhiệm chi	CTY SIBA THANH TOAN ĐÓT 4,5 HD 079/ 2022/HDMB/VGL-KD(24/8/2022) THU BAO LANH MD2227840618 (05/10/22) CHO CT VINGAL-VNSTEEL	61.975	
14	04/01/2023	Ủy nhiệm chi	C.TY SIBA QUYẾT TOÁN HD 20/07/22/P2 /HDMB(20/07/2022)THU BAO LANH MD2234398954(9/12/2022) CHO C.TY MI NH PHAT HUY	3.694.521.600	
15	04/01/2023	Ủy nhiệm chi	C.TY SIBA QUYẾT TOÁN HD 20/07/22/P2 /HDMB(20/07/2022)THU BAO LANH MD2234398954(9/12/2022) CHO C.TY MI NH PHAT HUY	990.000	
16	04/01/2023	Ủy nhiệm chi	C.TY SIBA CHUYỂN KHOẢN: MÔ THU BAO LANH HD 03/11/2022/KHM-SIBA (03/11/2022)CHO C.TY KHA HOANG MINH	990.000	
17	04/01/2023	Ủy nhiệm chi	C.TY SIBA CHUYỂN KHOẢN: MÔ THU BAO LANH HD 03/11/2022/KHM-SIBA (03/11/2022)CHO C.TY KHA HOANG MINH	3.900.000.000	
18	10/01/2023	Ủy nhiệm chi	C.TY SIBA QUYẾT TOÁN (ĐÓT 1) HD 1907 22/HDKT/HTX-SIBA (19/07/2022) THU BAO LANH MD232290925 (18/11/2022) CHO C.TY HANH TINH XANH	741.467.300	
19	10/01/2023	Ủy nhiệm chi	CTY SIBA QUYẾT TOÁN (ĐÓT 1) HD 1907 22/HDKT/HTX-SIBA (19/07/2022) THU BAO LANH MD232290925 (18/11/2022) CHO C.TY HANH TINH XANH	203.904	
20	11/01/2023	Ủy nhiệm chi	CT SIBA TỨ ĐÓT 6,7 HD 079/2022/HDMB VGL-KD (24/8/22)THU BL MD2227840618 5/10/22 CHO CT VINGAL-VNSTEEL	19.800	
21	11/01/2023	Ủy nhiệm chi	CT SIBA TỨ ĐÓT 6,7 HD 079/2022/HDMB VGL-KD (24/8/22)THU BL MD2227840618 5/10/22 CHO CT VINGAL-VNSTEEL	47.839.497	
22	12/01/2023	Ủy nhiệm chi	TỔ ĐÓT 1 (1.274.000 EUR) HD VNM-ZKA -2022-0001/4 N23.12.2022.DOT 1 (76.000 EUR) HD VNM-ZKA-2022-0001/5 N30.12.2022	34.263.000.000	

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHIỆP CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ TỬ 150 TỶ ĐỒNG LÊN 250 TỶ ĐỒNG

Trong giai đoạn từ ngày 21 tháng 12 năm 2022 đến ngày 07 tháng 3 năm 2023 (tiếp theo)

Phụ lục 1: Chi tiết tình hình sử dụng vốn thu từ đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ tại Ngân hàng TMCP Quân đội – Sở Giao dịch 2

STT	Ngày chứng từ	Chứng từ đi kèm	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
23	12/01/2023	Ủy nhiệm chi	/RFB/VNM-ZKA-2022-00014 DD221223 EUR1274000,VNM-ZKA-2022-00015 DD221230 EUR76000 ,NGUOI CHUYEN TIEN: /9000136530930 SIBA HIGH-TECH MECHANICAL GROUP JSC.ADD: 99A1 CONGHOA, WARD4, TAN BINH DISTRICT, HOCHIMINH CITY, VIETNAM	75.415.606	
24	12/01/2023	Ủy nhiệm chi	CT SIBA TT DOT 8,9 HD 079/2022/HDMB /VGL-KD(24/8/23) THU BL MD222784061 8 (5/10/22) CHO CT VINGAL-VNSTEEL	187.095.139	
25	12/01/2023	Ủy nhiệm chi	CT SIBA TT DOT 8,9 HD 079/2022/HDMB /VGL-KD(24/8/23) THU BL MD222784061 8 (5/10/22) CHO CT VINGAL-VNSTEEL	37.045	
28	07/03/2023	Ủy nhiệm chi	TT HD VNM-ZKA-2022-0001 5 NN 30.12.22	965.200.000	
29	07/03/2023	Ủy nhiệm chi	CTY SIBA TT DOT 10(LAN 1) HD 079/20 22/HDMB/VGL-KD(24/08/2022)THU BAO L. ANH IGT230713(23/02/2023) CHO CT VINGAL-VNSTEEL	131.444.787	
30	07/03/2023	Ủy nhiệm chi	CTY SIBA TT DOT 10(LAN 1) HD 079/20 22/HDMB/VGL-KD(24/08/2022)THU BAO L. ANH IGT230713(23/02/2023) CHO CT VINGAL-VNSTEEL	26.026	
31	07/03/2023	Ủy nhiệm chi	/RFB/2NF PMT (38,000 EUR) AS CTR VNM-ZKA-2022-0001/5 DD30/12/2022 AND AMENDMENT TO CTR VNM-ZKA- 2022-0001/5 DD10/02/2023 .NGUOI CHUYEN TIEN: /0000215820294 SIBA HIGH-TECH MECHANICAL GROUP JSC.ADD: 99A1 CONGHOA, WARD4, TAN BINH DISTRICT, HOCHIMINH CITY, VIETNAM	2.256.718	
			Cộng các khoản chi	150.044.877,048	
			Số tiền thu vốn góp	150.000.000,000	
			Số tiền chi từ các nguồn khác của Công ty Cổ phần Tập đoàn cơ khí công nghiệp cao Siba	44.877,048	

